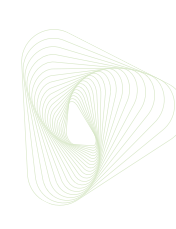


**BỨT PHÁ CÙNG CÁCH MẠNG
NGÂN HÀNG SỐ**



NỘI DUNG

04 GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

44 BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

84 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

100 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

122 CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

138 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BỨT PHÁ ẤN TƯỢNG

GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD	6-9
Thông tin khái quát	10
Lịch sử hình thành và phát triển	12-19
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	20
10 dấu ấn của Vietcombank 2018	22-27
Mô hình quản trị & Cơ cấu bộ máy quản lý	28
Chỉ số tài chính cơ bản 2014 - 2018	30-33
Định hướng phát triển	34
Danh hiệu và giải thưởng	36-43

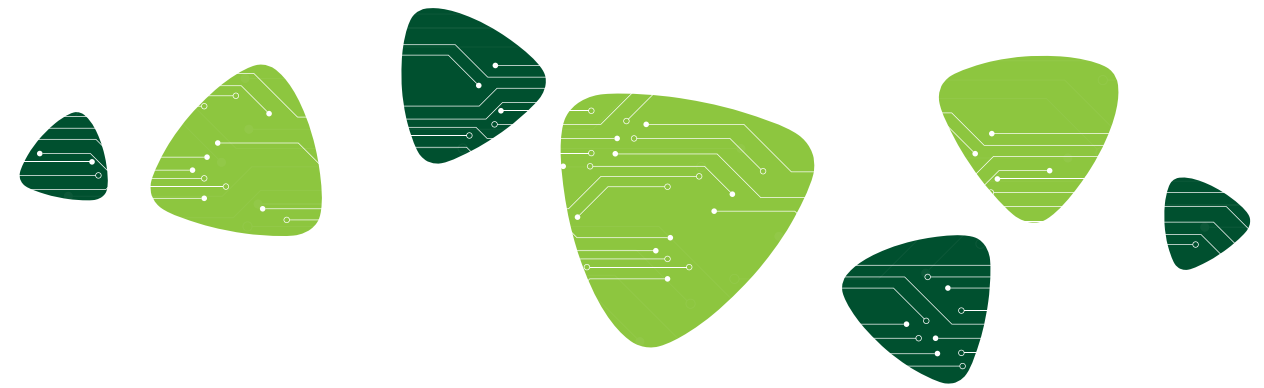
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC


LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
 (TỶ ĐỒNG)

GẦN 18.300

 Tăng gấp gần 3 lần so với trước
 thời điểm triển khai đề án tái cơ cấu
 giai đoạn 2016 - 2020

Kết thúc năm 2018, lợi nhuận trước thuế của Vietcombank đạt gần 18.300 tỷ đồng, tăng 61,1% so với năm 2017 và gấp gần 3 lần so với thời điểm bắt đầu tái cơ cấu giai đoạn 2016 - 2020.



Năm 2018, kinh tế thế giới tiếp tục có dấu hiệu khả quan tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rủi ro từ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Kinh tế trong nước tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng và vươn lên mạnh mẽ với tăng trưởng GDP ở mức 7,08% và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây; lạm phát tiếp tục được kiểm soát thấp hơn mức mục tiêu 4% (CPI bình quân tăng 3,54%).

Ngân hàng Nhà nước đã điều hành thành công chính sách tiền tệ và hoạt động ngành ngân hàng: Thanh khoản được duy trì tốt, mặt bằng lãi suất, tỷ giá ổn định, tăng trưởng tín dụng hợp lý, công tác cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu được triển khai mạnh mẽ, tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm.

Năm 2018, với việc nghiêm túc thực thi các chính sách của Chính phủ và điều hành Ngân hàng Nhà nước, đánh dấu chặng đường 55 năm dựng xây và phát triển, Vietcombank tiếp tục bứt phá, hoàn thành xuất sắc, toàn diện tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tạo dấu ấn mới trên nhiều phương diện và khẳng định vị trí số 1 về lợi nhuận và chất lượng hoạt động.

Vietcombank đã có sự bứt phá ấn tượng, vượt mức kỳ lục của ngành ngân hàng do chính Vietcombank xác lập vào năm 2017. Kết thúc năm 2018, lợi nhuận trước thuế của Vietcombank đạt gần 18.300 tỷ đồng, tăng 61,1% so với năm 2017 và gấp gần 3 lần so với thời điểm bắt đầu tái cơ cấu giai đoạn 2016 - 2020. Đặc biệt trên nền tảng tổng tài sản và tăng trưởng tín dụng thấp hơn so với những năm trước, lãi suất cho vay thuộc nhóm thấp nhất thị trường, kết quả này khẳng định được tính đúng đắn của chiến lược chuyển dịch hoạt động kinh doanh tập trung vào 3 trụ cột chính là bán lẻ, kinh doanh vốn và dịch vụ của Vietcombank và sự nỗ lực, tận tâm cống hiến của toàn bộ cán bộ Vietcombank trên toàn hệ thống.

Tỷ lệ nợ xấu đến cuối năm 2018 của Vietcombank giảm xuống dưới 1%, mức thấp nhất trong 10 năm trở lại đây, về đích trước 2 năm so với Đề án tái cơ cấu Vietcombank và là ngân hàng thương mại đầu tiên của Việt Nam đưa tỷ lệ nợ xấu thực chất xuống dưới 1% và phân loại theo chuẩn mực quốc tế.

Cùng với đó, Vietcombank đã trở thành Ngân hàng có qui mô vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam vào cuối năm 2018. Ngày 28/12/2018, Vietcombank đã chính thức được Chính phủ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt tăng vốn điều lệ thông qua việc bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài là GIC và Mizuho với tổng giá trị giao dịch lên tới 6.168 tỷ đồng. Việc bán thành công cổ phần cho GIC - quỹ đầu tư của Chính phủ Singapore đã khẳng định uy tín, vị thế và tiềm năng phát triển của Vietcombank và niềm tin gia tăng của nhà đầu tư nước ngoài đối với hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC

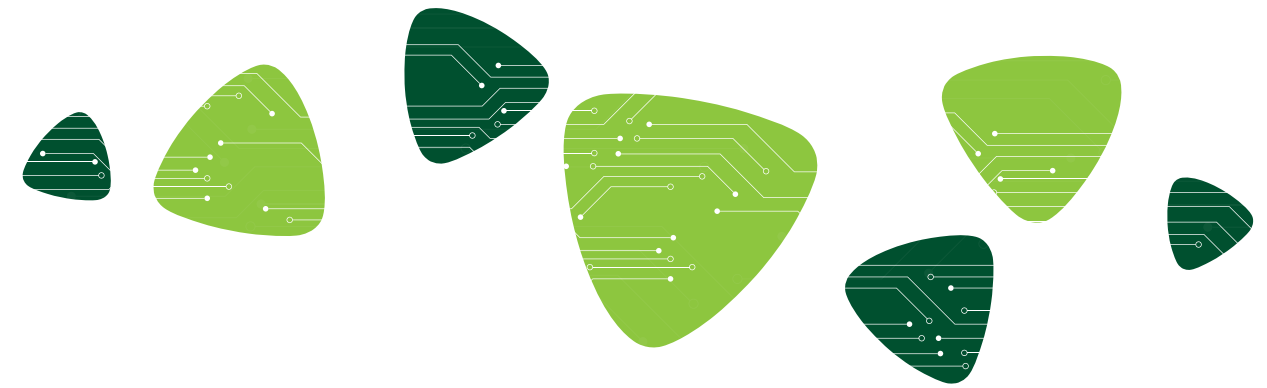


TỔNG TÀI SẢN
(TỶ ĐỒNG)

1.074.027

Tăng 3,74% so với năm 2017

Năm 2018, với mốc lịch sử 55 năm phát triển, Vietcombank đã ghi dấu một giai đoạn phát triển đầy bản lĩnh và tự hào, khẳng định vị thế ngân hàng tiên phong trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.



Ngày 28/11/2018, Vietcombank đã chính thức được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận, là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đáp ứng các chuẩn mực an toàn theo Basel II, được áp dụng Thông tư 41 sớm 01 năm so với yêu cầu.

Năm 2018, với mốc lịch sử 55 năm phát triển, Vietcombank đã ghi dấu một giai đoạn phát triển đầy bản lĩnh và tự hào, khẳng định vị thế ngân hàng tiên phong trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam. Đây cũng là giai đoạn ghi dấu chặng đường phát triển 5 năm (2013 – 2018) với những chuyển dịch mạnh mẽ, toàn diện và ấn tượng của Vietcombank.

Với những kết quả và thành tựu đạt được, Vietcombank đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước trao tặng nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập. Trong thư chúc mừng gửi toàn thể cán bộ nhân viên Vietcombank nhân dịp này, đồng chí Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng, đồng chí Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, đồng chí Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lê Minh Hưng đều bày tỏ tin tưởng và giao nhiệm vụ cho Vietcombank trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam và sớm trở thành ngân hàng tâm cỡ trong khu vực và quốc tế.

Bước sang năm 2019, để xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của Đảng, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, các cổ đông, các nhà đầu tư và của hàng triệu khách hàng; Ban Lãnh đạo Vietcombank cùng hơn 17.000 cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống cam kết sẽ làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, quyết tâm cao độ để sớm đưa Vietcombank chinh phục mục tiêu chiến lược trở thành 1 trong 100 ngân hàng lớn nhất trong khu vực Châu Á, 1 trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất toàn cầu, được quản trị theo các thông lệ tốt nhất.

Chủ tịch HĐQT
NGHIÊM XUÂN THÀNH

Tổng Giám đốc
PHẠM QUANG DŨNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.

Tên công ty bằng tiếng Anh:

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM.

Tên giao dịch: VIETCOMBANK

Tên viết tắt: VIETCOMBANK

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN

do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (đăng ký lần đầu)

Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/12/2016

Vốn điều lệ: 35.977.685.750.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bảy tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng

Mã cổ phiếu: VCB

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.597.768.575

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm,

TP. Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 84 - 24 - 3934 3137

Fax: 84 - 24 - 3826 9067

Website: www.vietcombank.com.vn

VỐN ĐIỀU LỆ
35.978
(TỶ ĐỒNG)

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TỔ CHỨC TIỀN THÂN CỦA VIETCOMBANK

Tiền thân của Vietcombank là Sở Quản lý Ngoại hối thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập ngày 20/01/1955 theo Nghị định 443/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 1961, Sở Quản lý Ngoại hối được đổi tên thành Cục Ngoại hối thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Nghị định 171/CP ngày 26/10/1961 của Hội đồng Chính phủ. Đơn vị này vừa thực hiện chức năng tham mưu, nghiên cứu chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại hối, vừa tiến hành các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của một ngân hàng thương mại đối ngoại. Đây là bước phát triển, tạo tiền đề thành lập ngân hàng chuyên doanh và nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại sau này.

Ngày 30/10/1962

NGHỊ ĐỊNH SỐ 115/CP THÀNH LẬP NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Để phù hợp với tập quán quốc tế về hoạt động ngân hàng đối ngoại, ngày 30/10/1962, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 115/CP thành lập Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với nhiệm vụ: Kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế, tín dụng quốc tế, cho vay ngoại thương, tham gia quản lý ngoại hối, góp phần bảo vệ tiền tệ và tài sản nhà nước, tăng cường và mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa với nước ngoài.

Ngày 01/04/1963

RA MẮT NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Sau một thời gian chuẩn bị, Ngân hàng Ngoại thương (NHNT) Việt Nam chính thức ra mắt và đi vào hoạt động với tư cách một pháp nhân ngân hàng đối ngoại, kể từ đó thương hiệu NHNT Việt Nam (tiếng Anh: Bank For Foreign Trade of Vietnam) viết tắt là Vietcombank chính thức ra đời. Trụ sở giao dịch đặt tại sảnh tầng 1 tòa nhà 47-49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, cũng là trụ sở của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Vietcombank mang 2 "nhiệm vụ": Đối nội: Tham mưu cho NHNN về quản lý ngoại hối; Đối ngoại: Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh tiền tệ, tín dụng, các nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại như thanh toán xuất nhập khẩu, thanh toán vay nợ, viện trợ quốc tế, các dịch vụ ngân hàng phục vụ cho các cơ quan nước ngoài tại Việt Nam, các dịch vụ chuyển ngân, thanh toán séc với nước ngoài v.v...

Ngay sau khi thành lập, Vietcombank đã nỗ lực phấn đấu, tích cực lao động và trau dồi nghiệp vụ, phát triển mối quan hệ giao thương với các ngân hàng bạn bè xã hội chủ nghĩa, bước đầu hình thành mạng lưới thanh toán quốc tế với các nước tư bản chủ nghĩa và thực hiện quan hệ tín dụng với các tổ chức kinh tế nước ngoài, từ đó góp phần xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Giai đoạn 1963 – 1975

SỨ MỆNH CAO CẢ TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN

Trong giai đoạn 1963 – 1975, thời kỳ chiến tranh chống Mỹ ác liệt, Vietcombank đã đảm đương thành công nhiệm vụ lịch sử là ngân hàng thương mại đối ngoại duy nhất tại Việt Nam, hỗ trợ chi viện tài chính cho chiến trường miền Nam, đồng thời góp phần xây dựng và phát triển kinh tế miền Bắc.

Để tiếp nhận nguồn vốn viện trợ ngoại tệ của nước ngoài và tạo nguồn ngoại tệ để trang bị khí tài cho chiến trường miền Nam, tháng 4/1965, theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thành lập một tổ chức chuyên trách nghiệp vụ thanh toán đặc biệt với bí danh B29 tại Vietcombank. Ra đời với một cơ cấu tổ chức rất gọn nhẹ, B29 hoạt động đơn tuyến và bảo mật đến mức tối đa được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị và Thường vụ Trung ương Cục Miền Nam. Với trên 10 người hoạt động trong thời gian 10 năm, Quỹ Ngoại tệ đặc biệt B29 đã tham gia vận chuyển và chuyển khoản một lượng lớn ngoại tệ, chi viện cho chiến trường miền Nam. "Con đường chuyển tiền" gắn với bí số B29 đã trở thành một trong 5 "đường mòn Hồ Chí Minh" huyền thoại, đóng góp quan trọng cho chiến thắng của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là một chiến công thầm lặng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mà Cục Ngoại hối, Ngân hàng Ngoại thương có vinh dự được tham gia.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)



Giai đoạn 1975 – 1990 LỚN MẠNH TRONG GIAN KHÓ

Sau ngày miền Nam giải phóng, bằng nhiều biện pháp tích cực và có hiệu quả, Vietcombank đã nhanh chóng tiếp quản hệ thống ngân hàng của chế độ cũ, đấu tranh với các ngân hàng nước ngoài, thu về cho quốc gia một khối lượng tài sản, vốn ở nước ngoài lên tới hàng trăm triệu đô la Mỹ, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Cũng trong thời kỳ này, các mối quan hệ quốc tế của Vietcombank được mở rộng một bước đáng kể thông qua việc kế thừa quyền hội viên của Việt Nam tại Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á, mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý với hơn 500 đơn vị ngân hàng đại lý trên toàn thế giới, mở văn phòng đại diện tại nước ngoài, tham gia các hoạt động tài chính, tiền tệ, thanh toán trong khối SEV.

Vietcombank trở thành ngân hàng đối ngoại duy nhất của Việt Nam thực hiện độc quyền ngoại hối trên 3 phương diện: Độc quyền ngoại tệ, độc quyền thanh toán giao dịch quốc tế, độc quyền cung ứng tín dụng xuất nhập khẩu.

Đến cuối những năm 80, Vietcombank đã thiết lập một hệ thống ngân hàng chuyên doanh đối ngoại thống nhất trong cả nước gồm Trụ sở chính tại Hà Nội và 11 chi nhánh tại các địa bàn trọng yếu.

Với vai trò là ngân hàng chuyên doanh đối ngoại, Vietcombank đã đóng vai trò quan trọng tháo gỡ khó khăn cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp thông qua cho vay và hỗ trợ doanh nghiệp, là đơn vị đầu tiên đứng ra bảo lãnh nhập hàng trả chậm, sử dụng uy tín của mình vay các ngân hàng nước ngoài hàng trăm triệu đô la Mỹ, tháo gỡ khó khăn chung của cả nước.

THỜI KỲ ĐẦU ĐỔI MỚI 1990 - 2000

Năm 1990, Đề án đổi mới hoạt động ngân hàng được Hội đồng Bộ trưởng thông qua, từ đây Vietcombank đã trở thành ngân hàng thương mại quốc doanh, kinh doanh trong lĩnh vực đối ngoại.

Với chức năng thực hiện quản lý vốn ngoại tệ tập trung vào năm 1993, Vietcombank đã chính thức tham gia sâu rộng hơn vào thị trường tiền tệ thế giới, gia nhập tổ chức thanh toán quốc tế SWIFT, là thành viên của Hiệp hội ngân hàng Châu Á vào năm 1995, gia nhập tổ chức thẻ quốc tế và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành các loại thẻ tín dụng quốc tế là Master card và Visa card năm 1996, đồng thời Vietcombank là ngân hàng sáng lập Hội thẻ ngân hàng Việt Nam, tiên phong trong ứng dụng công nghệ vào hoạt động ngân hàng. Trong giai đoạn này, Vietcombank đã tham gia đầu tư vào một loạt các dự án lớn trong các lĩnh vực trọng yếu của đất nước như đường ống khí đốt Nam Côn Sơn, Đạm Phú Mỹ, Duôi hơi Phú Mỹ, Thủy điện Yaly,...

Trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn do sự bao vây cấm vận, Vietcombank đã hoàn thành xuất sắc vai trò ngân hàng đối ngoại duy nhất thay mặt quốc gia hoạt động trên thị trường tiền tệ, thị trường tài chính quốc tế, tham gia cùng Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đàm phán giảm xử lý thành công công nợ Nhà nước tại Câu lạc bộ Paris và nợ thương mại tại Câu lạc bộ London, tạo điều kiện cho nền kinh tế đất nước vượt qua giai đoạn khó khăn khủng hoảng, từng bước ổn định.

Không chỉ đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động Ngân hàng, trong những thời điểm khó khăn của ngành ngân hàng Việt Nam, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, Vietcombank còn tham gia vào việc chấn chỉnh, củng cố, kiểm soát và xử lý một số NHTM cổ phần yếu kém. Với sự hỗ trợ hiệu quả của Vietcombank về nguồn vốn, nhân lực cũng như các giao dịch nghiệp vụ, các ngân hàng này đã vượt qua được những thời điểm khó khăn nhất của thị trường để từng bước ổn định và vươn lên.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)



Giai đoạn 2000 – 2005

GIAI ĐOẠN TÁI CƠ CẤU VIETCOMBANK

Vietcombank là ngân hàng đầu tiên triển khai và hoàn thành Đề án Tái cơ cấu (2000 – 2005) mà trọng tâm là nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, đóng góp cho sự ổn định và phát triển kinh tế, đồng thời tạo dựng uy tín đối với cộng đồng tài chính khu vực và toàn cầu. Với sự tư vấn hỗ trợ kỹ thuật từ ngân hàng ING trong khuôn khổ dự án của Worldbank, Vietcombank đã làm sạch bảng tổng kết tài sản, nâng cao hiệu quả hoạt động, bước đầu thực hiện chuẩn hóa sắp xếp lại mô hình hoạt động hướng theo thông lệ của các ngân hàng tiên tiến trên thế giới.

Vietcombank đã tăng cường đầu tư, hiện đại hoá, nâng cao trình độ công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ, mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác bằng việc thành lập các công ty liên doanh, các công ty trực thuộc.

Năm 2002, Vietcombank triển khai đưa vào ứng dụng hệ thống ngân hàng lõi – Core Banking và trở thành ngân hàng đầu tiên ở Việt nam cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng trực tuyến (Online Banking), dịch vụ ATM và Internet Banking. Vietcombank là ngân hàng tiên phong ở Việt Nam đã làm một cuộc cách mạng về dịch vụ, sản phẩm ngân hàng thông qua việc phát triển hàng loạt các sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu và đem lại tiện ích gia tăng cho khách hàng.

Với lợi thế về nguồn vốn, đặc biệt là vốn ngoại tệ, Vietcombank đã tham gia tài trợ vốn cho hàng loạt các dự án thuộc các lĩnh vực then chốt phục vụ các dự án trọng điểm phát triển của quốc gia như điện lực, dầu khí, hàng không, viễn thông,...



Ngày 26/12/2007

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Với những kết quả nổi bật trong hoạt động và quản trị điều hành, năm 2007, Vietcombank vinh dự được Đảng, Chính phủ lựa chọn là ngân hàng tiên phong thực hiện cổ phần hóa trong ngành ngân hàng. Ngày 26/12/2007, Vietcombank đã thực hiện thành công kế hoạch phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO). Đây là sự kiện IPO lớn nhất tại thời điểm đó và đã mang lại cho ngân sách Nhà nước nguồn thu thặng dư từ IPO lên tới gần 10 nghìn tỷ đồng – một con số kỷ lục.

Tháng 6/2008

HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH NGÂN HÀNG TMCP

Ngày 02/06/2008, Vietcombank đã chính thức hoàn tất chuyển đổi và hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần.

Ngày 30/06/2009

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Ngày 30/06/2009, cổ phiếu Vietcombank chính thức được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, minh bạch hóa thông tin, thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Ngày 30/09/2011

KÝ KẾT HỢP ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC VỚI MIZUHO CORPORATE BANK

Ngày 30/09/2011, Vietcombank lại một lần nữa tiên phong trong việc bán vốn cho cổ đông chiến lược nước ngoài với bước ngoặt quan trọng thông qua việc ký kết Hợp đồng cổ đông chiến lược với Mizuho Corporate Bank thuộc Tập đoàn Tài chính Mizuho – Tập đoàn tài chính lớn thứ ba tại Nhật Bản và thứ 20 trên thế giới. Việc bán cổ phần chiến lược của Vietcombank đã trở thành thương vụ M&A lớn nhất khu vực trong năm, là minh chứng cho niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào tiềm năng và tương lai phát triển của thị trường tài chính Việt Nam nói chung, của Vietcombank nói riêng.



Ngày 31/03/2013

RA MẮT BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập, Vietcombank đã ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, ghi dấu cho những thành công và sự chuyển đổi quan trọng, chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển mới.

Thương hiệu mới Vietcombank mang những đặc tính riêng với giá trị cốt lõi: Sáng tạo, Phát triển không ngừng, Chu đáo – Tận tâm, Kết nối rộng khắp, Khác biệt, An toàn – Bảo mật, ngoài yếu tố chuyển tải sự liên tục trong hành trình phát triển còn bao hàm những cam kết đồng hành sâu sắc đối với đông đảo khách hàng đã đặt trọn niềm tin vào Vietcombank trong suốt chặng đường nửa thế kỷ dựng xây và phát triển.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)



Giai đoạn 2013 – 2018

HOẠT ĐỘNG BỨT PHÁ, CHINH PHỤC ĐỈNH CAO

Giai đoạn 5 năm 2013 – 2018, Vietcombank đã có những chuyển dịch mạnh mẽ, toàn diện. Hoạt động kinh doanh ghi nhận những kết quả ấn tượng với quy mô tổng tài sản, huy động vốn và tín dụng tăng tương ứng 2,5; 2,9 và 2,3 lần. Năm 2018, Vietcombank đã tăng tốc về tài sản và bứt phá về quy mô lợi nhuận, tổng tài sản tiếp tục vượt mức một triệu tỷ đồng, lợi nhuận đạt 18.269 tỷ đồng, tăng 61,1%, xếp thứ nhất về quy mô lợi nhuận và nộp ngân sách trong ngành ngân hàng. Vietcombank là ngân hàng thương mại đầu tiên của Việt Nam đưa tỷ lệ nợ xấu thực chất xuống dưới 1%, phân loại theo chuẩn mực quốc tế. Công tác hoạch định chiến lược, chỉ đạo và quản trị điều hành của Vietcombank đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ để đáp ứng và đón đầu những biến đổi của thị trường và xu thế hội nhập quốc tế. Hệ thống mạng lưới trong nước và nước ngoài liên tục mở rộng; công tác khách hàng thay đổi theo chiều sâu; mô hình tổ chức được chuẩn hóa; công tác quản trị nguồn nhân lực có những

đổi mới mạnh mẽ; bước đầu thực hiện quản trị rủi ro một cách toàn diện theo chuẩn mực quốc tế thông qua triển khai Hiệp ước vốn Basel, là ngân hàng Việt Nam đầu tiên chính thức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công nhận đáp ứng các chuẩn mực an toàn theo Basel II, được áp dụng Thông tư 41 sớm hơn 1 năm so với yêu cầu; Vietcombank cũng đã tăng cường đầu tư hiện đại hoá hạ tầng công nghệ thông tin và triển khai đồng bộ các dự án chuyển đổi nhằm từng bước hướng đến các chuẩn mực và thông lệ tốt nhất.

Trong giai đoạn này, đề án cơ cấu lại Vietcombank đến năm 2020 cũng chính thức được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt với tầm nhìn trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam, một trong 100 tập đoàn tài chính ngân hàng hàng đầu khu vực, một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.



Ngày 01/04/2018

KỶ NIỆM 55 NĂM THÀNH LẬP

Với mốc lịch sử 55 năm phát triển, Vietcombank đã ghi dấu một giai đoạn phát triển đầy bản lĩnh và tự hào, khẳng định vị thế dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Với những kết quả và thành tựu đạt được, Vietcombank đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước trao tặng nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập. Trong thư chúc mừng gửi toàn thể

cán bộ nhân viên Vietcombank nhân dịp này, đồng chí Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng, đồng chí Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và đồng chí Thống đốc NHNN Lê Minh Hưng đều bày tỏ tin tưởng và giao nhiệm vụ cho Vietcombank trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam và sớm trở thành ngân hàng tâm cỡ trong khu vực và quốc tế.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ▶ Dịch vụ huy động vốn;
- ▶ Dịch vụ cho vay;
- ▶ Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- ▶ Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng;
- ▶ Dịch vụ bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế;
- ▶ Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng;
- ▶ Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;
- ▶ Dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;
- ▶ Dịch vụ ngân hàng đại lý;
- ▶ Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.



1.800

NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ TẠI 118 QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến 31/12/2018, VCB hiện có 106 chi nhánh với 431 phòng giao dịch hoạt động tại 53/64 tỉnh thành phố trong cả nước, phân bố cụ thể theo 07 khu vực sau: Bắc bộ có 21 chi nhánh chiếm tỷ lệ 19,8%; Hà Nội có 15 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 14,2%; Bắc và Trung bộ có 14 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 13,2%; Nam Trung bộ và Tây Nguyên có 11 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 10,4%; Hồ Chí Minh có 17 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 16,0%; Đông Nam Bộ có 13 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 12,3%; Tây Nam Bộ có 15 chi nhánh, chiếm 14,2%.

VCB thiết lập và mở rộng mạng lưới với hơn 1.800 ngân hàng đại lý tại 118 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.



10 DẤU ẤN CỦA VIETCOMBANK NĂM 2018

1

LỢI NHUẬN BỨT PHÁ, ĐẠT MỨC KỶ LỤC
CẢ VỀ SỐ TUYỆT ĐỐI VÀ TỶ TRỌNG

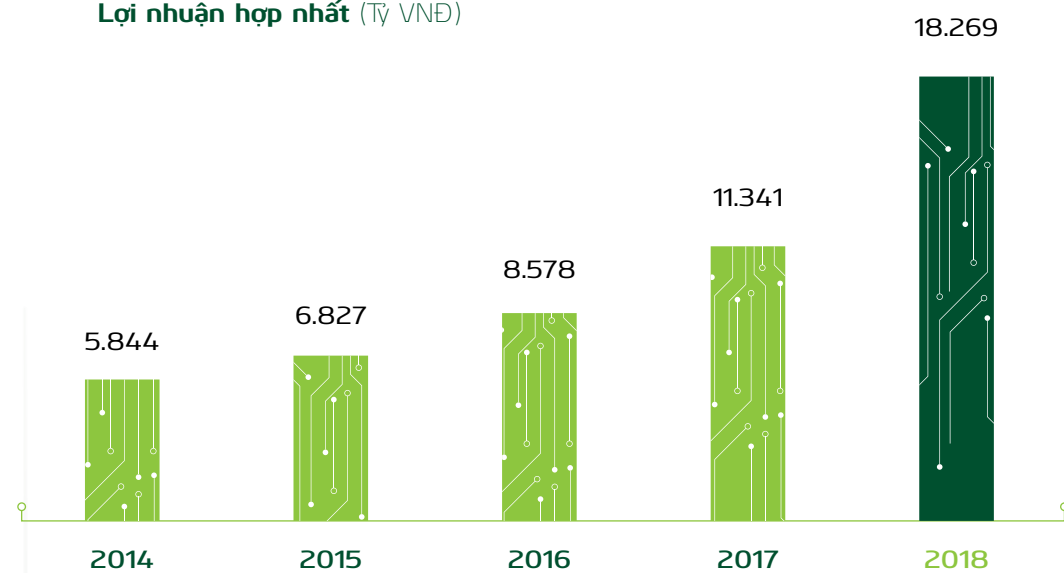
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)

18.269

Với sự bứt phá ấn tượng, vượt mức kỷ lục của ngành ngân hàng do chính Vietcombank xác lập vào năm 2017, kết thúc năm 2018, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Vietcombank đạt 18.269 tỷ đồng, tăng 61,1% so với năm 2017 và gấp gần 3 lần so với năm 2015 – năm đầu tiên Vietcombank bước vào tái cơ cấu giai đoạn 2016 – 2020.

Kỷ lục lợi nhuận này vượt xa kế hoạch Đại hội cổ đông giao. Đặc biệt, trên nền tảng tổng tài sản và tăng trưởng tín dụng thấp hơn so với những năm trước, lãi suất cho vay thuộc nhóm thấp nhất thị trường, kết quả này khẳng định được tính đúng đắn của chiến lược chuyển dịch hoạt động kinh doanh tập trung vào 3 trụ cột chính là bán lẻ, kinh doanh vốn và dịch vụ của Vietcombank và sự nỗ lực, tận tâm cống hiến của hơn 17.000 cán bộ Vietcombank trên toàn hệ thống.

Lợi nhuận hợp nhất (Tỷ VNĐ)



2

NỢ XẤU LẦN ĐẦU TIÊN VỀ DƯỚI 1%, MỨC THẤP NHẤT TRONG 10 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY VÀ VỀ ĐÍCH TRƯỚC 2 NĂM SO VỚI ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU VIETCOMBANK

Tỷ lệ nợ xấu đến cuối năm 2018 của Vietcombank giảm xuống chỉ còn 0,97%, là ngân hàng thương mại đầu tiên của Việt Nam đưa tỷ lệ nợ xấu thực chất xuống dưới 1%, phân loại theo chuẩn mực quốc tế.

Tỷ lệ trích lập dự phòng bảo nợ xấu của Vietcombank tính đến cuối năm 2018 đã lên tới 170%, là ngân hàng có tỷ lệ trích lập dự phòng bảo nợ xấu cao nhất trong các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.



3

TĂNG VỐN CẤP 1 THÀNH CÔNG, ĐƯA VIETCOMBANK TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG CÓ QUI MÔ VỐN CHỦ SỞ HỮU LỚN NHẤT TẠI VIỆT NAM

Ngày 28/12/2018, Vietcombank đã chính thức được Chính phủ và Thống đốc NHNN phê duyệt tăng vốn điều lệ thông qua việc bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài là GIC và Mizuho với tổng giá trị giao dịch lên tới 6.168 tỷ đồng. Việc bán thành công cổ phần cho GIC – quỹ đầu tư của Chính phủ Singapore đã khẳng định uy tín, vị thế và tiềm năng phát triển của Vietcombank và niềm tin gia tăng của nhà đầu tư nước ngoài đối với hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

Việc tăng vốn thành công đã tạo tiền đề nâng cao chuẩn mực an toàn vốn cho Vietcombank và mang lại nguồn thặng dư cho Nhà nước lên tới 3.783 tỷ đồng.



10 DẤU ẤN CỦA VIETCOMBANK NĂM 2018 (TIẾP THEO)

4

NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN CHÍNH THỨC ĐƯỢC NHNN CÔNG NHẬN ĐÁP ỨNG CHUẨN BASEL II

Ngày 28/11/2018, Vietcombank đã chính thức được Thống đốc NHNN Việt Nam chấp thuận là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đáp ứng các chuẩn mực an toàn theo Basel II, được áp dụng Thông tư 41 sớm 01 năm so với yêu cầu.



6

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG HỘI THI “ĐỔI MỚI – SÁNG TẠO ĐỂ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP” LẦN THỨ NHẤT

Năm 2018, Vietcombank đã tổ chức thành công Hội thi “Đổi mới – sáng tạo để phát triển và hội nhập”. Đây là cuộc thi được tổ chức lần đầu tiên với quy mô toàn hệ thống.

Hội thi đã thu hút được hơn 1.000 sáng kiến cấp cơ sở, 266 sáng kiến cấp toàn hệ thống và tuyển chọn được 20 sáng kiến tiêu biểu nhất để nghiên cứu triển khai ứng dụng cấp toàn hệ thống.



5

NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN ĐĂNG KÝ VÀ TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG GPI TẠI VIỆT NAM

Chính thức khởi động dự án Sáng kiến đổi mới thanh toán toàn cầu (SWIFT GPI) ngay trong tháng 12/2017, chỉ sau 6 tháng, dự án GPI đã được Vietcombank hoàn tất đảm bảo đúng cam kết với SWIFT. Tháng 6/2018, Vietcombank trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được SWIFT chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn GPI và là ngân hàng chuẩn GPI thứ 60 trên toàn thế giới. Thành công của Dự án đã thể hiện nỗ lực và quyết tâm của Vietcombank nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, khẳng định vị thế của Vietcombank trong hoạt động thanh toán chuyển tiền quốc tế tại Việt Nam cũng như trên thế giới.



7

NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN ĐƯỢC CẤP PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MỸ

Tháng 10/2018, Vietcombank được Cục Dự trữ Liên bang Mỹ chính thức phê duyệt hồ sơ xin cấp phép thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố New York. Đây là ngân hàng thương mại Việt Nam đầu tiên được cấp phép thiết lập hiện diện tại Mỹ. Sự kiện này đã khẳng định vị thế, thương hiệu của một ngân hàng Việt Nam đối với cộng đồng tài chính quốc tế, khẳng định mục tiêu “Vươn ra biển lớn” của Vietcombank trong định hướng phát triển trở thành một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới.

Trước đó, tháng 10/2018, Vietcombank đã chính thức khai trương hoạt động Ngân hàng con đầu tiên tại Lào.



10 DẤU ẤN CỦA VIETCOMBANK NĂM 2018 (TIẾP THEO)

8

NGÂN HÀNG NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Theo công bố của Tổng cục Thuế năm 2018 về danh sách các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Vietcombank là ngân hàng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và là một trong hai doanh nghiệp niêm yết nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất cả nước.

Kết quả này ghi nhận sự đóng góp quan trọng của Vietcombank đối với ngân sách nhà nước, đồng thời khẳng định tính hiệu quả vượt trội trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.



10

GHI ĐẬM DẤU ẤN KỶ NIỆM 55 NĂM PHÁT TRIỂN CỦA VIETCOMBANK

Với mốc lịch sử 55 năm phát triển, Vietcombank đã ghi dấu một giai đoạn phát triển đầy bản lĩnh và tự hào, khẳng định vị thế ngân hàng tiên phong trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam. Đây cũng là giai đoạn ghi dấu chặng đường phát triển 5 năm (2013 - 2018) với những chuyển dịch mạnh mẽ, toàn diện và ấn tượng của Vietcombank. Năm 2018 - đánh dấu chặng đường 55 năm dựng xây và phát triển, Vietcombank tiếp tục bút phá, hoàn thành xuất sắc, toàn diện tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, khẳng định vị trí số 1 về lợi nhuận và chất lượng hoạt động.

Với những kết quả và thành tựu đạt được, Vietcombank đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước trao tặng nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập. Trong thư chúc mừng gửi toàn thể CBNV Vietcombank nhân dịp này, đồng chí Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng, đồng chí Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, đồng chí Thống đốc NHNN Lê Minh Hưng đều bày tỏ tin tưởng và giao nhiệm vụ cho Vietcombank trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam và sớm trở thành ngân hàng tâm cỡ trong khu vực và quốc tế.

9

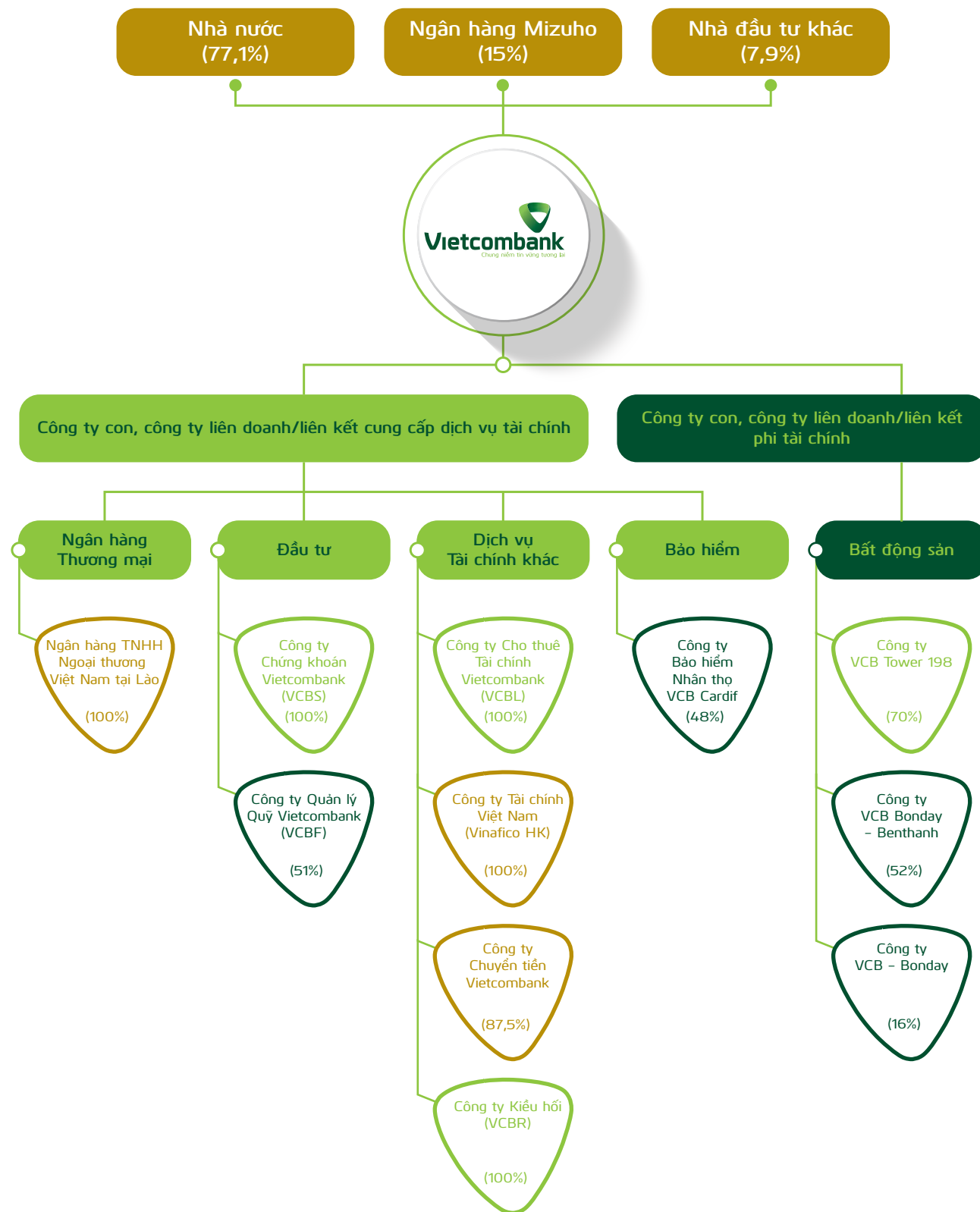
ĐẢNG BỘ VIETCOMBANK TỔ CHỨC ĐOÀN CÔNG TÁC THĂM CÁN BỘ, CHIẾN SỸ VÀ NHÂN DÂN TRÊN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Nhân kỷ niệm 55 năm thành lập Vietcombank, Đoàn công tác của Đảng bộ Vietcombank với 60 đảng viên từ 39 Đảng bộ, Chi bộ cơ sở đã thăm, làm việc và tặng quà cán bộ, chiến sỹ và nhân dân trên quần đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1/15 thuộc huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Chuyến thăm đã thể hiện tình cảm, trách nhiệm của các cán bộ, đảng viên trong toàn hệ thống Vietcombank và động viên, chia sẻ về cuộc sống khó khăn gian khổ của quân và dân trên các đảo, nhà giàn đang ngày đêm bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.



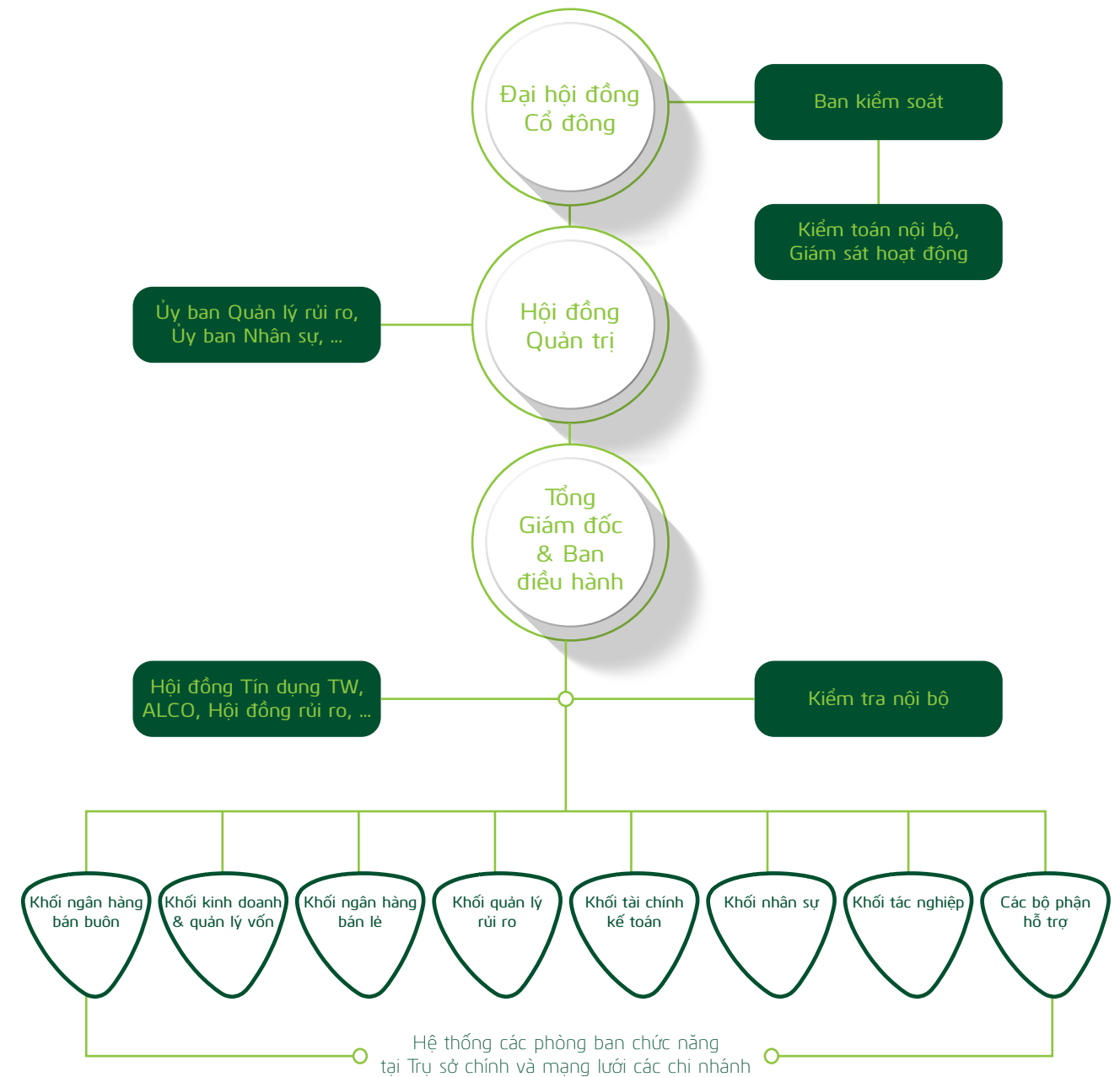
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



◡ Công ty con trong nước
 ◡ Công ty liên doanh
 ◡ Công ty con nước ngoài

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

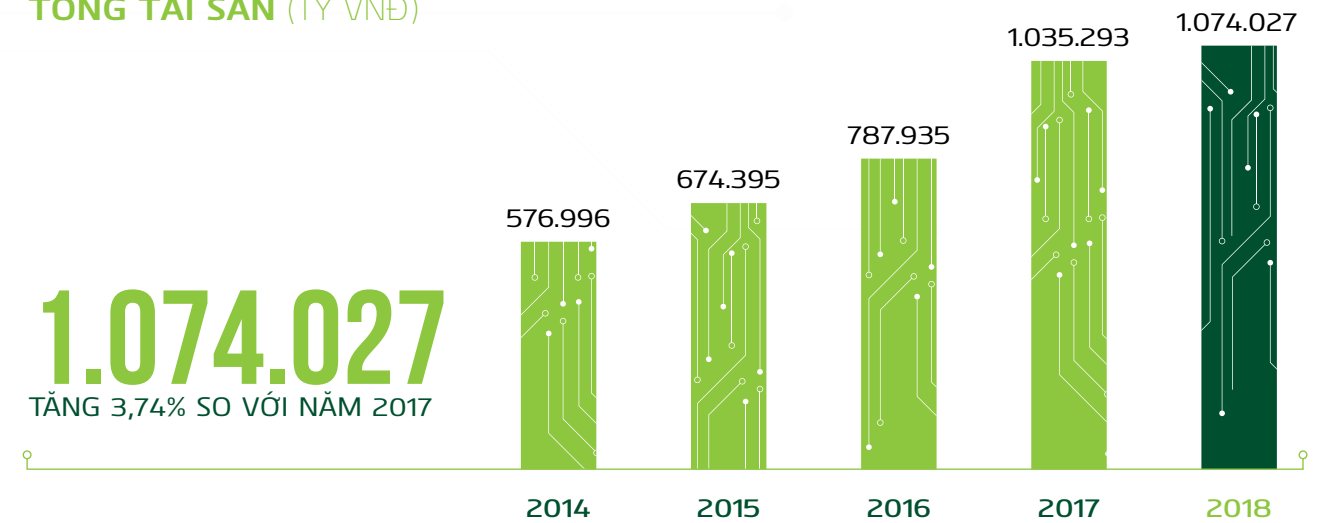


CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

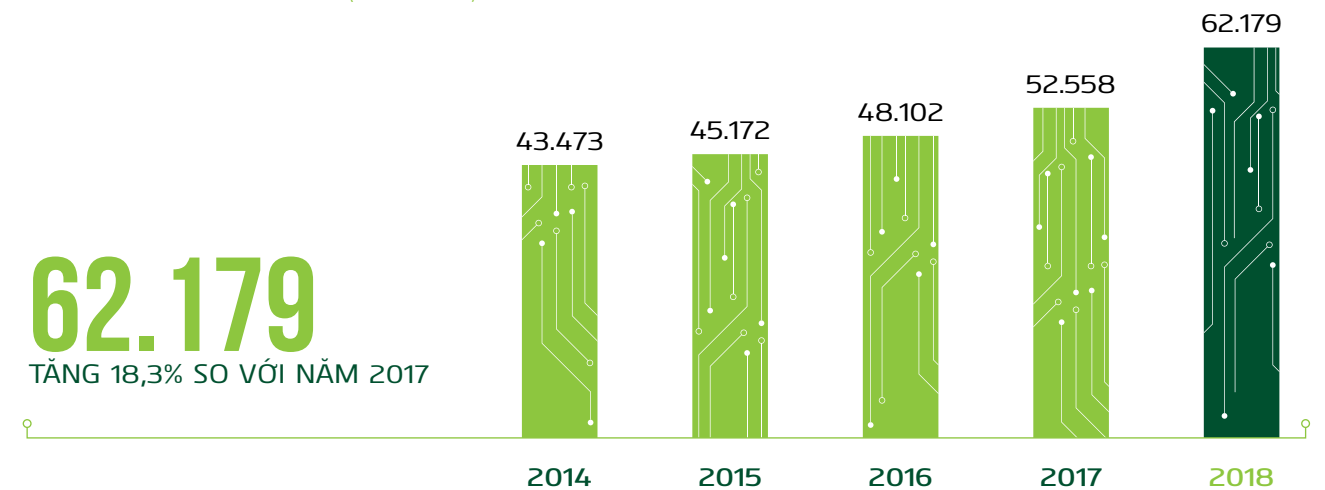
ĐVT: Tỷ VNĐ, %

	2014	2015	2016	2017	2018
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Tổng tài sản	576.996	674.395	787.935	1.035.293	1.074.027
Vốn chủ sở hữu	43.473	45.172	48.102	52.558	62.179
Tổng dư nợ TD/TTS	56,04%	57,4%	58,5%	52,5%	58,8%
Thu nhập ngoài lãi thuần	5.295	5.749	6.352	7.469	10.870
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	17.286	21.202	24.886	29.406	39.278
Tổng chi phí hoạt động	(6.849)	(8.306)	(9.950)	(11.866)	(13.611)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.436	12.896	14.929	17.540	25.667
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.591)	(6.068)	(6.406)	(6.198)	(7.398)
Lợi nhuận trước thuế	5.844	6.827	8.523	11.341	18.269
Thuế TNDN	(1.258)	(1.495)	(1.672)	(2.231)	(3.647)
Lợi nhuận sau thuế	4.586	5.332	6.851	9.111	14.622
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.567	5.314	6.832	9.091	14.606
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ					
NIM	2,35%	2,58%	2,63%	2,66%	2,94%
ROAE	10,76%	12,03%	14,69%	18,09%	25,49%
ROAA	0,88%	0,85%	0,94%	1,00%	1,39%
CHỈ TIÊU AN TOÀN					
Tỷ lệ dư nợ cho vay/huy động vốn	75,92%	76,76%	76,71%	76,74%	77,68%
Tỷ lệ nợ xấu	2,31%	1,79%	1,46%	1,11%	0,97%
Hệ số an toàn vốn CAR	11,35%	11,04%	11,13%	11,63%	12,14%
CỔ PHIẾU					
Cổ phiếu phổ thông	2.665	2.665	3.597	3.597	3.597
Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	10%	8%	8%	8%
Giá cổ phiếu (thời điểm cuối năm)	31.900	43.900	35.450	54.300	53.500
Giá trị vốn hóa thị trường	85.014	116.994	127.514	195.359	192.440
EPS	1.533	1.626	1.566	2.526	3.584
DPS	1.000	1.000	800	800	800

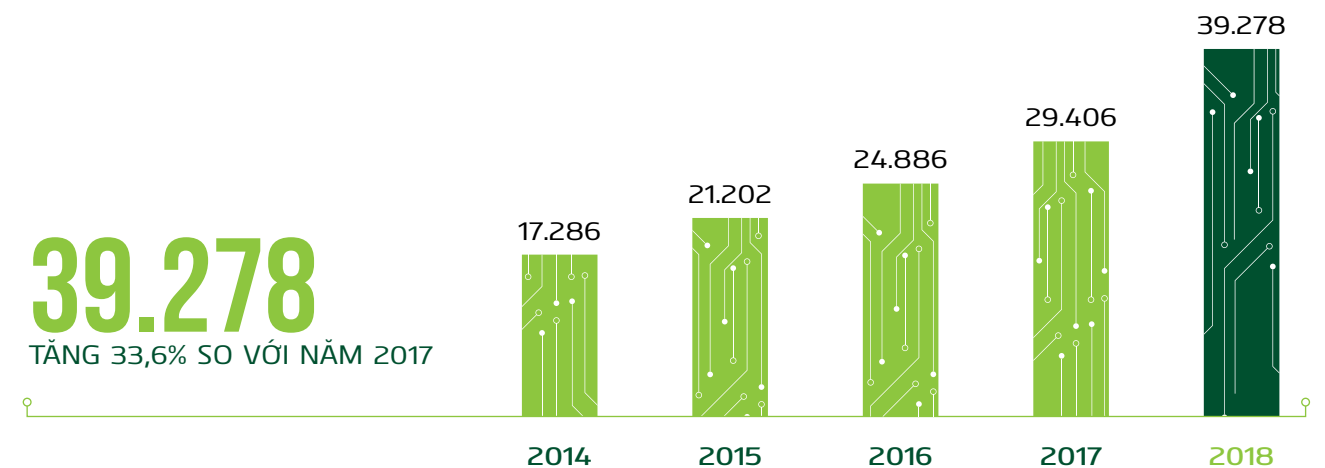
TỔNG TÀI SẢN (TỶ VNĐ)



VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ VNĐ)

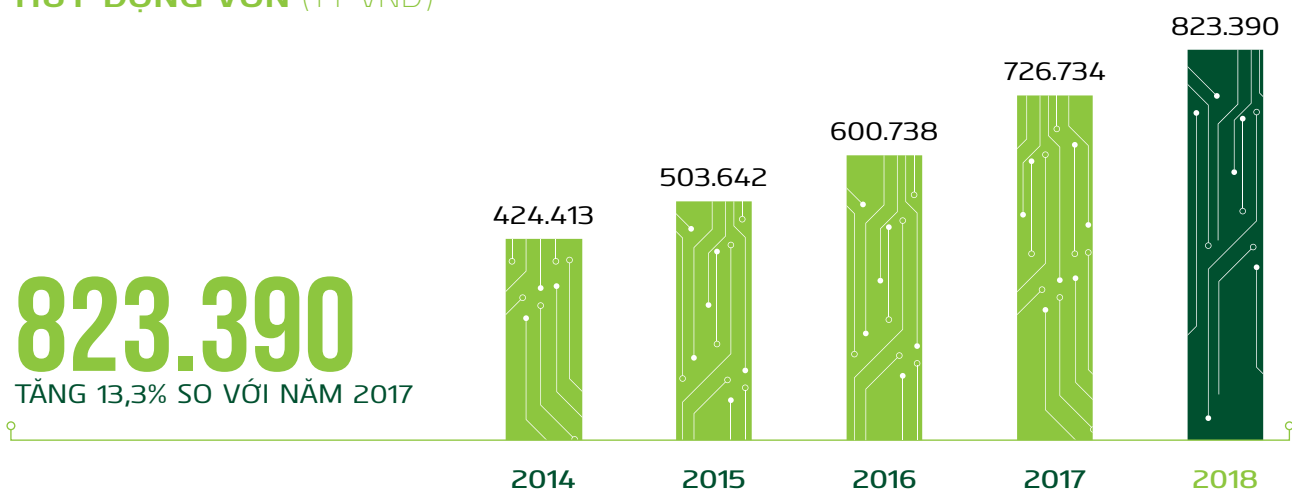


TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TỶ VNĐ)

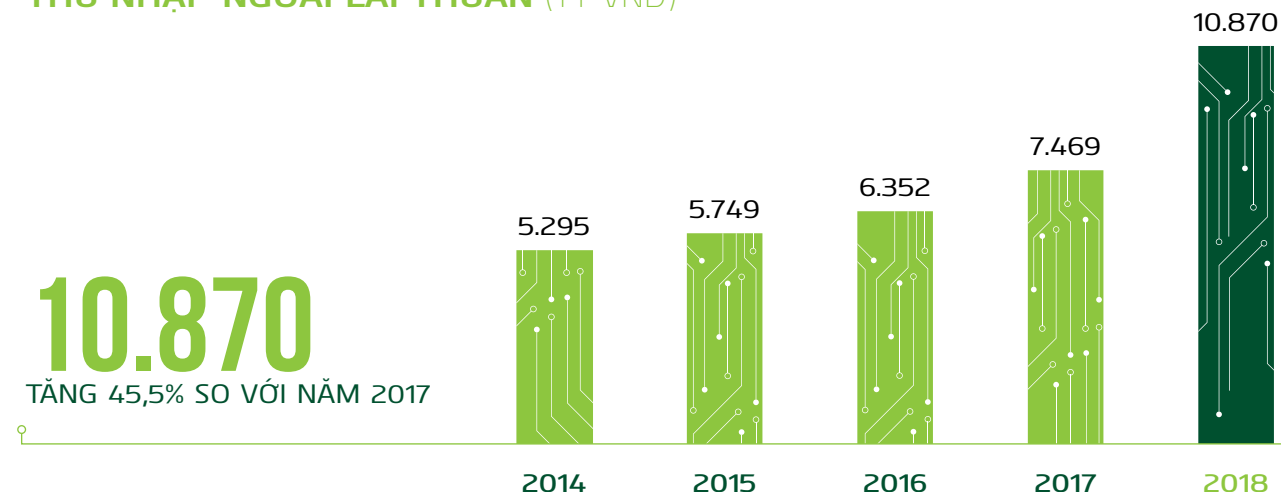


CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN (TIẾP THEO)

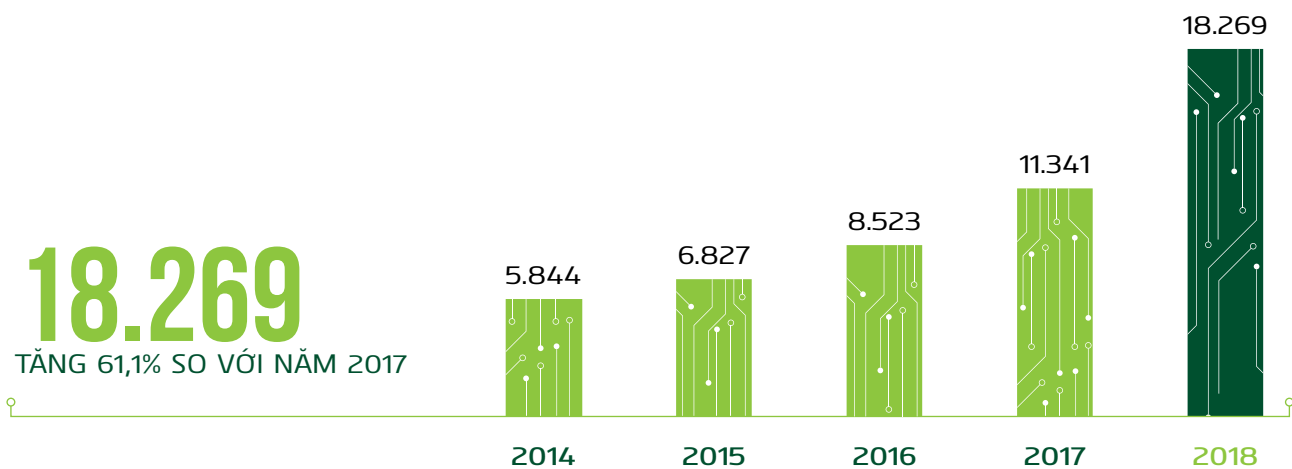
HUY ĐỘNG VỐN (TỶ VNĐ)



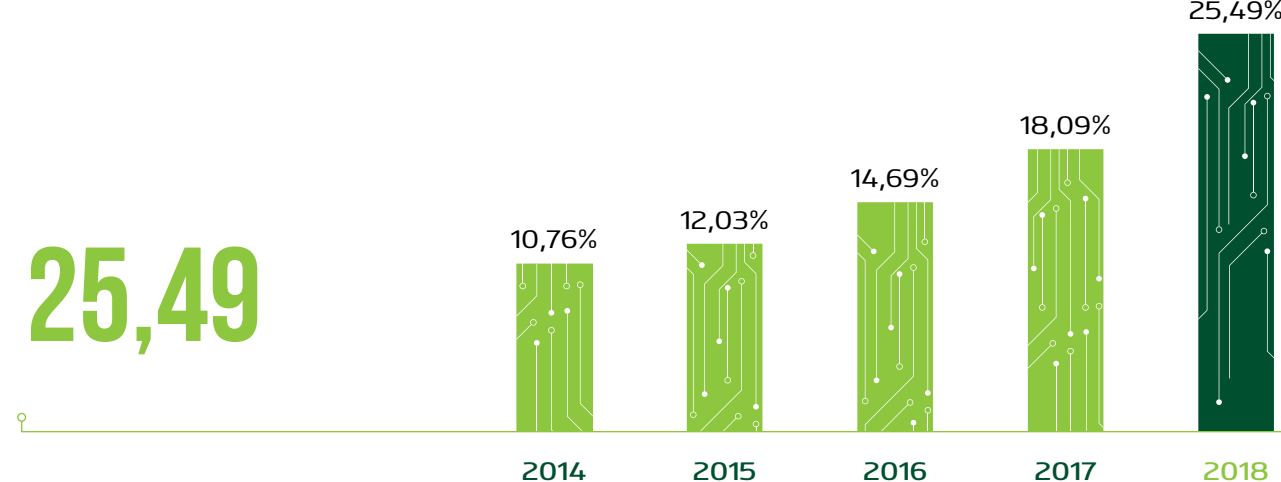
THU NHẬP NGOÀI LÃI THUẦN (TỶ VNĐ)



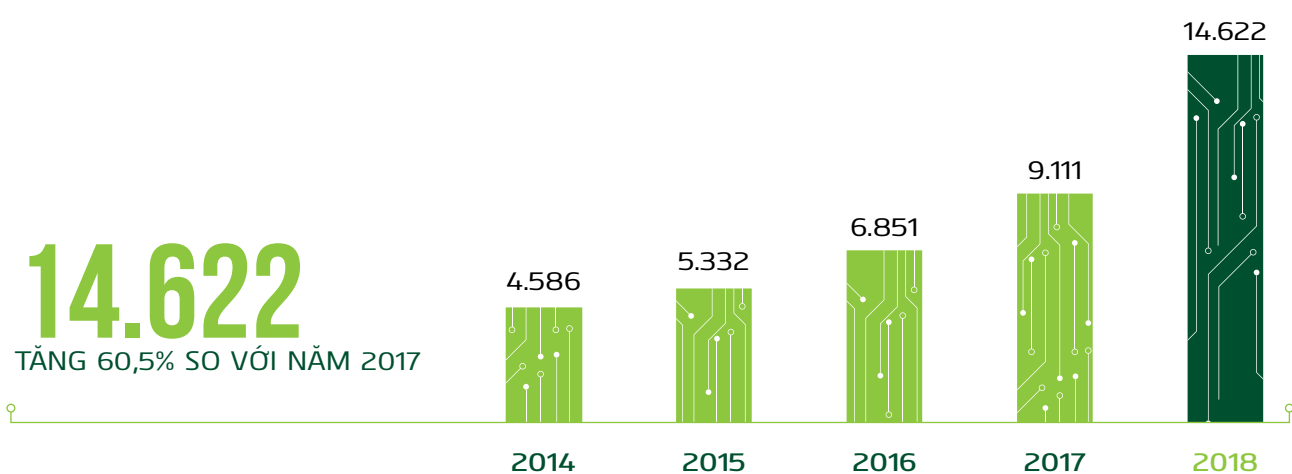
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



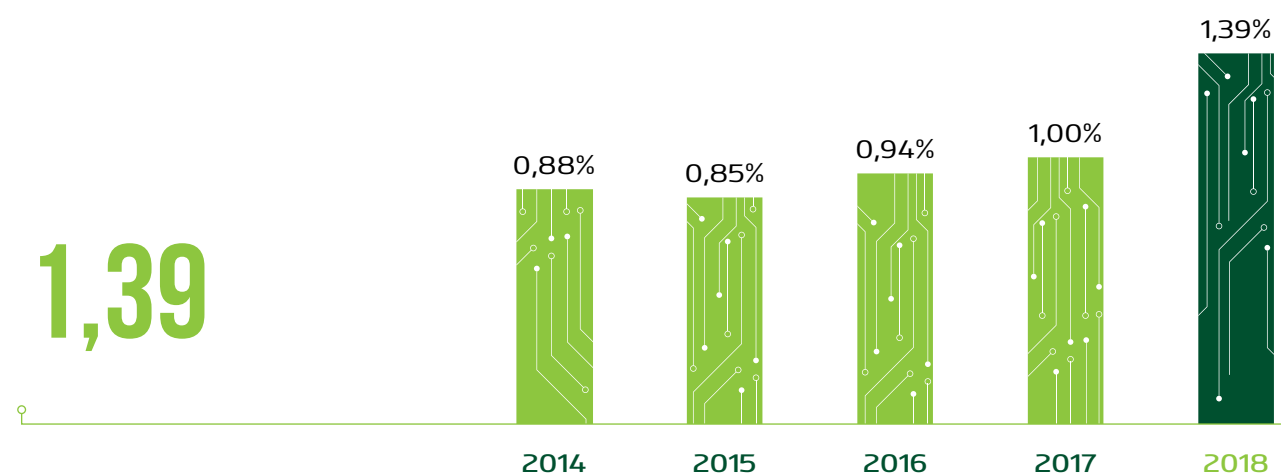
ROAE (%)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ VNĐ)



ROAA (%)



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

**NGÂN HÀNG SỐ 1
VIỆT NAM**

Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, phấn đấu trở thành một trong 100 Ngân hàng lớn nhất trong khu vực Châu Á, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới & được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

Ở giai đoạn tiếp theo (sau năm 2020), VCB định hướng tiếp tục duy trì vị thế ngân hàng số 1 tại Việt Nam và từng bước nâng cao vị thế trong khu vực.

CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN 2020



NGÂN HÀNG ĐẠT TOP 1 BÁN LẺ VÀ TOP 2 BÁN BUÔN

Củng cố hoạt động bán buôn, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ làm cơ sở phát triển bền vững. Duy trì và mở rộng thị trường trong nước và chọn lọc phát triển thị trường nước ngoài.



NGÂN HÀNG CÓ QUY MÔ LỢI NHUẬN LỚN NHẤT VỚI HIỆU SUẤT SINH LỜI CAO

Phấn đấu tăng quy mô và chuyển dịch cơ cấu thu nhập cao và bền vững, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí hoạt động, cải thiện hiệu quả hoạt động đầu tư và hoạt động của các công ty con.



NGÂN HÀNG ĐÚNG ĐẦU VỀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

Phát triển dịch vụ ngân hàng tiên tiến dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, gia tăng số lượng và đa dạng hóa sản phẩm, tiếp tục nâng cao và đảm bảo sự đồng đều về chất lượng dịch vụ.



NGÂN HÀNG ĐÚNG ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ; tăng cường sự gắn bó và hiệu quả của cán bộ.



NGÂN HÀNG QUẢN TRỊ RỦI RO TỐT NHẤT

Quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế và không ngừng nâng cao văn hóa quản trị rủi ro. Đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định của NHNN và mục tiêu của Vietcombank.



NGÂN HÀNG ĐÚNG ĐẦU VỀ CHUYỂN ĐỔI NGÂN HÀNG SỐ

Xây dựng kiến trúc công nghệ hiện đại tiên tiến, đáp ứng yêu cầu phát triển của hoạt động kinh doanh, nhất là các lĩnh vực dịch vụ ngân hàng số và yêu cầu của các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực cạnh tranh.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG



Vietcombank luôn tích cực, chủ động tham gia các chương trình hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, thực hiện các chương trình an sinh xã hội trong lĩnh vực y tế, giáo dục... nhằm đóng góp tối đa cho sự phát triển chung của xã hội.

GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2018

NHỮNG KHOẢNH KHẮC TỰ HÀO

Năm 2018, Vietcombank tự hào khắc sâu tên mình lên bản đồ thế giới và khu vực với nhiều giải thưởng uy tín.



GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

NGÂN HÀNG DUY NHẤT 6 LẦN LIÊN TỤC ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Vietcombank là ngân hàng duy nhất 6 lần liên tiếp được Hội đồng Thương hiệu Quốc gia vinh danh Thương hiệu Quốc gia. Chương trình nhằm quảng bá hình ảnh và thương hiệu quốc gia thông qua các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ. Năm 2018, Vietcombank đã gặt hái được những thành quả vượt trội trên nhiều mặt, nhận được nhiều giải thưởng, bình chọn của các tổ chức trong nước và quốc tế.



Phó Tổng Giám đốc Vietcombank Nguyễn Thị Kim Oanh nhận Biểu trưng và hoa chúc mừng từ Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Bộ Công thương Trần Tuấn Anh

NGÂN HÀNG NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Theo công bố của Tổng cục Thuế năm 2018 về danh sách các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Vietcombank là ngân hàng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và là một trong hai doanh nghiệp niêm yết nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất cả nước. Kết quả này ghi nhận sự đóng góp quan trọng của Vietcombank đối với ngân sách nhà nước, đồng thời khẳng định tính hiệu quả vượt trội trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.



Bà Phùng Nguyễn Hải Yến – Phó Tổng Giám đốc Vietcombank (thứ 10 từ trái sang) nhận Kỷ niệm chương và hoa của Ban Tổ chức vinh danh Vietcombank là Ngân hàng nộp thuế doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

NGÂN HÀNG UY TÍN NHẤT VIỆT NAM

Tại "Lễ vinh danh Top 10 ngân hàng Việt Nam uy tín năm 2018" do Vietnam Report và Báo Vietnamnet tổ chức, Vietcombank tiếp tục được bình chọn với thành tích 2 năm liên tiếp (2017 - 2018) dẫn đầu trong Top 10 ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín. Vietcombank xuất sắc vượt lên dẫn đầu hệ thống và trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có quy mô lợi nhuận đạt 5 con số; nợ xấu giảm thấp nhất trong các tổ chức tín dụng quy mô lớn.



Ông Phạm Mạnh Thắng – Phó Tổng Giám đốc Vietcombank (giữa) nhận giải thưởng đơn vị dẫn đầu Top 10 ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín năm 2018

DẪN ĐẦU CÁC NGÂN HÀNG TRONG TOP 10 DOANH NGHIỆP LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2018

Vietcombank xuất sắc có mặt trong top 10 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam của bảng xếp hạng Profit500 2018 và tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu các ngân hàng thuộc bảng xếp hạng. Các doanh nghiệp được tôn vinh trong bảng xếp hạng Profit500 2018 là những doanh nghiệp tiêu biểu đạt thành tích kinh doanh vượt trội, hiệu quả, có khả năng sinh lời tốt. Giải thưởng do Vietnam Report tổ chức và bình chọn.



Đại diện Vietcombank (hàng đầu, đứng giữa) nhận giải thưởng từ Ban tổ chức

DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đây là lần thứ 5 liên tiếp Vietcombank được vinh danh "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động". Bảng xếp hạng được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đánh giá dựa trên bộ tiêu chí đảm bảo phản ánh sâu sát tình hình thực tế sử dụng và đãi ngộ người lao động của doanh nghiệp trên các khía cạnh thu nhập, đào tạo, môi trường làm việc, các phúc lợi xã hội và các hoạt động bồi dưỡng thể chất cũng như tinh thần.



Ông Lê Quang Vinh – Phó Tổng Giám đốc Vietcombank (giữa) nhận bằng khen của Ban tổ chức vinh danh Vietcombank là doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động

GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2018 (TIẾP THEO)

NGÂN HÀNG BÁN LẺ TIÊU BIỂU NĂM 2018

Vietcombank đã được Ban tổ chức trao giải thưởng "Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu" năm 2018. Với uy tín thương hiệu, mạng lưới trong nước và mở rộng phạm vi hoạt động tại nước ngoài cũng như quan hệ đại lý với các ngân hàng trên khắp thế giới, Vietcombank là ngân hàng hàng đầu về các lĩnh vực bán lẻ như thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử, chuyển tiền... Giải thưởng do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam và Tập đoàn dữ liệu IDG thực hiện.



Ông Thomas William Tobin - Giám đốc Khối bán lẻ (thứ 4 từ trái sang) và đại diện các phòng/ban/trung tâm thuộc Khối bán lẻ Vietcombank nhận Giải thưởng "Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu" năm 2018

THƯƠNG VỤ TIÊU BIỂU NHẤT THẬP KỶ (2009 - 2018)

Vietcombank đã vinh dự được Hội đồng bình chọn trao Kỷ niệm chương và Giấy chứng nhận "Thương vụ tiêu biểu nhất thập kỷ" (2009 - 2018). Tháng 9/2011, Vietcombank công bố bán 15% cổ phần cho Mizuho. Khoản đầu tư này tương đương 562 triệu USD. Đáng chú ý, tại thời điểm đó, Mizuho không chỉ là đối tác chiến lược đầu tiên, mà còn là đối tác chiến lược nước ngoài duy nhất của Vietcombank.



Đại diện Vietcombank, bà Trương Thị Thúy Nga - Phó Tổng Giám đốc (đứng giữa) nhận Kỷ niệm chương và Giấy chứng nhận "Thương vụ tiêu biểu nhất thập kỷ" (2018-2019) - Giải thưởng do Bảo Đầu tư phối hợp với AVM Việt Nam tổ chức



NGÂN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ NGOẠI HỐI & QUẢN LÝ TIỀN MẶT TỐT NHẤT

Vietcombank vinh dự được Tạp chí The Asian Banker trao tặng 2 giải thưởng: "Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng cung cấp dịch vụ Quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam". Theo đánh giá của The Asian Banker, 2017 là năm thành công của Vietcombank, đặc biệt trong lĩnh vực ngoại hối và quản lý tiền mặt, cung cấp giải pháp tài chính cho các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành dịch vụ, sản xuất như Sabeco, Thaco...



Đại diện Vietcombank, ông Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc (thứ 2 từ phải sang) và bà Phan Khánh Ngọc - Trưởng phòng Quan hệ Công chúng TSC nhận giải thưởng do The Asian Banker trao tặng

NGÂN HÀNG TIÊU BIỂU NĂM 2018 - TẠP CHÍ BANKER

Đây là một trong những giải thưởng danh giá nhất, được Tạp chí The Banker trao cho các ngân hàng có thành tựu xuất sắc trong ngành tài chính - ngân hàng tại từng quốc gia nói riêng. Giải thưởng là sự khẳng định đối với hệ thống quản trị vững mạnh, mô hình hoạt động hiệu quả và quy trình đánh giá rủi ro đáng tin cậy của một ngân hàng.



Đại diện cho Vietcombank, ông Hồng Quang - Ủy viên HĐQT, Giám đốc Khối Nhân sự nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu năm 2018" của Tạp chí The Banker

GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2018 (TIẾP THEO)

NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT VIỆT NAM - THE ASIAN BANKER

Vietcombank vinh dự năm thứ 3 liên tiếp nhận được giải thưởng "Ngân hàng có bảng cân đối tài chính mạnh nhất Việt Nam". Đây là giải thưởng thường niên của The Asian Banker, đánh giá về hoạt động kinh doanh và tài chính của các ngân hàng thương mại trong khu vực. Điểm số đánh giá sức mạnh thương hiệu của Vietcombank tăng từ 3.34 theo kết quả năm 2017 lên 3.55 vào năm nay.



Đại diện Vietcombank, bà Nguyễn Thị Xuân Hòa (đứng giữa), Trưởng Trung tâm Thanh toán nhận giải thưởng do Tạp chí The Asian Banker trao tặng

THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG CÓ GIÁ TRỊ NHẤT TẠI VIỆT NAM - TẠP CHÍ FORBES VIỆT NAM

Trong Lễ vinh danh 40 thương hiệu công ty giá trị nhất Việt Nam do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn, Vietcombank vinh dự được bình chọn là Thương hiệu Ngân hàng có giá trị nhất năm thứ 2 liên tiếp Vietcombank. Vietcombank tiếp tục nằm trong danh sách Global 2000 năm 2018 của Forbes, vị trí 1.294, dẫn đầu trong 3 ngân hàng Việt Nam.



Đại diện Vietcombank, bà Trương Thị Thúy Nga – Phó Tổng Giám đốc (bên trái) nhận giải thưởng do Tạp chí Forbes Việt Nam trao tặng

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2018 - TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA

Vietcombank tiếp tục nhận giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" năm 2018. Vietcombank được đánh giá cao bởi chiến lược kinh doanh hiệu quả; mô hình quản trị, hoạt động chuyên nghiệp với việc tập trung hướng đến phục vụ khách hàng theo tiêu chuẩn quốc tế; ngân hàng cũng thích ứng tốt với các biến động của thị trường và nhu cầu khách hàng; tốc độ tăng trưởng bền vững.



Bà Vũ Thị Bích Thu – Trưởng văn phòng Đại diện Vietcombank tại Singapore (thứ 4 từ trái sang) cùng đại diện 1 số ngân hàng trong khu vực nhận Giải thưởng từ ông Siddiq Bazarwala – Tổng biên tập Tạp chí Alpha Southeast Asia

6 NĂM LIÊN TIẾP TRONG TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM - TẠP CHÍ FORBES VIỆT NAM

Vietcombank thuộc nhóm 18 công ty sau 6 năm vẫn giữ được vị trí trong danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất của Forbes Việt Nam. Tạp chí Forbes Việt Nam đánh giá: Trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, Vietcombank được đánh giá là ngân hàng có chất lượng tài sản tốt nhất với cơ cấu thu nhập đa dạng, dẫn đầu thị trường ở nhiều mảng sản phẩm dịch vụ.



Đại diện Vietcombank, ông Huỳnh Song Hòa – Trưởng Văn phòng đại diện khu vực phía Nam (đứng giữa) nhận giải thưởng do Tạp chí Forbes Việt Nam trao tặng

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT & CÔNG TY NỔI BẬT NHẤT TRONG NGÀNH TÀI CHÍNH VIỆT NAM - TẠP CHÍ ASIAMONEY

Vietcombank là đại diện duy nhất của Việt Nam được Ban Tổ chức mời tham dự Lễ trao giải và là một trong những đơn vị nhận nhiều giải thưởng của Tạp chí Asiamoney gồm: "Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam"; "Công ty nổi bật nhất trong ngành Tài chính tại Việt Nam".



Đại diện Vietcombank, ông Nguyễn Mạnh Hùng – Ủy viên HĐQT (đứng giữa) nhận giải thưởng do Tạp chí Asiamoney trao tặng

NGÂN HÀNG CÓ SẢN PHẨM MOBILE BANKING SÁNG TẠO HIỆU QUẢ NHẤT NĂM 2018 - TẠP CHÍ ASIAN BANKING & FINANCE

Vietcombank được chọn từ nhiều hồ sơ tham dự với các tiêu chí: Tính sáng tạo và đổi mới của sản phẩm dịch vụ; tính hiệu quả và tác động của sản phẩm dịch vụ đến hoạt động chung của ngân hàng; khả năng đổi mới và cải tiến sản phẩm dịch vụ trong tương lai.



Đại diện Vietcombank, bà Vũ Thị Bích Thu – Trưởng Văn phòng đại diện Vietcombank tại Singapore nhận Giải thưởng "Ngân hàng có sản phẩm Mobile Banking sáng tạo hiệu quả nhất năm 2018" do Tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng

GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2018 (TIẾP THEO)

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2018 - TẠP CHÍ FINANCE ASIA

Giải thưởng này đã thuộc về Vietcombank với năm thứ 2 liên tiếp. Giải thưởng nhằm vinh danh các ngân hàng tiêu biểu tại mỗi quốc gia. Vietcombank hiện là ngân hàng được đánh giá có chất lượng tài sản tốt nhất, khả năng sinh lời cao nhất trong nhóm các ngân hàng trên thị trường Việt Nam.



Đại diện Vietcombank, ông Nguyễn Phú Quốc - Phó Giám đốc Công ty Vinafico Hồng Kông nhận giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" năm 2018 của Tạp chí Finance Asia

CÁC GIẢI THƯỞNG DO TỔ CHỨC THẺ QUỐC TẾ JCB TRAO TẶNG

Với những đóng góp tiên phong và quan trọng vào hoạt động phát triển dịch vụ thẻ tại Việt Nam, Vietcombank được vinh danh ở các giải: Đối tác dẫn đầu về doanh số thanh toán thẻ JCB; Đối tác dẫn đầu về doanh số chi tiêu thẻ JCB. Vietcombank cũng vinh dự được trao tặng Giải thưởng Nhật Bản - giải thưởng vinh danh đối tác có đóng góp tiêu biểu cho tăng trưởng doanh số chi tiêu tại Nhật.



Ông Imada - Chủ tịch TCTQT JCB (thứ 2 từ phải sang) trao tặng giải thưởng Đối tác dẫn đầu về doanh số thanh toán thẻ JCB cho đại diện Vietcombank - Ông Thomas William Tobin, Giám đốc Khối bán lẻ (ngoài cùng bên phải)

CÁC GIẢI THƯỞNG DO TỔ CHỨC THẺ QUỐC TẾ VISA TRAO TẶNG

Với những đóng góp tiên phong và quan trọng vào hoạt động phát triển dịch vụ thẻ tại Việt Nam, Vietcombank đã nhận được những giải thưởng danh giá: Giải thưởng Ngân hàng có doanh số sử dụng thẻ cao nhất năm 2018; Giải thưởng Ngân hàng có doanh số sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế cao nhất; Giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế cao nhất; Giải thưởng Ngân hàng có doanh số thanh toán thẻ cao nhất.



Vietcombank nhận giải thưởng Ngân hàng có doanh số thanh toán thẻ cao nhất

NGÂN HÀNG CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng hấp dẫn nhất khi được Anphabe - đơn vị tư vấn tiên phong về giải pháp thương hiệu nhà tuyển dụng và môi trường làm việc hạnh phúc tại Việt Nam cùng Intage - Công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu Nhật Bản bình chọn xếp thứ 1 toàn ngành ngân hàng, xếp thứ 2 toàn thị trường trong danh sách "100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2018".

Anphabe đánh giá: "Đây không chỉ là thành quả riêng của các cấp quản lý và bộ phận nhân sự, mà còn là minh chứng cho nỗ lực của từng nhân viên Vietcombank trong việc cùng nhau xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng và lan tỏa những tình cảm tích cực của công ty ra bên ngoài".



Giải thưởng	Ngân hàng trao tặng
Chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc cho năm 2017	The Bank of New York Mellon
Tỷ lệ điện đạt chuẩn STP xuất sắc giai đoạn 1996 - 2018	JPMorgan Chase Bank, N.A.
Chất lượng Thanh toán xuất sắc cho năm 2017 - 2018	Wells Fargo Bank, N.A.
Tỷ lệ điện đạt chuẩn STP xuất sắc đồng USD năm 2017	Deutsche Bank AG
Tỷ lệ điện đạt chuẩn STP xuất sắc đồng EUR năm 2017	Deutsche Bank AG

CHINH PHỤC ĐỈNH CAO

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Tình hình tài chính năm 2018	46
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	48
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	50-55
Đánh giá kết quả hoạt động năm 2018	56-67
Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2019	68-73
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	74-83

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ VNĐ, %

Tình hình tài chính	2017	2018
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	1.035.293	1.074.027
Doanh thu	58.278	73.884
Thuế và các khoản phải nộp (Số đã nộp trong kỳ)	3.262	4.141
Lợi nhuận trước thuế	11.341	18.269
Lợi nhuận sau thuế	9.111	14.622
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu		
Quy mô vốn		
Vốn điều lệ	35.978	35.978
Tổng tài sản có	1.035.293	1.074.027
Tỷ lệ an toàn vốn	11,63%	12,14%
Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh số huy động tiền gửi	12.653.763	14.772.709
Doanh số cho vay	1.458.668	1.623.756
Doanh số thu nợ	1.376.305	1.534.396
Nợ xấu	6.209	6.223
Tỷ lệ tín dụng (bao gồm TPDN) / Tổng vốn huy động (quy VNĐ)	76,74%	77,68%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,66%	1,57%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ tín dụng	1,97%	1,56%
Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng	1,11%	0,97%
Khả năng thanh toán		
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	35,9%	24,1%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
▶ VNĐ	155,6%	91,8%
▶ USD và Ngoại tệ khác quy USD	89,4%	104,0%

TỔNG TÀI SẢN (TỶ VNĐ)

3,74%

TĂNG TRƯỞNG NĂM 2018

1.035.293
NĂM 20171.074.027
NĂM 2018

DOANH THU (TỶ VNĐ)

26,8%

TĂNG TRƯỞNG NĂM 2018

58.278
NĂM 201773.884
NĂM 2018

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

61,1%

TĂNG TRƯỞNG NĂM 2018

11.341
NĂM 201718.269
NĂM 2018

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(tại thời điểm 31/12/2018)

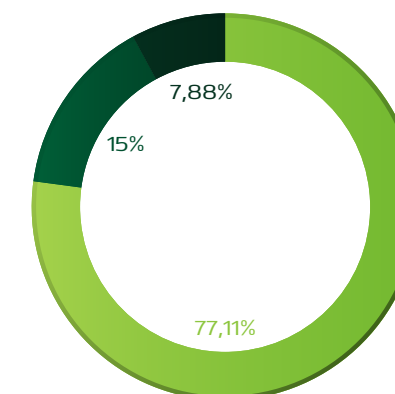
CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
3.597.768.575	Cổ phần phổ thông	283.671.460	3.314.097.115

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	2.774.353.387	Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Các TCTD số 47/2010/QH12: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."
2	Cổ đông nội bộ	75.226	75.226	
	▶ Hội đồng Quản trị	61.590	61.590	
	▶ Ban Kiểm soát	13.636	13.636	
3	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	539.668.502	539.668.502	
Tổng		3.314.097.115	3.314.097.115	

* Theo QĐ số 2526/QĐ-NHNN ngày 05/12/2014 của NHNN v/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank, ông Nghiêm Xuân Thành – Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn Nhà nước, ông Phạm Quang Dũng – Ủy viên HĐQT, TGD Vietcombank đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
30.147
(CỔ ĐÔNG)

■ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước) ■ Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd) ■ Cổ đông khác

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	77,11%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	539.668.502	15,00%	1
III	Cổ đông khác	283.746.686	7,88%	30.145
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	57.548.300	1,61%	28.826
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	19.552.658	0,54%	165
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	8.327.446	0,23%	953
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	198.186.670	5,51%	201
Tổng		3.597.768.575	100,00%	30.147

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.774.353.387	77,11%
2	MIZUHO BANK. LTD	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	539.668.502	15,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 31/12/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – VSD cung cấp)



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018, VCB đã thực hiện đầu tư thêm/thoái vốn đầu tư:

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Tên đơn vị	Vốn đầu tư 31/12/2018	Vốn đầu tư 31/12/2017	Đầu tư thêm/ (thoái vốn)
1	Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	1.820,40	0	1.820,40
2	Công ty Tài chính Cổ phần Tài chính Xi măng	0	70,95	(70,95)
3	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN	319,91	582,06	(262,16)
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội	802,27	1.242,99	(440,72)
5	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0	144,80	(144,80)
6	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	0	5,50	(5,50)
7	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	353,18	499,60	(146,42)



CÔNG TY CON, LIÊN DOANH-LIÊN KẾT

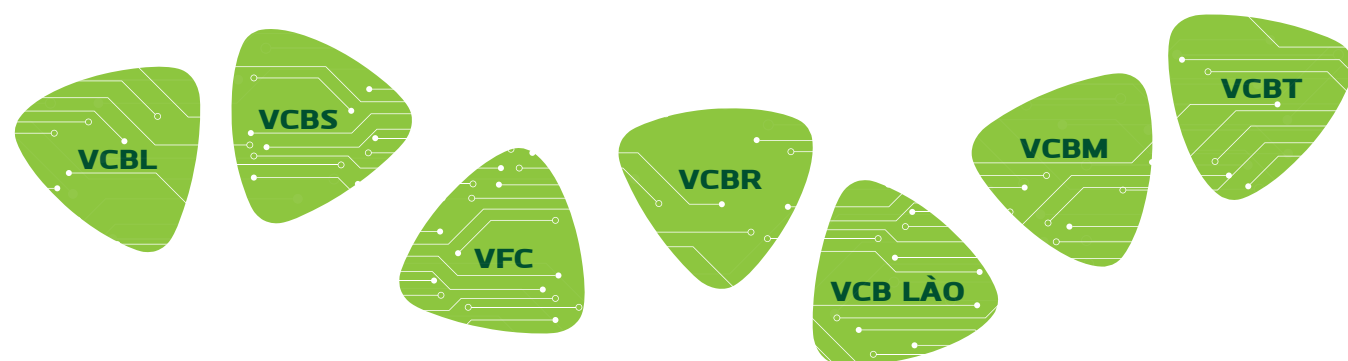
THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY CON

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên công ty	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư (31/12/2018)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 63/GPDC-UBCK ngày 29/12/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Chứng khoán	700,00	100%
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017 của Ngân hàng Nhà nước.	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank	VCBR	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20/09/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp	Chi trả Kiều hối	30,00	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	VCB Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25/5/2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp.	Ngân hàng	1.820,40	100%
Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07/03/1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03/11/1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19/09/1995.	Dịch vụ Tài chính	116,90	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank tại Mỹ	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 do chính quyền bang Nevada cấp ngày 15/06/2009.	Chuyển tiền kiều hối	204,98	87,5%
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần cuối ngày 11/09/2017 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70,00	70%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (TIẾP THEO)

TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CON



Dư nợ cho thuê tài chính (Tỷ đồng)

3.884,2

tăng trưởng 7,8% so với năm 2017

VCBL

Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Vietcombank

VCBL là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Năm 2018, hoạt động kinh doanh của VCBL tiếp tục ổn định và tăng trưởng. Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 103,9 tỷ đồng, vượt 10,3% kế hoạch lợi nhuận được giao. Dư nợ cho thuê tài chính của VCBL đến cuối năm 2018 đạt 3.884,2 tỷ đồng, tăng trưởng 7,8% so với năm 2017.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 (Tỷ đồng)

202,04

vượt 1% kế hoạch

VCBS

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank

VCBS là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Thị trường chứng khoán tuy có nhiều biến động nhưng Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh tích cực. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2018 đạt 202,04 tỷ đồng, vượt 1% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 (Tỷ đồng)

19,88

vượt 47% kế hoạch

VFC

Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông

VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hong Kong. Một số mảng hoạt động chính của Công ty là: Nhận tiền gửi, tín dụng, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền. Năm 2018, lợi nhuận trước thuế của VFC đạt 19,88 tỷ đồng, vượt 47% kế hoạch.

Kế hoạch năm 2019 doanh số chi trả là

330

triệu USD

VCBR

Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank

VCBR là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực nhận kiều hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Kế hoạch năm 2019 công ty sẽ phát triển mạng lưới nhân viên chi trả khắp cả nước với doanh số chi trả là 330 triệu USD.

Kế hoạch năm 2019 lợi nhuận trước thuế

1,72

triệu USD

VCB Lào

Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào

VCB Lào là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại thị trường Lào, chính thức hoạt động từ tháng 07/2018. Năm 2018, VCB Lào tập trung quảng bá hình ảnh, phát triển các sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, dịch vụ ngân hàng điện tử. Kế hoạch năm 2019, lợi nhuận trước thuế của VCB Lào đạt 1,72 triệu USD.

Doanh số năm 2018 (triệu USD)

158,6

tăng 53% so với năm 2017

VCBM

Công ty Chuyển tiền Vietcombank

VCBM là công ty cổ phần do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền từ Mỹ về Việt Nam. Công ty đã có bước chuyển mình lớn trong năm 2018 khi ghi nhận năm đầu tiên có lãi kể từ khi hoạt động. Trong năm 2018, VCBM tiếp tục mở rộng mạng lưới thông qua phát triển hệ thống đại lý. Tính đến cuối năm 2018, Công ty đã triển khai được 02 phòng giao dịch và 130 đại lý và có giấy phép hoạt động tại 18 bang của Mỹ. Doanh số của VCBM năm 2018 đạt 158,6 triệu USD, tăng 53% so với năm 2017 và dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 (Tỷ đồng)

67,76

vượt 13% kế hoạch

VCBT

Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198

VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do đặc thù thuận lợi về vị trí và khách hàng nên năm 2018 Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 67,76 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (TIẾP THEO)

THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY LIÊN DOANH – LIÊN KẾT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên công ty	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư (31/12/2018)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành	VBB	Số 2458/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 07/02/2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26/10/2011 và số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012.	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 02/12/2005; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 09/02/2018.	Quản lý quỹ đầu tư	135,15	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif	VCLI	Số 55/GP do BTC cấp ngày 23/10/2008 và giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC1/KDBH ngày 28/12/2018	Bảo hiểm nhân thọ	270,00	45%
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank Bonday	VCBB	Số 283/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 05/12/1991; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC4 ngày 04/03/2002.	Cho thuê văn phòng	11,11	16%

TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY LIÊN DOANH – LIÊN KẾT

VBB
Lợi nhuận trước thuế năm 2018 (Tỷ đồng) **Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành**

128,97
vượt 32% kế hoạch

VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tòa nhà văn phòng cao cấp (hạng A), đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc của Vietcombank trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến hết năm 2018, xấp xỉ 100% diện tích có thể cho thuê của tòa nhà đã được lấp đầy. Lợi nhuận trước thuế năm 2018 của VBB đạt 128,97 tỷ đồng, vượt 32% kế hoạch.

Tổng tài sản quản lý (Tỷ đồng)

3.248,8
tăng 9,7% so với năm 2017

VCBF

Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank

VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt kết quả hơn gấp đôi năm 2017 lên đến 22,09 tỷ đồng từ mức 10,50 tỷ đồng của năm liền trước, vượt kế hoạch đề ra do các nguồn thu chính của Công ty được cải thiện trong khi chi phí được tiết kiệm. Tổng tài sản quản lý tại 31/12/2018 đạt 3.248,8 tỷ đồng, tăng 9,7% từ mức 2.961,2 tỷ đồng của năm 2017.

Tổng doanh thu phí năm 2018 (Tỷ đồng)

429,54
tăng 55,5% so với năm 2017

VCLI

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif

VCLI là công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ của Vietcombank, BNP Paribas Cardif và SeAbank với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 45%; 43% và 12%. Đến cuối năm 2018, Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh, theo đó SeABank đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong liên doanh cho đối tác Cardif, nâng tỷ lệ sở hữu của Cardif lên 55%. Công ty VCLI chuyên về phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng (bancassurance) bao gồm: Bảo hiểm tín dụng cá nhân; Bảo hiểm tín dụng nhóm; Bảo hiểm tín dụng cho hai người đồng vay, Bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp.

Năm 2018, tổng doanh thu phí của Công ty là 429,54 tỷ đồng, tăng 55,5% so với năm 2017. Do tăng cường đầu tư vào mô hình tư vấn tài chính nên chi phí hoạt động lớn dẫn tới Công ty bị lỗ trước thuế năm 2018 là -37,96 tỷ đồng, trong mức lỗ kế hoạch là -85,7 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 (Tỷ đồng)

39,04
bằng 98% kế hoạch năm 2018

VCBB

Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank Bonday

VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty điều hành Tòa nhà Harbour View Tower tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng.

Năm 2018, Công ty duy trì hoạt động ổn định trong bối cảnh áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, lợi nhuận trước thuế đạt 39,04 tỷ đồng, bằng 98% kế hoạch năm 2018.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC, HOÀN THÀNH XUẤT SẮC KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018, quyết liệt triển khai Đề án phát triển VCB đến 2020 đã được Thống đốc NHNN phê duyệt, các tiểu Đề án và các Chương trình hành động cụ thể, gắn với phương châm hành động Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững và quan điểm điều hành Đổi mới - Kỳ cương - Trách nhiệm, VCB đã hoàn thành vượt mức kế hoạch ĐHĐCĐ giao với những kết quả hết sức ấn tượng.



QUY MÔ TỔNG TÀI SẢN TRÊN 1 TRIỆU TỶ ĐỒNG, VỐN CHỦ SỞ HỮU TĂNG TRƯỞNG MẠNH

- ▶ Tổng tài sản đạt 1.074.027 tỷ đồng, tăng 3,74% so với năm 2017.
- ▶ Vốn chủ sở hữu đạt 62.179 tỷ đồng, tăng 18,3% so với năm 2017, trong đó lợi nhuận chưa phân phối đạt 16.139 tỷ đồng (năm 2017 đạt 8.715 tỷ đồng).



HUY ĐỘNG VỐN BÁM SÁT ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO "MUA BUÔN", TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG VỐN KHÔNG KỶ HẠN VÀ NGOẠI TỆ

- ▶ Huy động vốn từ nền kinh tế (bao gồm phát hành GTCG) đạt 823.390 tỷ đồng, tăng 13,3% so với 2017. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn TCKT/cá nhân lần lượt là 20,8% và 7,5%.
- ▶ Huy động vốn TCKT gia tăng tỷ trọng theo đúng định hướng của VCB. Tỷ trọng huy động vốn từ TCKT/cá nhân tương ứng 48,8%/51,2% (2017: 45,8%/53,9%).
- ▶ Huy động vốn KKH tăng 14,1% so với 2017, chiếm tỷ trọng 29,5%. Huy động vốn từ nền kinh tế (2017: 29,3%). Huy động vốn ngoại tệ đạt 143.292 tỷ đồng, tăng 11,2% so với 2017, chiếm tỷ trọng 17,4%. Huy động vốn từ nền kinh tế (2017: 17,7%).

HUY ĐỘNG VỐN (TỶ ĐỒNG)

823.390

TĂNG 13,3% SO VỚI NĂM 2017

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)

62.179

TĂNG 18,3% SO VỚI NĂM 2017

TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)

1.074.027

TĂNG 3,74% SO VỚI NĂM 2017

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO) ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (TIẾP THEO)



TÍN DỤNG TĂNG TRƯỞNG TỐT TỪ ĐẦU NĂM, TUÂN THỦ THEO ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHNN, BẮM SÁT ĐỊNH HƯỚNG "BÁN LẺ", TÁI CẤU TRÚC DANH MỤC TÍN DỤNG, PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG TÍN DỤNG MỚI

- ▶ Dự nợ tín dụng (bao gồm TPDN) đạt 639.370 tỷ đồng, tăng 14,6% so với 2017, đảm bảo mức trần NHNN giao. Tín dụng thế nhân tăng 32,7% so với 2017, tỷ trọng tiếp tục tăng lên 36,9% vào cuối năm 2018 (2017: 31,9%).
- ▶ Dự nợ cho vay tại Phòng giao dịch (PGD) đạt 117.028 tỷ đồng, tăng 43,9% so với cuối năm 2017 theo đó tỷ trọng dự nợ cho vay tại PGD trong dự nợ bán lẻ tăng từ 37% năm 2017 lên 40% vào cuối năm 2018. Dự nợ cho vay bình quân tại PGD đạt 100.226 tỷ đồng, tăng 44,9% so với 2017.



CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ, ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC THU HỒI NỢ XẤU VÀ NỢ ĐÃ XỬ LÝ DỰ PHÒNG RỦI RO

- ▶ Dự nợ nhóm 2 là 3.781 tỷ đồng, giảm 1.002 tỷ đồng so với 2017. Tỷ lệ nợ nhóm 2 được kiểm soát ở mức 0,59% (tỷ lệ nợ nhóm 2 năm 2017 là 0,86%).
- ▶ Năm 2018 là năm đầu tiên VCB đưa tỷ lệ nợ xấu về dưới 1% kể từ khi cổ phần hóa. Dự nợ xấu cho vay khách hàng ở mức 6.223 tỷ đồng, tỉ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 0,97% tổng dự nợ.
- ▶ Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng ở mức 10.294 tỷ đồng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu nội bảng là ~165 %, là mức cao trong các ngân hàng tại Việt Nam.
- ▶ Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 3.272 tỷ đồng, hoàn thành 116,8% kế hoạch HĐQT giao.



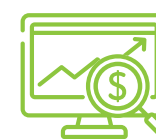
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TĂNG TRƯỞNG TỐT VÀ BẮM SÁT ĐỂ ÁN THU PHÍ CŨNG NHƯ KẾ HOẠCH 2018

- ▶ Doanh số thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại đạt 78,3 tỷ USD, tăng 21,5% so với 2017. Thị phần duy trì ở mức 16,31%.
- ▶ Doanh số mua bán ngoại tệ (không bao gồm giao dịch liên ngân hàng) đạt 46,5 tỷ USD, tăng 3,1% so với 2017.
- ▶ Dịch vụ chuyển tiền kiều hối đạt 2,2 tỷ USD, tăng 17,1% so cùng kỳ.
- ▶ Hoạt động thẻ tiếp tục tăng trưởng khá:
 - » Doanh số thanh toán thẻ và doanh số sử dụng thẻ lần lượt đạt 118.315 tỷ đồng/38.608 tỷ đồng, tăng trưởng tương ứng 28,1%/22,2% so với 2017.
 - » Số lượng đơn vị chấp nhận thẻ tăng thêm 11.286 đơn vị, đạt 188,1% kế hoạch 2018.
- ▶ Phát triển khách hàng Online Banking/SMS chủ động tăng tương ứng 52,2%/9,7% so với cùng kỳ.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC, TỶ SUẤT SINH LỜI CẢI THIẾN MẠNH MẼ, CHI PHÍ QUẢN LÝ ĐƯỢC KIỂM SOÁT HIỆU QUẢ

- ▶ Lợi nhuận trước thuế đạt 18.269 tỷ đồng, tăng 61,1% so với năm 2017, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm qua, đạt 137% kế hoạch 2018. Thu nhập từ thoái vốn năm 2018 ~1.562 tỷ đồng.
- ▶ Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) đạt 2,94%, tăng gần 0,3 điểm % so với 2017.
- ▶ Tỷ trọng thu ngoài lãi/tổng thu nhập đạt 27,67%.
- ▶ Tỷ lệ chi phí quản lý/tổng thu nhập kiểm soát ở mức ~34,65%.
- ▶ Chỉ số ROAA, ROAE: Đạt tương ứng là 1,39% và 25,49%, tăng mạnh so với 2017 và cao hơn mặt bằng chung của thị trường.



QUY MÔ VỐN HÓA LỚN NHẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG NIÊM YẾT

- ▶ VCB tiếp tục có giá trị vốn hóa lớn nhất trong các ngân hàng niêm yết.
- ▶ VCB hoàn thành phát hành ~3% Vốn điều lệ (tỷ lệ sau khi phát hành) cho nhà đầu tư nước ngoài GIC và cổ đông hiện hữu Mizuho, mang lại nguồn thặng dư vốn gần ~5.000 tỷ đồng.
- ▶ Hệ số an toàn vốn CAR đạt 12,14%, tăng 0,51 điểm % so với 2017.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO) ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (TIẾP THEO)



KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2018

VCB đã đẩy mạnh triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành chủ động, linh hoạt điều chỉnh theo môi trường kinh doanh, với mục tiêu trở thành Ngân hàng số một tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất vào năm 2020.

Nghiêm túc thực hiện các chính sách của Chính phủ và NHNN, đồng hành cùng doanh nghiệp vì mục tiêu chung phát triển kinh tế đất nước

- ▶ Trên cơ sở triển khai đồng bộ các giải pháp về tiết giảm chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng cường công tác quản trị rủi ro, VCB đã và đang nỗ lực thực hiện các biện pháp hỗ trợ, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cùng doanh nghiệp.
- ▶ Giảm lãi suất cho vay đối với 05 đối tượng ưu tiên theo chỉ đạo tại nghị quyết số 01/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/01/2018 và định hướng điều hành của Thống đốc NHNN, với mục tiêu đồng hành cùng doanh nghiệp.
- ▶ Liên tục triển khai các chương trình ưu đãi hấp dẫn cho phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ, triển khai chương trình ưu đãi và cam kết các mức lãi suất cố định 2 năm/3 năm/5 năm giúp doanh nghiệp quản trị chi phí, an tâm sản xuất kinh doanh với mức lãi suất cạnh tranh trên thị trường.

Quyết liệt triển khai thực hiện Đề án phát triển VCB đến 2020, các Chương trình hành động và Tiểu đề án

- ▶ Các Đề án, tiểu đề án, chương trình hành động các Khối tiếp tục được đẩy mạnh và triển khai mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh của VCB trong năm 2018.
- ▶ Các chi nhánh thuộc danh sách thực hiện Đề án phát triển chi nhánh đến 2020 cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra: Cải thiện thị phần tín dụng và huy động vốn, kiểm soát được chất lượng tín dụng, lợi nhuận gia tăng và phát triển hiệu quả khách hàng mục tiêu.



Linh hoạt điều hành công tác huy động vốn phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo nguồn vốn cho tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng

- ▶ Kiểm soát chặt các chương trình/nhóm khách hàng được phép huy động lãi suất cạnh tranh trên cơ sở đảm bảo lợi ích tổng thể của VCB.
- ▶ Tích cực mở rộng tài khoản thanh toán và tài khoản chuyên thu cho KBNN và BHHX. Đẩy mạnh hợp tác thu NSNN thông qua thỏa thuận thành công với một số tổ chức tín dụng để sử dụng tài khoản của KBNN tại VCB làm kênh ưu tiên cho giao dịch thu NSNN. Phối hợp chặt chẽ và mở rộng cung ứng dịch vụ thu/chi cho BHHX.
- ▶ Tiếp tục triển khai chương trình để khuyến khích huy động vốn ngoại tệ, huy động vốn giá rẻ.
- ▶ Điều chỉnh lãi suất thích hợp cho một số địa bàn đặc thù có quy mô huy động vốn thấp, mức độ cạnh tranh huy động vốn cao.
- ▶ Triển khai các chương trình đồng hành cùng khách hàng có nguồn ngoại tệ lớn. Chú trọng đẩy bán các dịch vụ phi tín dụng, bán chéo sản phẩm để thu hút tiền gửi KKH và tiền gửi ngoại tệ.
- ▶ Tập trung vào các giao dịch IPO lớn để phục vụ chuyển đổi ngoại tệ. Bám sát các doanh nghiệp có kế hoạch thoái vốn, các nhà đầu tư tiềm năng để tiếp cận cung cấp dịch vụ liên quan.

Cơ cấu lại danh mục bán buôn, triển khai nhiều giải pháp tăng trưởng tín dụng bán lẻ, tín dụng qua Phòng giao dịch

- ▶ Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng bán lẻ thông qua điều chỉnh chính sách lãi suất, sản phẩm...
- ▶ Cơ cấu lại danh mục tín dụng bán buôn theo hướng rút giảm dư nợ của các nhóm khách hàng đặc thù.
- ▶ Ban hành các chương trình lãi suất linh hoạt phù hợp với từng đối tượng khách hàng/khu vực trong giai đoạn đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng.
- ▶ Phát triển tín dụng vào khách hàng FDI lớn, rủi ro tín dụng thấp với ngành nghề định hướng mở rộng, có khả năng phát triển các dịch vụ tổng thể như HĐV ngoại tệ, TTQT, dịch vụ bán lẻ.

Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng và đẩy mạnh thu hồi nợ xấu/ nợ đã xử lý DPRR

- ▶ Kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng tại tất cả các chi nhánh; quán triệt tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định của VCB về cấp tín dụng.
- ▶ Phân công thành viên Ban Lãnh đạo phụ trách với một số Chi nhánh có nợ có vấn đề lớn của hệ thống; tăng cường giám sát chỉ đạo công tác xử lý thu hồi nợ đối với từng chi nhánh.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO) ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (TIẾP THEO)

Triển khai Đề án tăng thu dịch vụ

- ▶ Rà soát các biểu phí; xây dựng cơ chế thẩm quyền ưu đãi phí căn cứ theo phân khúc, phân hạng khách hàng.
- ▶ Nâng cao hiệu quả kinh doanh thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử: Gia tăng hợp tác với các đối tác, phát triển tiện ích, tích hợp các kênh bán, mở rộng kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ về thanh toán hóa đơn, thanh toán QR Code.
- ▶ Tăng thu phí thông qua phân phối các sản phẩm quỹ mở, các sản phẩm bảo hiểm Bancassurance nhân thọ/phi nhân thọ.
- ▶ Triển khai chương trình hành động năm 2018 về thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại để duy trì, mở rộng thị phần và gia tăng thu phí.
- ▶ Thu kinh doanh ngoại tệ tiếp tục duy trì ổn định thông qua điều tiết linh hoạt tỷ giá, mở rộng cơ sở khách hàng có nguồn ngoại tệ chuyển đổi lớn.

Chuyển dịch danh mục đầu tư nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thực hiện thoái vốn đạt hiệu quả cao

- ▶ Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trên thị trường 2 thông qua mở rộng đầu tư giấy tờ có giá, trái phiếu của các Định chế tài chính.
- ▶ Thoái vốn tại các tổ chức được thực hiện đúng kế hoạch, góp phần nâng cao lợi nhuận VCB.

Kiện toàn mô hình tổ chức và phát triển mạng lưới phù hợp với chiến lược kinh doanh

- ▶ Tiếp tục mở rộng phát triển mạng lưới: Thành lập 05 Chi nhánh mới, 39 Phòng giao dịch, VCB Lào được khai trương và đi vào hoạt động; được FED phê duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng đại diện tại

New York (Mỹ); triển khai các công tác thành lập Chi nhánh tại Úc.

- ▶ KIỆN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC, ĐIỀU CHỈNH CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA MỘT SỐ PHÒNG/BAN/TRUNG TÂM TẠI Trụ sở chính; sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Khối bán buôn theo Mô hình CTOM; thành lập Khối Quản trị nguồn nhân lực; xây dựng tiêu chí tách phòng chi nhánh và thực hiện cho các Chi nhánh đáp ứng đủ tiêu chí.
- ▶ Xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ, phẩm chất tốt tại Trụ sở chính và Chi nhánh; thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ, luân chuyển một số cán bộ tại trụ sở chính làm công tác khách hàng về Chi nhánh.
- ▶ Công tác nghiên cứu khoa học có nhiều đổi mới mạnh mẽ, nhiều sáng kiến được áp dụng triển khai vào thực tế. Tổ chức thành công cuộc thi "Đổi mới - Sáng tạo để phát triển và hội nhập" ở quy mô toàn hệ thống, qua đó đã lựa chọn được nhiều sáng kiến có giá trị ứng dụng và hiệu quả cao.

Hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường công tác quản trị rủi ro

- ▶ Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế nội bộ quan trọng về Quy định giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của VCB, quy trình tín dụng bán buôn, cơ chế thẩm quyền ưu đãi phí đối với khách hàng bán buôn, Quy định về quản trị rủi ro thanh khoản...
- ▶ Hoàn thiện các quy chế nội bộ như Quy chế luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác và nghỉ bắt buộc đối với cán bộ VCB; Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Quản trị và phát triển nguồn nhân lực VCB...



Triển khai đồng bộ và hiệu quả các dự án nâng cao năng lực quản trị và hoạt động

Tích cực triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị và hoạt động, một số dự án từng bước được áp dụng vào công tác quản trị điều hành hoạt động kinh doanh:

- ▶ Chương trình Basel II: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công nhận VCB là ngân hàng đầu tiên đáp ứng chuẩn mực Basel II tại Việt Nam theo Thông tư 41 sớm 01 năm so với yêu cầu.
- ▶ Chương trình CTOM: Tiếp tục triển khai 17 sáng kiến và đã hoàn thành 7 sáng kiến. Từ tháng 6/2018, chính thức triển khai Mô hình CTOM tại Trụ sở chính và các chi nhánh.
- ▶ Các dự án thuộc Khối Bán lẻ: Khối Bán lẻ tích cực thực hiện các dự án chuyển đổi của Khối, bao gồm RTOM, CRM bán lẻ và RLOS; đồng thời trong năm 2018, Khối Bán lẻ chủ động triển khai một số hạng mục chuyển đổi mô hình bán lẻ.
- ▶ Đề án phát triển CNTT đến năm 2020: Tích cực thực hiện Đề án với 54 dự án CNTT nhằm hỗ trợ nghiệp vụ và xây dựng, nâng cấp hạ tầng, từng bước hiện đại hóa hệ thống CNTT theo lộ trình chiến lược phát triển VCB đến năm 2020. 14 dự án trọng điểm được tập trung triển khai như dự án đầu tư đổi mới hệ thống CoreBanking, Trade Finance, ERP, MPA, SOA...

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và tuân thủ

- ▶ Thực hiện kiểm tra 100% các chi nhánh trong toàn hệ thống VCB, 04 Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, 02 Công ty con và kiểm tra kiểm toán 22 chuyên đề trên phạm vi toàn hàng.
- ▶ Kiểm tra rủi ro tác nghiệp tại chi nhánh, ngăn chặn cảnh báo kịp thời những rủi ro tiềm ẩn, đề xuất giải pháp khắc phục, kiến nghị xử lý những vi phạm tại các đơn vị.

Thực hiện thành công phương án tăng vốn điều lệ

- ▶ Triển khai thành công phương án phát hành riêng lẻ tăng vốn cấp 1 trong bối cảnh thị trường rất khó khăn, góp phần khẳng định uy tín, vị thế và nâng cao năng lực cạnh tranh của VCB.

Công tác an sinh xã hội vì cộng đồng

- ▶ Tích cực trong công tác an sinh - xã hội vì cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội. Năm 2018, VCB đã tham gia tài trợ các chương trình an sinh xã hội với giá trị khoảng 180 tỷ đồng, tập trung vào công tác giáo dục, y tế, xây nhà cho người nghèo...

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO) ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (TIẾP THEO)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Nhận thức rõ Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, VCB nghiêm túc thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020, Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.
- Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, VCB đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, VCB đưa ra yêu cầu chủ đầu tư các dự án được xem xét cấp tín dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và xã hội; sau đó định kỳ thường xuyên kiểm tra giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với các khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng. Đối với một số dự án đầu tư có nguy cơ tác động đến môi trường, hoặc một số dự án trong lĩnh vực thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí v.v.. chủ đầu tư phải cung cấp các báo cáo đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.
- Không dừng lại ở đó, VCB chú trọng truyền thông về trách nhiệm quản lý rủi ro môi trường của tổ chức tín dụng để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của khách hàng.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong những năm qua, VCB luôn quan tâm, chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện để người lao động được phát huy năng lực, mở rộng cơ hội thăng tiến trong công việc, đồng thời từng bước cải thiện, nâng cao thu nhập của cán bộ, góp phần nâng cao sự gắn bó, niềm tin của cán bộ đối với VCB. Cụ thể như sau:

NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH

- Năm 2018, lao động của VCB được tiếp tục tăng so với cuối năm 2017. Tổng số lao động đến 31/12/2018 là 17.215 người (đã bao gồm số lao động của 02 Công ty VCBS và VCBL), tăng ~ 5,54% so với năm 2017. Trong năm 2018, đã tuyển dụng được 1.479 cán bộ, bù đắp cho số lượng nhân sự nghỉ việc, thay thế lao động yếu kém, chuyển đổi mô hình tổ chức và tạo điều kiện cơ cấu lại lao động cho các đơn vị tại VCB. Thời gian làm việc cho người lao động 8h/ngày, 5 ngày trong một tuần. VCB bảo đảm chế độ nghỉ phép năm, nghỉ các ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng của người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, nghỉ thai sản, ốm đau theo đúng quy định tại Luật BHXH.
- Công tác tuyển dụng tại VCB được thực hiện theo các quy định rõ ràng, đảm bảo trung thực, khách quan. Mỗi đợt thi tuyển đều do Hội đồng tuyển dụng thực hiện nhằm tuyển dụng những cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc và vị trí công tác được giao. Lao động mới tuyển đảm bảo đúng quy định về thời gian thử việc theo loại hợp đồng lao động và chế độ trả lương trong thời gian thử việc.
- Hiện nay, VCB đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (phần mềm tuyển dụng) vào hầu hết các khâu trong quy trình tuyển dụng (nhận hồ sơ, lựa chọn hồ sơ, tổ chức thi trực tuyến trên máy...) nên đã thu hút được một lượng lớn thí sinh trên cả nước đăng ký dự tuyển qua hình thức nộp hồ sơ online. Việc triển khai tuyển dụng tập trung và ứng dụng công nghệ thông tin vào thi tuyển đã đảm bảo được tính chính xác, khách quan, minh bạch, tập trung và thống nhất, thu hút ngày càng nhiều nhân sự có chất lượng cao.
- Toàn thể người lao động tại VCB đều được ký hợp đồng lao động phù hợp, đúng quy định của Pháp luật. Việc tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định trong Bộ Luật lao động. Người lao động có nguyện vọng xin nghỉ hưu trước tuổi cũng được tạo điều kiện thuận lợi.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO) ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (TIẾP THEO)

XÂY DỰNG CƠ CHẾ ĐÃI NGỘ TÀI CHÍNH VÀ PHI TÀI CHÍNH ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong thời gian qua, cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ người lao động của VCB đã từng bước tiệm cận với thị trường trong khu vực và trên thế giới, cụ thể như sau:



Cơ chế đãi ngộ tài chính:

Cơ chế đãi ngộ về lương, bảo hiểm

Cơ chế đãi ngộ về lương

Về cơ bản, cơ chế lương của VCB đã được xây dựng trên nguyên tắc cấu trúc ngạch/bậc phù hợp để phân biệt các chức danh/vị trí công việc tương xứng với giá trị đóng góp trong ngân hàng, mang tính công bằng và cạnh tranh với thị trường, giảm bớt và tiến tới loại bỏ yếu tố thâm niên trong việc xếp lương. Thu nhập bình quân của cán bộ VCB có xu hướng tăng qua các năm và ở mức cao so với mức thu nhập bình quân trên thị trường. Tiền lương của người lao động được chia thành 02 phần:

- ▶ Tiền lương cố định: Được xác định theo ngạch/bậc phù hợp với vị trí công việc chuyên môn đảm nhận. Người lao động sẽ được trả lương theo vị trí công việc, theo mức độ cố định, không phụ thuộc vào thâm niên công tác.
- ▶ Tiền lương hiệu quả: Được xác định theo kết quả đánh giá hoàn thành công việc được đo lường bằng các chỉ tiêu KPIs, xóa bỏ tình trạng cào bằng, khuyến khích người lao động phấn đấu đạt kết quả công việc tốt. VCB đã hoàn thành việc thiết kế, xây dựng Bộ chỉ tiêu KPIs cho cấp đơn vị (Phòng/Ban/ Chi nhánh) và cấp cá nhân. Hiện nay, Bộ chỉ tiêu KPIs đã phát huy tốt vai trò đo lường mức độ hoàn thành công việc của người lao động một cách khách quan, là căn cứ chính xác để phân phối thu nhập cho người lao động.

VCB đã xây dựng cơ chế lương chuyên gia, với mức lương rất cạnh tranh đối người lao động có trình độ cao nhằm tuyển dụng được lao động cần thiết cho một số lĩnh vực đặc thù, các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực quản trị và hoạt động.

VCB áp dụng cơ chế linh hoạt và giao quyền chủ động cho Trưởng các Đơn vị trong việc rà soát, sắp xếp lương của người lao động theo năng lực, số lượng,

chất lượng hoàn thành công việc. Việc nâng lương được thực hiện dựa trên mức độ đánh giá hoàn thành công việc của người lao động. Đối với các cán bộ có thành tích đặc biệt xuất sắc, có sáng kiến và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả cao, được Ban Lãnh đạo VCB khen thưởng sẽ được nâng bậc lương vị trí công việc trước hạn.

Chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội

VCB thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Hiện nay, VCB đã thực hiện việc đóng Bảo hiểm xã hội cho 100% cán bộ ký Hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên đang làm việc tại cơ quan, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các chế độ Bảo hiểm xã hội như: Thai sản, ốm đau... cho cán bộ. Đối với lao động thời vụ, VCB thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội cho người lao động ký Hợp đồng từ 01 tháng trở lên theo quy định.

Tỷ lệ đóng BHXH, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cụ thể như sau: Tỷ lệ nộp BHXH là 25,5% trong đó, người sử dụng lao động (cơ quan) đóng 17,5% và người lao động đóng 8%. Bảo hiểm y tế được cơ quan thực hiện đầy đủ theo quy định là 4,5% gồm người sử dụng lao động (cơ quan) đóng 3% và người lao động đóng 1,5%. Bảo hiểm thất nghiệp là loại hình bảo hiểm mới, áp dụng từ đầu năm 2009 đóng theo tỷ lệ 2% (cơ quan đóng 1% và người lao động đóng 1%).

Ngoài ra, người lao động nghỉ chế độ hưu trí còn được hưởng mức phụ cấp phù hợp, mức phụ cấp này được tính trên cơ sở tổng tiền lương thực tế trước thuế năm liền kề trước khi cán bộ nghỉ hưu.

Cơ chế đãi ngộ ngoài lương

Bên cạnh việc áp dụng cơ chế tiền lương hợp lý, chế độ đãi ngộ người lao động ngoài lương của VCB đã được thực hiện, cụ thể: (i) Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các chế độ Bảo hiểm xã hội như thai sản, ốm đau,... cho người lao động; (ii) Đối với các trường hợp nghỉ chế độ hưu trí, thai sản, thương tật, bệnh hiểm nghèo hoặc phẫu thuật, ngoài các chế độ được hưởng từ Bảo hiểm xã hội, VCB cũng thực hiện chi trả bổ sung nhằm hỗ trợ về tài chính cho người lao động; (iii) Mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cũng như tổ chức kiểm tra khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Đặc biệt, từ năm 2017, VCB đã kết hợp với các cơ sở y tế có uy tín thực hiện khám tầm soát phát hiện sớm ung thư cho người lao động...



Đãi ngộ phi tài chính

Để tạo động lực cho người lao động, ngoài những cơ chế đãi ngộ trực tiếp về tài chính, VCB đã triển khai những chính sách đãi ngộ phi tài chính như:

- ▶ Triển khai sản phẩm Bảo hiểm Bảo An Gia (Bảo hiểm bệnh ung thư và bệnh tim) cho cán bộ VCB đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn trên toàn hệ thống;
- ▶ Mua bảo hiểm Pjico chăm sóc sức khỏe cho cán bộ;
- ▶ Tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ;
- ▶ Thăm hỏi và trợ cấp ốm đau, bệnh tật, thai sản cho ĐV, NLĐ;
- ▶ Tặng hoa và quà cho đoàn viên, người lao động nghỉ hưu theo chế độ;
- ▶ Tặng quà cho bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ/chồng của người lao động nhân ngày Quốc tế người cao tuổi;
- ▶ Xây dựng nhiều chương trình đào tạo trong và ngoài nước cho người lao động để nâng cao năng lực chuyên môn của mỗi cá nhân, qua đó, tạo sự gắn kết giữa người lao động với VCB;
- ▶ Thường xuyên tổ chức các chương trình văn nghệ, du lịch, thể thao cho người lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

VCB luôn tích cực trong công tác an sinh - xã hội vì cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội. Năm 2018, VCB đã tham gia tài trợ các chương trình an sinh xã hội với giá trị ~171 tỷ đồng, tập trung vào công tác giáo dục, y tế, xây nhà cho người nghèo...

Một số chương trình tiêu biểu VCB tài trợ như sau: Xây dựng trường mẫu giáo Sơn Ca, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau: 8,5 tỷ đồng; xây dựng BVKD huyện Trần Đề giai đoạn II: 12,5 tỷ đồng; xây dựng trường tiểu học Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh gần 7 tỷ đồng; xây dựng trường THPT Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 12,5 tỷ đồng...

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019



Kinh tế thế giới năm 2019 ẩn chứa nhiều rủi ro thách thức hơn. Dấu hiệu giảm tốc tăng trưởng xuất hiện ở cả các nền kinh tế phát triển và mới nổi. IMF điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 xuống mức 3,3% thấp hơn năm 2018 và dự báo 3,5% trước đó. Bên cạnh đó, tình hình thế giới và khu vực vẫn diễn biến phức tạp, rủi ro về thiên tai, dịch bệnh hiện hữu...

Chính phủ xác định năm 2019 là năm bứt phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm (2015 - 2020) với phương châm hành động "**Kỷ cương, Liêm chính, Hành động, Sáng tạo, Bứt phá, Hiệu quả**". Mục tiêu tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2019 đạt khoảng 6,6 - 6,8% có tính khả thi cao. Dự báo lạm phát được kiểm soát dưới mục tiêu 4%, hoạt động xuất nhập khẩu khả quan, đầu tư FDI thuận lợi. Chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa được điều hành linh hoạt, hạ mặt bằng lãi suất, kiểm soát tín dụng hợp lý, tập trung vào khu vực sản xuất hạn chế vào các lĩnh vực rủi ro cao. Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế kém khả quan, các rủi ro quốc tế khó lường, kinh tế Việt Nam có thể bị tác động tiêu cực nếu các rủi ro vượt ra ngoài các kịch bản dự kiến.

Ngành ngân hàng tiếp tục tái cơ cấu, nâng cao chất lượng hoạt động, phát triển ngân hàng số, ứng dụng công nghệ, phù hợp với xu hướng phát triển tài chính hiện đại. Với phương châm hành động **Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững** và quan điểm điều hành **Kỷ cương - Hành động - Trách nhiệm**, toàn hệ thống VCB nỗ lực đẩy mạnh các mảng hoạt động, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch 2019. Một số chỉ tiêu kinh doanh chính như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019
1 Tổng tài sản	Tăng 12%
2 Huy động vốn từ nền kinh tế (*)	Tăng 11% - 13%
3 Tín dụng	Tăng 15%
4 Tỷ lệ nợ xấu	< 1,0%
5 Lợi nhuận trước thuế	Tăng 9,5%

(*) Phù hợp với mục đích sử dụng vốn và hiệu quả kinh doanh.

TỔNG TÀI SẢN
TĂNG **12%**

HUY ĐỘNG
VỐN TỪ NỀN
KINH TẾ TĂNG **11-13%**

TÍN DỤNG
TĂNG **15%**

TỶ LỆ
NỢ XẤU **< 1,0%**

LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ
TĂNG **9,5%**

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO) ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 (TIẾP THEO)

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2019

TIẾP TỤC TRIỂN KHAI BA TRỤ CỘT KINH DOANH NĂM 2019: BÁN LẺ, DỊCH VỤ, ĐẦU TƯ (KINH DOANH VỐN)

Hoạt động bán lẻ

- ▶ Tăng tỷ trọng cho vay bán lẻ vào các sản phẩm chuẩn, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh... có lãi suất đầu ra cao. Hạn chế cho vay cầm cố giấy tờ có giá, cho vay lĩnh vực có mức NIM thấp.
- ▶ Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng bán lẻ và tín dụng thông qua PGD đồng thời tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng tại PGD.
- ▶ Phát triển khách hàng cá nhân, đặc biệt là phân khúc khách hàng Priority.

Hoạt động dịch vụ

- ▶ Tăng tỷ trọng thu nhập phi tín dụng (trọng tâm là thu dịch vụ) trên tổng thu nhập và coi đây là trụ cột trọng tâm trong năm 2019.
- ▶ Sử dụng chính sách giá, lãi suất linh hoạt, ưu đãi để gia tăng thu dịch vụ trên cơ sở cân đối thu nhập tổng thể, chú trọng tăng mạnh nguồn thu dịch vụ từ các sản phẩm thẻ, tài trợ thương mại, ngân hàng điện tử, bảo hiểm...
- ▶ Rà soát, điều chỉnh các biểu phí (bao gồm bán buôn, bán lẻ, thanh toán...), đảm bảo vừa cạnh tranh vừa tăng hiệu quả thu dịch vụ. Rà soát điều chỉnh tỷ lệ chia sẻ phí, chi phí trả các tổ chức thẻ quốc tế.
- ▶ Nỗ lực giữ và gia tăng thị phần thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại: Mở rộng cơ sở khách hàng có giao dịch với khu chế xuất/doanh nghiệp trong chuỗi giá trị của khách hàng FDI lớn; các nhà

đầu tư nước ngoài tiềm năng đầu tư vào Việt Nam; các khách hàng thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại tiềm năng.

- ▶ Tập trung hoàn thiện và phát triển sản phẩm, dịch vụ bán buôn có tính cạnh tranh, bổ sung các sản phẩm tư vấn, các sản phẩm định vị thị trường của VCB. Phát triển sản phẩm bán buôn gắn liền với các chỉ tiêu kinh doanh; có các giải pháp đặc thù cho từng nhóm sản phẩm/khách hàng.
- ▶ Đa dạng hóa sản phẩm bán lẻ, triển khai một số sản phẩm, thu dịch vụ mới,...
- ▶ Nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời ban hành các cơ chế động lực cho cán bộ để thúc đẩy tăng thu phí dịch vụ.

Hoạt động kinh doanh vốn và đầu tư

- ▶ Tăng cường đầu tư trái phiếu và giấy tờ có giá của Định chế tài chính; tập trung đầu tư danh mục giấy tờ có giá kỳ hạn ngắn.
- ▶ Chú trọng tăng trưởng hoạt động kinh doanh ngoại tệ; tăng cường lợi nhuận kinh doanh ngoại tệ của các hoạt động chuyển đổi kinh doanh ngoại tệ năm 2019.
- ▶ Đẩy mạnh triển khai các sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh hàng hóa.
- ▶ Quản lý, giám sát, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và danh mục đầu tư dài hạn khác.



HUY ĐỘNG VỐN GẮN VỚI SỬ DỤNG VỐN, CHÚ TRỌNG NGUỒN VỐN CHI PHÍ THẤP

- ▶ Chú trọng tăng trưởng nguồn tiền gửi giá rẻ; duy trì tỷ trọng tiền gửi KKH và ngoại tệ ở mức tối thiểu tương ứng là 30% và 20%, cải thiện tỷ trọng HĐV bán buôn trong tổng HĐV của chi nhánh.
- ▶ Tăng cường quan hệ với các khách hàng là Tập đoàn, Tổng công ty, Doanh nghiệp lớn, các quỹ quản lý vốn tập trung, các Bộ/Ngành có nguồn vốn lớn để thiết lập, duy trì, gia tăng thị phần tiền gửi tại VCB.
- ▶ Điều chỉnh lãi suất huy động vốn linh hoạt cho một số địa bàn đặc thù có quy mô huy động vốn thấp, mức độ cạnh tranh huy động vốn cao.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG CAO TỪ ĐẦU NĂM, GẮN LIỀN HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VÀ CHẤT LƯỢNG

- ▶ Chú trọng tăng trưởng tín dụng cao ngay từ đầu năm, đặc biệt là tín dụng ngắn hạn, kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ tín dụng trung dài hạn. Áp dụng điều kiện thương mại đối với các khoản cấp tín dụng từ năm 2019.
- ▶ Tiếp tục tái cấu trúc danh mục tín dụng bán buôn: Giảm dần dư nợ khách hàng có lãi suất cho vay thấp, hiệu quả tổng thể không cao, dư nợ không có TSBD hoặc tỷ lệ TSBD thấp, tình hình tài chính suy giảm; kiểm soát và giảm dần dư nợ cho vay đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.
- ▶ Phân bổ tỷ trọng dư nợ theo định hướng tín dụng ngành, tăng tỷ trọng tín dụng FDI và các lĩnh vực sản xuất.

ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG KHỐI VÀ CÁC DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI; THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐI ĐẦU VỀ NGÂN HÀNG SỐ

- ▶ Xác định 2019 là năm chuyển đổi ngân hàng số của VCB: Đẩy nhanh triển khai chuyển đổi ngân hàng số, ứng dụng công nghệ để phát triển dịch vụ ngân hàng thông minh và đứng đầu về chuyển đổi ngân hàng số.
- ▶ Tập trung nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ triển khai các Chương trình/dự án thuộc Đề án phát triển CNTT đến năm 2020.
- ▶ Tiếp tục nâng cấp hạ tầng CNTT, đảm bảo đáp ứng đủ tài nguyên cho các dự án được triển khai theo lộ trình đã được phê duyệt.
- ▶ Tập trung triển khai các dự án thuộc khối Bán lẻ nhằm đáp ứng các yêu cầu quản trị theo chuẩn mực quốc tế, mục tiêu số 1 về bán lẻ.
- ▶ Nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án, tăng cường công tác truyền thông và quản lý thay đổi của các dự án.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO) ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 (TIẾP THEO)

CHÚ TRỌNG THU HỒI NỢ XẤU, NỢ ĐÃ XỬ LÝ DPRR

- ▶ Rà soát từng khoản nợ có khả năng thu hồi được trong 2019; phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên Ban giám đốc, Lãnh đạo phòng và cán bộ tại Chi nhánh trong công tác thu hồi nợ.

TRIỂN KHAI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ ĐỂ ĐẢM BẢO ĐÁP ỨNG CHUẨN MỰC BASEL

Thực hiện các thủ tục cần thiết để có ý kiến chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án tăng vốn điều lệ và triển khai:

- ▶ Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- ▶ Phát hành thêm cổ phiếu mới qua các hình thức phù hợp.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA GIÁM SÁT

- ▶ Tổ chức kiểm tra, kiểm toán theo kế hoạch được duyệt và thực hiện kiểm tra đột xuất.
- ▶ Tăng cường kiểm tra, giám sát các chi nhánh và quy trình hoạt động tiềm ẩn rủi ro cao, rủi ro có tính hệ thống để phát hiện sớm, cảnh báo và ngăn ngừa kịp thời.
- ▶ Giám sát kết quả thực hiện kiến nghị kiểm tra, kiểm toán và giám sát từ xa đối với các chi nhánh/công ty con trong hệ thống VCB.

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ CHÍNH SÁCH QUY TRÌNH

- ▶ Hoàn thiện các chính sách về rủi ro; rà soát các quy định về thẩm quyền phê duyệt tín dụng; hoàn thiện các mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng; ban hành quy định chính thức về quy trình cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; sửa đổi, bổ sung chính sách phân loại nợ sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng theo mô hình xác suất vỡ nợ (PD),...
- ▶ Rà soát, sửa đổi, ban hành mới các chính sách, quy trình tác nghiệp nội bộ của VCB tương ứng với những thay đổi của quy định pháp luật, phù hợp với hệ thống corebanking và các hệ thống mới.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THEO CHIẾN LƯỢC TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG ĐÚNG ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

- ▶ Rà soát tổng thể công tác tuyển dụng; hoàn thiện hệ thống mô tả công việc (JD), KPIs, hệ thống bậc lương.
- ▶ Xây dựng và ban hành khung năng lực đối với các vị trí thuộc các lĩnh vực nghiệp vụ; bộ tiêu chí cán bộ tài năng; cơ chế tài trợ học bổng cho sinh viên các trường đại học có thành tích cao và cơ chế tuyển thẳng đối với sinh viên đại học xuất sắc.
- ▶ Nâng tỷ trọng lao động bán hàng so với hiện nay; tuyển lao động mới từ nguồn sinh viên mới tốt nghiệp và cán bộ có kinh nghiệm từ thị trường (bao gồm cả các vị trí quản lý).
- ▶ Thực hiện nâng cao chất lượng công tác đào tạo trên cơ sở Trường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực VCB.

- ▶ Tổ chức thi tay nghề nghiệp vụ và tổ chức tổng kết công tác thi tay nghề để có chính sách đối với các cán bộ đạt kết quả thi cao.
- ▶ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính.
- ▶ Nghiên cứu cơ chế tăng tiền lương, thu nhập lao động cộng tác viên đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

CÁC NỘI DUNG KHÁC

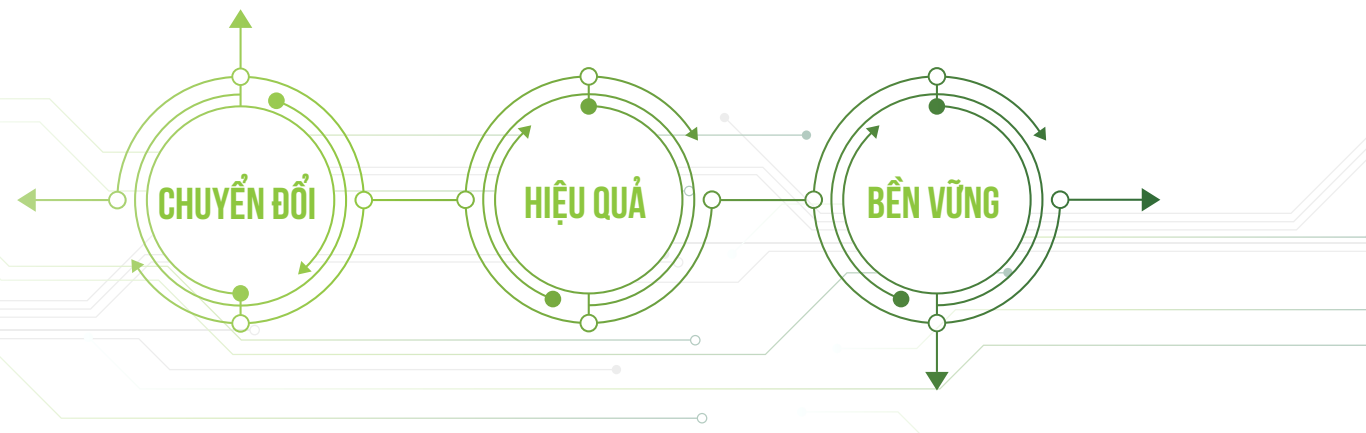
- ▶ Tập trung thực hiện các dự án xây dựng cơ bản trọng điểm.
- ▶ Thực hiện tốt các hoạt động truyền thông; cải thiện hiệu quả hoạt động quảng cáo thương hiệu và sản phẩm dịch vụ; quảng bá hình ảnh và thương hiệu VCB.
- ▶ Triển khai, thực hiện công tác an sinh xã hội nhằm chia sẻ khó khăn với các địa phương, hỗ trợ khắc phục giảm nhẹ các hậu quả thiên tai, ưu tiên các lĩnh vực giáo dục, y tế,...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Năm 2018, kinh tế toàn cầu tăng trưởng 3,7% tương đương mức tăng năm 2017. Tuy nhiên, các dấu hiệu tăng trưởng chậm đã xuất hiện do tác động từ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Mặc dù vậy, kinh tế trong nước vẫn duy trì được đà tăng trưởng và vươn lên mạnh mẽ với tăng trưởng GDP năm 2018 ở mức 7,08%, vượt mục tiêu 6,7% của Quốc hội đề ra và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây; lạm phát tiếp tục được kiểm soát thấp hơn mức mục tiêu 4% (CPI bình quân tăng 3,54%) và có năm thứ 5 liên tiếp duy trì ở mức thấp.



Chính sách tiền tệ được NHNN điều hành chủ động, linh hoạt đã góp phần tích cực trong việc kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Cung tiền tăng hợp lý, thanh khoản hệ thống dồi dào, mặt bằng lãi suất được giữ ở mức thấp, tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại hối tăng nhanh. Các chính sách hiệu quả đó đã tạo nên tầng chung thuận lợi cho hoạt động của các ngân hàng thương mại tăng trưởng bền vững gắn với cải thiện chất lượng, hiệu quả.

NHIỆM VỤ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Đại hội đã quyết nghị:

- Phương châm hành động trong năm 2018: **"Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững"**; quan điểm chỉ đạo điều hành là **"Đổi mới - Kỳ cương - Trách nhiệm"**.
- Thông qua một số chỉ tiêu cơ bản cho năm 2018: tổng tài sản tăng 14%, dư nợ tín dụng tăng 15%, huy động vốn tăng 15%, lợi nhuận trước thuế đạt 13.300 tỷ đồng - tăng 8%, mức chi trả cổ tức 8% (trên mệnh giá), tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5% tổng dư nợ...
- Thông qua mức thù lao cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) năm 2017 bằng 0,35% lợi nhuận sau thuế năm 2018, nguồn từ quỹ lương năm 2018 được phê duyệt của VCB.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO

Quản trịet phương châm hành động "Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững" và quan điểm chỉ đạo điều hành "Đổi mới - Kỳ cương - Trách nhiệm" với trọng tâm kinh doanh chuyển định hướng vào các trụ cột: Bán lẻ, Kinh doanh vốn và Dịch vụ; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu hoạt động; đảm bảo chất lượng tăng trưởng, an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững, Hội đồng Quản trị đã quyết liệt chỉ đạo ngay từ đầu năm, linh hoạt và kịp thời định hướng hoạt động của VCB trong cả năm.

Với nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, kết thúc năm 2018, VCB đã đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao, vươn lên mạnh mẽ để dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản.

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra như sau:



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2018, VCB tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc và đạt những kết quả ấn tượng trên hầu hết mọi lĩnh vực hoạt động; đạt và vượt các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao.

Tổng tài sản đến 31/12/2018 đạt 1.074.027 tỷ đồng, tăng 3,74% so với 31/12/2017 (tương đương tăng 16,1% so với số TH2017 khi loại trừ khoản tăng cao bất thường 109.851 tỷ của KBNN thu được từ IPO của Sabeco), vượt kế hoạch 1,8%.

Tổng huy động vốn năm 2018 đạt 823.390 tỷ đồng, tăng 13,3% so với 2017. Dư nợ tín dụng đạt 639.370 tỷ đồng, tăng 14,6% so với năm 2017, nằm trong mức trần định hướng tăng trưởng tín dụng của Thống đốc NHNN giao.

Trong năm 2018, VCB tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu. Dư nợ nhóm 2 là 3.781 tỷ đồng, giảm 1.002 tỷ đồng so với năm 2017. Tỷ lệ nợ nhóm 2 chỉ còn ở

mức 0,59%. Kể từ khi cổ phần hóa, năm 2018 là năm đầu tiên VCB đưa tỷ lệ nợ xấu về dưới 1%. Dư nợ xấu nội bảng là 6.223 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu 0,97%, trong khi dư quỹ dự phòng rủi ro ở mức 10.294 tỷ đồng. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng là 165%, đạt mức cao nhất trong hoạt động của VCB. Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 3.272 tỷ đồng, hoàn thành 116,8% kế hoạch HĐQT giao.

Lợi nhuận trước thuế đạt 18.269 tỷ đồng, tăng 61,1% so cùng kỳ, đạt 137% kế hoạch năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao. Căn cứ kết quả kinh doanh, căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về tỷ lệ cổ tức 2018, VCB dự kiến đề xuất chi trả cổ tức ở mức 8% (bằng tiền mặt hoặc bằng tiền mặt và cổ phiếu).

(Chi tiết các mặt hoạt động kinh doanh sẽ được trình bày tại báo cáo của Ban điều hành).

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (TIẾP THEO) BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (TIẾP THEO)

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Công tác quản trị ngân hàng được HĐQT đặc biệt chú trọng với các hoạt động nổi bật trong năm 2018, bao gồm:

Về huy động vốn: Giữ huy động vốn ổn định trong quý I và tăng trưởng đều trong các quý tiếp theo; kiểm soát huy động vốn lãi suất cạnh tranh; bám sát định hướng đẩy mạnh huy động vốn bán buôn, nguồn vốn có lãi suất đầu vào thấp; điều hành lãi suất linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường;

- ▶ Đẩy mạnh các sản phẩm, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; cải tiến các sản phẩm, dịch vụ thanh toán, dịch vụ quản lý tài khoản tập trung của các khách hàng.
- ▶ Tích cực mở rộng tài khoản chuyên thu và tài khoản thanh toán cho các đơn vị BHXH, KBNN.
- ▶ Đẩy mạnh hợp tác thu Ngân sách Nhà nước (NSNN) thông qua thỏa thuận thành công với một số TCTD để sử dụng tài khoản của KBNN tại VCB làm kênh ưu tiên cho giao dịch thu NSNN.
- ▶ Điều chỉnh lãi suất thích hợp cho một số địa bàn đặc thù có quy mô huy động vốn thấp, mức độ cạnh tranh huy động vốn cao.
- ▶ Triển khai các chương trình đồng hành cùng khách hàng có nguồn ngoại tệ lớn. Chú trọng đẩy bán các dịch vụ phi tín dụng, bán chéo sản phẩm của khách hàng cá nhân để thu hút tiền gửi KKH và tiền gửi ngoại tệ.
- ▶ Tập trung vào các giao dịch IPO lớn để phục vụ chuyển đổi ngoại tệ. Bám sát các doanh nghiệp có kế hoạch thoái vốn, các nhà đầu tư tiềm năng để tiếp cận cung cấp dịch vụ liên quan.

Về tín dụng: Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng hiệu quả và bền vững; duy trì ổn định tín dụng bán buôn; triển khai nhiều giải pháp tăng trưởng tín dụng bán lẻ, tín dụng qua phòng giao dịch;

- ▶ Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng bán lẻ thông qua điều hành kế hoạch, KPIs, điều chỉnh chính sách lãi suất, sản phẩm, quy định,...
- ▶ Trụ sở chính đồng hành cùng chi nhánh làm việc với các khách hàng lớn, tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận và phát triển khách hàng bán buôn mới.
- ▶ Cơ cấu lại danh mục tín dụng bán buôn theo hướng rút giảm dư nợ của các nhóm khách hàng có tình hình tài chính thiếu vững chắc, dư nợ TSBD thấp; rút giảm dư nợ tín dụng của 10 nhóm khách hàng dư nợ vay cao nhất.
- ▶ Ban hành các chương trình lãi suất linh hoạt phù hợp với từng đối tượng khách hàng/khu vực.
- ▶ Phát triển tín dụng vào khách hàng FDI lớn, với ngành nghề định hướng mở rộng, có khả năng phát triển các dịch vụ tổng thể như HĐV ngoại tệ, TTQT, dịch vụ bán lẻ.

Về kiểm soát chất lượng tín dụng và thu hồi nợ xấu: Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng và đẩy mạnh thu hồi nợ xấu

- ▶ Hoàn thiện cơ chế, quy trình tín dụng theo hướng thận trọng, kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng.
- ▶ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng tại tất cả các chi nhánh; quản trị tuyệt đối tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định của VCB về cấp tín dụng.
- ▶ Phân công thành viên Ban Lãnh đạo phụ trách chỉ đạo một số Chi nhánh có nợ có vấn đề lớn của hệ thống; tăng cường giám sát chỉ đạo công tác xử lý thu hồi nợ đối với từng chi nhánh.

Về triển khai Đề án tăng thu dịch vụ

- ▶ Nâng cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới tăng thu nhập từ dịch vụ ngân hàng.
- ▶ Rà soát các biểu phí; xây dựng cơ chế thẩm quyền ưu đãi phí căn cứ theo phân khúc, phân hạng khách hàng.
- ▶ Nâng cao hiệu quả kinh doanh thẻ: Gia tăng hợp tác với các đối tác, phát triển tiện ích, tích hợp các kênh bán, mở rộng kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ về thanh toán hóa đơn, thanh toán QR Code.
- ▶ Tăng thu phí thông qua phân phối các sản phẩm quỹ mở, rà soát lại hoạt động kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm Bancassurance nhân thọ/phi nhân thọ.
- ▶ Triển khai chương trình hành động năm 2018 về TTQT-TTTM để duy trì, mở rộng thị phần và gia tăng thu phí.
- ▶ Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ tiếp tục duy trì ổn định thông qua điều tiết linh hoạt tỷ giá, mở rộng cơ sở khách hàng có nguồn ngoại tệ chuyển đổi lớn.

Về đầu tư: Chuyển dịch danh mục đầu tư nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Thực hiện thoái vốn đáp ứng các quy định và đạt hiệu quả cao;

- ▶ Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trên thị trường 2 thông qua mở rộng đầu tư giấy tờ có giá, trái phiếu của các ĐCTC.
- ▶ Đẩy mạnh thoái vốn đáp ứng tuân thủ quy định của pháp luật, của NHNN và đạt kết quả khả quan tại các TCTD bao gồm: Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Xuất-Nhập khẩu Việt Nam; và một số doanh nghiệp khác bao gồm Tổng công ty Hàng không Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí.

Về mô hình tổ chức và mạng lưới: Kiện toàn mô hình tổ chức và phát triển mạng lưới phù hợp với chiến lược kinh doanh

- ▶ Tiếp tục mở rộng phát triển mạng lưới: Thành lập 05 Chi nhánh VCB mới gồm: Bắc Gia Lai, Phúc Yên, Đông Bình Dương, Nghi Sơn, Tuyên Quang; 39 Phòng giao dịch; khai trương và đưa vào hoạt động VCB tại Lào; được Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) phê duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng đại diện tại New York (Mỹ); xúc tiến nghiên cứu khảo sát thành lập Chi nhánh tại Úc.
- ▶ Kiện toàn mô hình tổ chức, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của một số Phòng/Ban/Trung tâm tại trụ sở chính; thành lập Phòng Quản lý Rủi ro tích hợp, khối QT&PTNNL (bao gồm các đơn vị: Ban QLNS; Phòng CSKHNS; Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực); sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Khối bán buôn theo Mô hình CTOM; xây dựng tiêu chí tách phòng chi nhánh và thực hiện cho các chi nhánh đáp ứng đủ tiêu chí.
- ▶ Công tác nghiên cứu khoa học có nhiều đổi mới mạnh mẽ, nhiều sáng kiến được áp dụng triển khai vào thực tế. Tổ chức thành công cuộc thi "Đổi mới - Sáng tạo để phát triển và hội nhập" lần thứ nhất ở quy mô toàn hệ thống, qua đó đã lựa chọn được nhiều sáng kiến có giá trị ứng dụng và hiệu quả cao.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (TIẾP THEO) BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (TIẾP THEO)

Về quy trình, quy chế: Hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường công tác quản trị rủi ro

- Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế nội bộ quan trọng về Quy định giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của VCB, quy trình tín dụng bán buôn, cơ chế thẩm quyền ưu đãi phí đối với khách hàng bán buôn, quy định về quản trị rủi ro thanh khoản,...
- Hoàn thiện các quy chế nội bộ như Quy chế chi trả tiền lương trong hệ thống VCB; Quy chế luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác trong hệ thống VCB.

Về các dự án chuyển đổi: Tập trung nguồn lực quyết liệt triển khai các Dự án chuyển đổi nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành hướng tới chuẩn mực quốc tế

Các dự án nâng cao năng lực quản trị được triển khai tích cực, kết quả của một số dự án bước đầu được áp dụng vào hoạt động kinh doanh:

- Chương trình Basel II: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công nhận VCB là ngân hàng đầu tiên đáp ứng chuẩn mực Basel II tại Việt Nam theo Thông tư 41 sớm 01 năm so với yêu cầu.
- Chương trình CTOM: Tiếp tục triển khai 17 sáng kiến và đã hoàn thành 7 sáng kiến. Từ tháng 6/2018, chính thức triển khai Mô hình CTOM tại tất cả các chi nhánh trong hệ thống.
- Các dự án thuộc Khối Bán lẻ: Khối Bán lẻ đang tích cực thực hiện các dự án chuyển đổi của Khối, bao gồm RTOM, CRM bán lẻ và RLOS, đồng thời Khối cũng chủ động triển khai một số hạng mục chuyển đổi mô hình bán lẻ từ năm 2018.

- Đề án phát triển CNTT đến năm 2020: Tích cực thực hiện Đề án với 54 dự án CNTT nhằm hỗ trợ nghiệp vụ và xây dựng, nâng cấp hạ tầng, từng bước hiện đại hóa hệ thống CNTT theo lộ trình chiến lược phát triển VCB đến năm 2020. 14 dự án trọng điểm được tập trung triển khai như dự án đầu tư đổi mới hệ thống CoreBanking, Trade Finance,...

Về Công nghệ thông tin: Chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin

- Tập trung đẩy mạnh tiến độ triển khai các dự án CNTT.
- Tập trung khắc phục các bất cập, tồn tại và hạn chế về CNTT và dịch vụ ngân hàng điện tử.
- Nâng cấp hạ tầng CNTT đảm bảo ổn định, sẵn sàng, an toàn bảo mật cho toàn bộ các hệ thống CNTT.

Về công tác kiểm tra, kiểm soát và tuân thủ

- Hoàn thành kiểm tra hàng năm 100% các chi nhánh trong hệ thống, thực hiện kiểm tra toàn bộ các chi nhánh theo 22 chuyên đề.
- Kiểm tra rủi ro tác nghiệp tại chi nhánh, ngăn chặn cảnh báo kịp thời những rủi ro tiềm ẩn, đề xuất giải pháp khắc phục, kiến nghị xử lý những vi phạm tại các đơn vị.

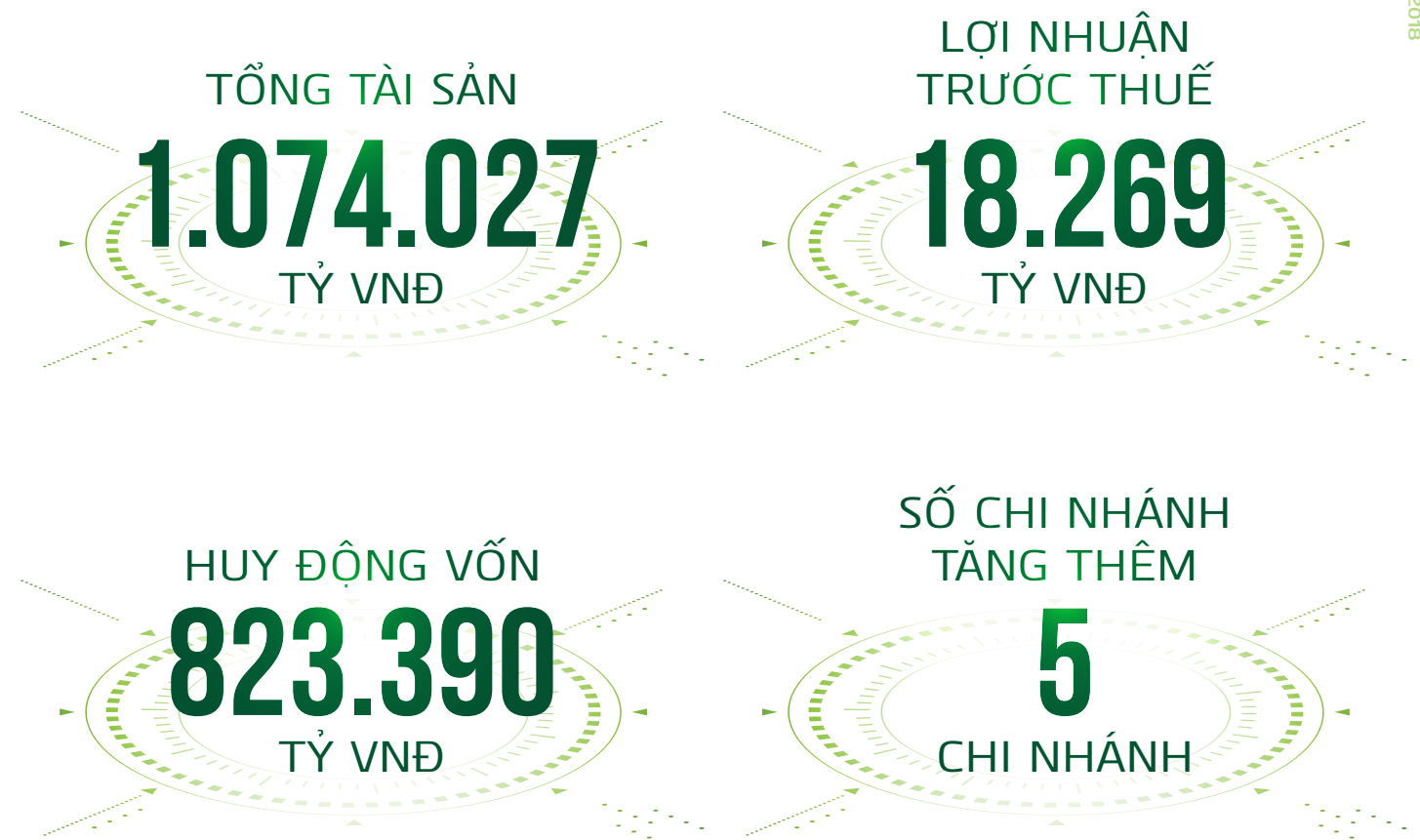
Các công tác khác

- Triển khai thành công phương án phát hành riêng lẻ tăng vốn cấp 1 trong bối cảnh thị trường rất khó khăn, góp phần khẳng định uy tín, vị thế và nâng cao năng lực cạnh tranh của VCB.
- Tổ chức thành công các sự kiện chào mừng ngày lễ kỷ niệm 55 năm thành lập VCB, Đại hội đồng cổ đông lần thứ 11 năm 2018,...
- Công tác xây dựng cơ bản tích cực được triển khai: Hoàn thành cơ sở vật chất, bàn giao đưa vào sử dụng 04 dự án xây dựng mới và 50 dự án cải tạo sửa chữa trụ sở chi nhánh/phòng giao dịch.
- Tham gia tài trợ các chương trình an sinh xã hội với tổng mức thực hiện là 180 tỷ đồng; tập trung vào các hạng mục, công trình: Xây dựng trường học, bệnh viện, phòng bệnh, hỗ trợ khắc phục thiên tai các tỉnh khu vực Tây Bắc, Miền Trung và Tây Nguyên,... và xây dựng nhà cho người nghèo, hỗ trợ các huyện nghèo; tham gia đoàn công tác của Quân chủng Hải quân thăm quần đảo Trường Sa và nhà giàn DK1/15.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2018 DO ĐHCĐ GIAO

ĐVT: Tỷ VNĐ, %

TT	Chỉ tiêu	TH2017	KH2018	TH2018	TH2018/ TH 2017	TH2018/ KH2018
1	Tổng tài sản	1.035.293	1.055.004	1.074.027	103,7%	101,8%
2	Dư nợ tín dụng	557.688	641.341	639.370	114,6%	99,7%
3	Huy động vốn	726.734	835.744	823.390	113,3%	98,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	11.341	13.300	18.269	161,1%	137,4%
5	Lao động cuối kỳ (người)	16.227	Tăng không quá 6%	17.215	106,1%	Trong kế hoạch
6	Chi phí lương trên LNTT chưa bao gồm lương	37%	37%	30%		Trong kế hoạch
7	Số chi nhánh tăng thêm	5	6	5		Trong kế hoạch
8	Tỷ lệ nợ xấu	1,11%	< 1,5%	0,97%	Kiểm soát nợ xấu tốt hơn	Kiểm soát nợ xấu tốt hơn



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (TIẾP THEO) BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 59 phiên họp. Trong đó, tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng, HĐQT tổ chức đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao của từng tháng và của từng thành viên HĐQT. Trên cơ sở đó, HĐQT đã ban hành Nghị quyết chỉ đạo hoạt động kinh doanh, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT và thực hiện giám sát Ban điều hành tổ chức thực hiện, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định liên quan của VCB.

Năm 2018, nắm bắt những chuyển biến tích cực của nền kinh tế trong nước, trên cơ sở các định hướng của HĐQT cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2018 do ĐHCĐ và HĐQT giao, Ban điều hành đã điều hành sát sao, quyết liệt các nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh.

Các thành viên HĐQT, Ban điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, toàn hệ thống VCB tiếp tục thực hiện phương châm hành động “Chuyển đổi – Hiệu quả – Bền vững” và đổi mới quan điểm chỉ đạo điều hành “Kỷ cương – Hành động – Trách nhiệm” tập trung vào các định hướng lớn sau đây:

- ▶ Chuyển đổi trọng tâm 3 trụ cột kinh doanh: **Bán lẻ, Dịch vụ, Đầu tư (kinh doanh vốn)**, trong đó:
 - Bán lẻ:** Tập trung tăng trưởng tín dụng bán lẻ, tín dụng tại các PGD, bán chéo trong bán lẻ.
 - Thu Dịch vụ:** Tăng mạnh tỷ trọng thu nhập phi tín dụng, trọng tâm là thu từ dịch vụ, nâng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ theo tiến độ để án thu dịch vụ, coi đây là trụ cột trọng tâm trong năm 2019 và năm 2020.
 - Đầu tư kinh doanh vốn:** Đẩy mạnh quy mô đầu tư mua giấy tờ có giá, trái phiếu do các TCTD khác phát hành, trái phiếu trung hạn của Chính phủ, chính quyền địa phương.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (TIẾP THEO) ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (TIẾP THEO)



- ▶ Tiếp tục thực hiện nguyên tắc **"Mua buôn – bán lẻ"**, trong đó:

Về nguồn vốn

Chú trọng khai thác nguồn vốn bán buôn (giá trị lớn, chi phí huy động vốn thấp), đồng thời với tăng tỷ lệ huy động vốn bán lẻ cao hơn năm 2018.

Chú trọng tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ (tiền gửi VNĐ không kỳ hạn, tiền gửi ngoại tệ).

Về tín dụng

Tăng trưởng tín dụng ngay từ những tháng đầu năm.

Tập trung tăng trưởng tín dụng bán lẻ, tín dụng tại các PGD.

Kiểm soát tăng trưởng tín dụng bán buôn, tập trung dư nợ vào các ngành định hướng mở rộng, các khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh và khả năng chống đỡ rủi ro cao, khách hàng sử dụng tổng thể các sản phẩm, dịch vụ của VCB.

Xây dựng lộ trình và đẩy mạnh rút giảm dư nợ đối với: DNNN có tình hình tài chính suy giảm; dư nợ tiềm ẩn rủi ro; dư nợ có lãi suất thấp và hiệu quả tổng thể không cao; dư nợ không có TSBĐ/ tài sản bảo đảm thấp; dư nợ TSBĐ đủ giá trị thế chấp theo định giá nhưng là tài sản khó định giá thực, TSBĐ giảm giá trị nhanh, TSBĐ khó bán, khó chuyển nhượng.

Chú trọng tăng trưởng dư nợ ngắn hạn, từng bước giảm tỷ lệ cho vay trung dài hạn theo định hướng của HĐQT và quản lý của Ngân hàng Nhà nước.



- ▶ Công tác khách hàng: Coi khách hàng là trọng tâm phục vụ. Gia tăng thị phần với khách hàng truyền thống và tiếp cận, phát triển mạnh mẽ khách hàng mục tiêu mới có tiềm năng cao.

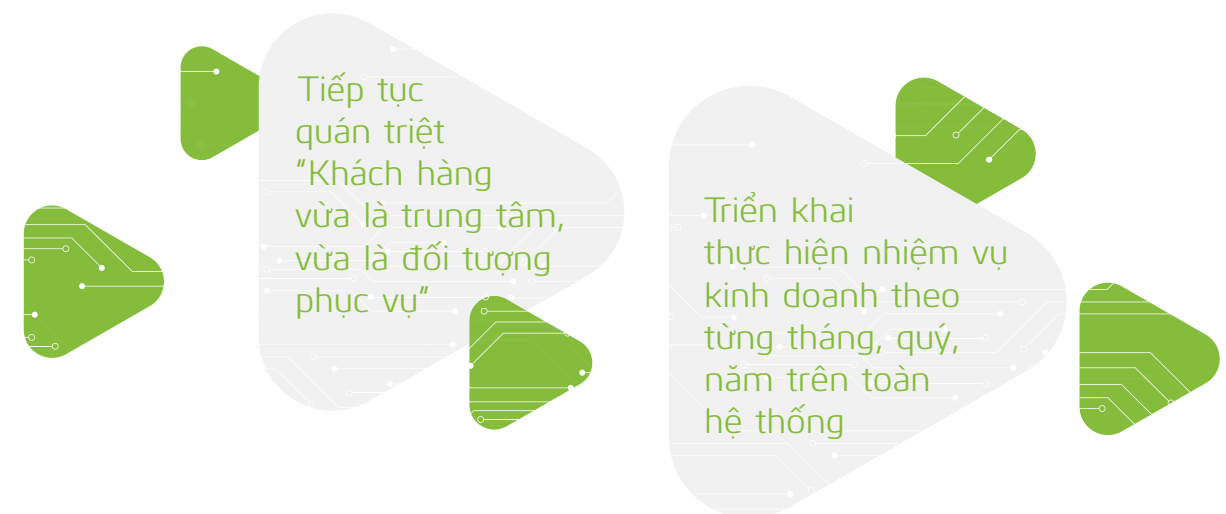


- ▶ Công tác thu dịch vụ: Triển khai đồng bộ, có hiệu quả công tác thu dịch vụ theo đề án thu phí dịch vụ đã được phê duyệt. Có chính sách giảm lãi suất tiền vay bù đắp nguồn thu bằng tăng thu dịch vụ. Kiểm soát chặt chẽ việc miễn giảm phí.



NHIỆM VỤ CHUNG

- ▶ Triển khai giao kế hoạch kinh doanh, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo từng tháng, quý, năm trên toàn hệ thống. Các chỉ tiêu kinh doanh cần chú trọng về thực chất, hiệu quả và có tính phần đầu cao.
- ▶ Tiếp tục quán triệt "Khách hàng vừa là trung tâm, vừa là đối tượng phục vụ"; tăng cường công tác khách hàng, giữ và gia tăng thị phần khách hàng truyền thống; Định danh khách hàng mục tiêu, khách hàng tiềm năng; Phân tích thị phần, xây dựng kế hoạch và đề ra giải pháp, tiến độ phát triển, gia tăng thị phần đối với từng khách hàng.



VỮNG THẾ TIÊN PHONG

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổ chức và Nhân sự	86
Giới thiệu HĐQT	88-91
Giới thiệu Ban điều hành và các chức danh lãnh đạo khác	92-97
Giới thiệu Ban Kiểm soát	98

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



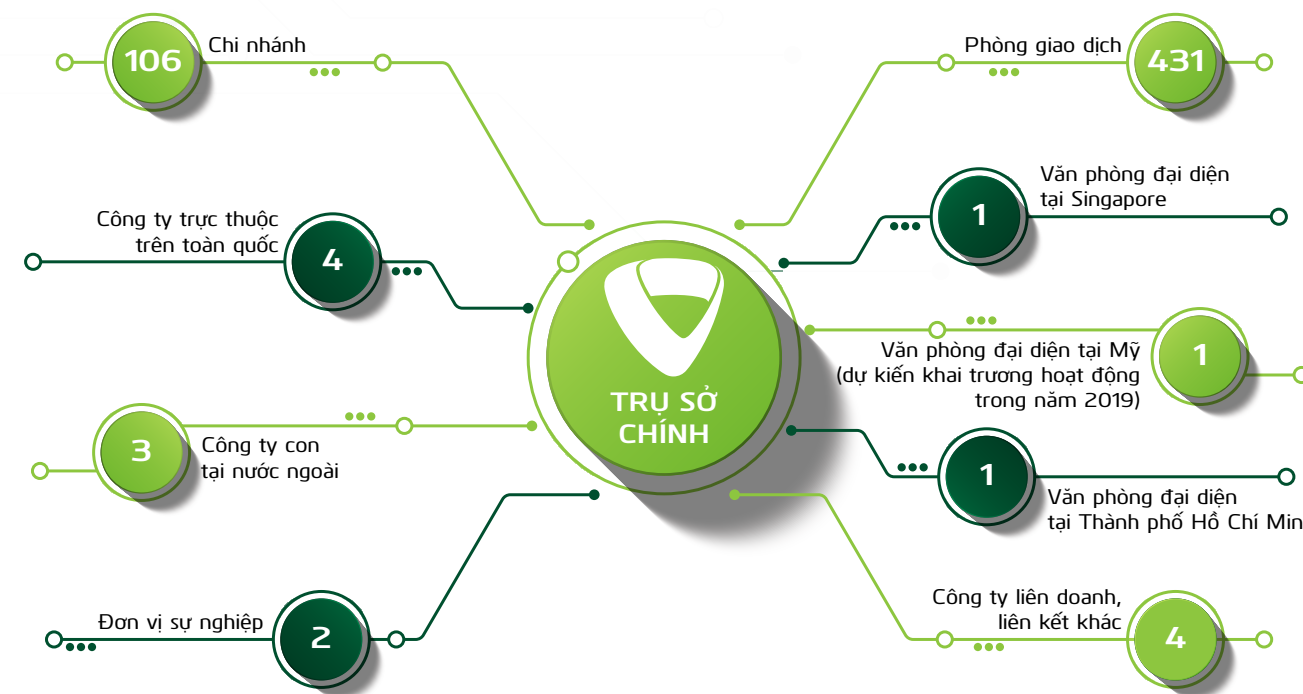
NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số lao động của Vietcombank tính đến 31/12/2018 là 17.215 người. Với quy mô lao động lớn và không ngừng tăng lên, Ban Lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của ngân hàng:

- ▶ Nguồn nhân lực được quản trị theo thông lệ tốt nhất nhằm xây dựng, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ thực hiện mục tiêu của Vietcombank là Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực.
- ▶ Chủ động vận dụng linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt, đổi mới trong công tác tổ chức, nhân sự. Một mặt thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế, mặt khác không ngừng đổi mới các chính sách quản lý cán bộ trong tất cả các khâu từ tuyển dụng tới quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm, luân chuyển, kỷ luật, đánh giá, đào tạo cán bộ; đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ.

- ▶ Chất lượng nhân viên được kiểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển dụng nghiêm túc, chuyên nghiệp; cán bộ được tuyển dụng phù hợp với vị trí công việc.
- ▶ Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đầy đủ và chuẩn mực, xây dựng được đội ngũ lãnh đạo là những người có kiến thức hiện đại và nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý điều hành.
- ▶ Công tác đào tạo được đẩy mạnh nhằm nâng cao số lượng và chất lượng các khóa đào tạo cho cán bộ, nhân viên.
- ▶ Cơ chế lương được xây dựng mới, gắn chế độ đãi ngộ với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, tạo động lực cho cán bộ cố gắng.

Vietcombank đang tích cực triển khai Chiến lược quản trị và phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020, coi đây là tiền đề để thực hiện thành công Đề án cơ cấu lại ngân hàng theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.



THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thay đổi về nhân sự trong Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

Thành phần Ban Lãnh đạo có thay đổi như sau:

Giảm:

- ▶ Ông Đào Hào - Phó Tổng Giám đốc, nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/09/2018;
- ▶ Bà Trương Thị Thúy Nga - Phó Tổng Giám đốc, nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/11/2018;

Tăng:

- ▶ Ông Hồng Quang giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 28/04/2018. Đến ngày 1/11/2018, Ông Hồng Quang kiêm giữ chức vụ Giám đốc Khối Nhân sự.

Tổng số lao động (Người)

17.215

Tăng 5,54% so với năm 2017

MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC CỦA VIETCOMBANK

Trong năm 2018, Vietcombank khai trương hoạt động 34 Phòng giao dịch và 05 Chi nhánh mới (Tuyên Quang, Phúc Yên, Nghi Sơn, Bắc Gia Lai và Đông Bình Dương).

Tính đến 31/12/2018, mạng lưới hoạt động của Vietcombank bao gồm:

- ▶ Trụ sở chính.
- ▶ 106 Chi nhánh.
- ▶ 431 Phòng giao dịch.
- ▶ 04 Công ty con trực thuộc trên toàn quốc (Công ty Cho thuê tài chính, Công ty chứng khoán, Công ty Kiều hối, Công ty Cao ốc Vietcombank 198)
- ▶ 01 Văn phòng đại diện tại Singapore; 01 Văn phòng đại diện tại Mỹ (dự kiến khai trương hoạt động trong năm 2019); 01 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ 03 Công ty con tại nước ngoài (Công ty Vinafico Hongkong, Công ty chuyển tiền Vietcombank tại Mỹ, Ngân hàng con tại Lào).
- ▶ 02 Đơn vị sự nghiệp (Trung tâm xử lý tiền mặt; Trung tâm Đào tạo).
- ▶ 04 công ty liên doanh, liên kết khác.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **NGHIÊM XUÂN THÀNH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- ▶ Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- ▶ Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Ông **PHẠM QUANG DŨNG**

Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
- Đại học Tổng hợp Birmingham
(Anh Quốc)
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ kinh tế
- Cao học Việt Nam - Hà Lan
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông **NGUYỄN MỸ HÀO**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ kinh tế - Học viện Ngân hàng
- ▶ Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Ông **EIJI SASAKI**

Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Nihon (Nhật Bản)
- ▶ Cử nhân Thiết kế - Đại học New York



Ông **PHẠM ANH TUẤN**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Đại học Nam Columbia
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh



Ông **HỒNG QUANG**

Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Giám đốc Khối Nhân sự

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Đại học Ngoại thương Hà Nội liên kết
với Đại học Meiho (Đài Loan)
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân
Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội



Ông **TRƯƠNG GIA BÌNH**

Ủy viên Hội đồng Quản trị độc lập

Trình độ chuyên môn

- ▶ Phó Giáo sư Cơ học - Do Hội đồng
xét duyệt học vị và chức danh khoa học
Nhà nước Việt Nam xét duyệt
- ▶ Tiến sỹ Toán Lý
- Đại học Tổng hợp Lômônôpsôv (CHLB Nga)
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Tổng hợp Lômônôpsôv (CHLB Nga)

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **PHẠM QUANG DŨNG**

Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
- Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc)
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông **ĐÀO MINH TUẤN**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ kinh tế - Học viện Ngân hàng
- ▶ Kỹ sư Toán ứng dụng
- Đại học Bách khoa Hà Nội
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông **PHẠM MẠNH THẮNG**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Tiến sỹ Kinh tế - Học viện ngân hàng
- ▶ Thạc sỹ Kinh tế - Học viện ngân hàng
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng



Bà **NGUYỄN THỊ KIM OANH**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
- Đại học New South Wales
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Bà **ĐINH THỊ THÁI**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Ngoại thương



Ông **EIJI SASAKI**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Nihon (Nhật Bản)
- ▶ Cử nhân Thiết kế - Đại học New York



Bà **PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- CPA Australia
- ▶ Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Ông **LÊ QUANG VINH**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế
- Đại học New South Wales, Australia
- ▶ Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân

GIỚI THIỆU CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO KHÁC



Ông **LÊ HOÀNG TÙNG**

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế – Học viện Tài chính
- ▶ Cử nhân Kinh tế – Học viện Tài chính



Ông **THOMAS WILLIAM TOBIN**

Giám đốc Khối Bán lẻ

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học McMaster (Canada)
- ▶ Cử nhân Kinh tế – Đại học Toronto (Canada)



Ông **NGUYỄN THANH TÙNG**

Giám đốc Khối Bán buôn

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Tổng hợp Paris Dauphine
- ▶ Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



Ông **HỒNG QUANG**

Giám đốc Khối Nhân sự

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Ngoại thương Hà Nội liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
- ▶ Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- ▶ Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà **TRƯƠNG LỆ HIỀN**

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế phát triển
- Cao học Việt Nam - Hà Lan
- ▶ Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Bà **LA THỊ HỒNG MINH**

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- ▶ Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Bà **ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Ngoại thương
- ▶ Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương



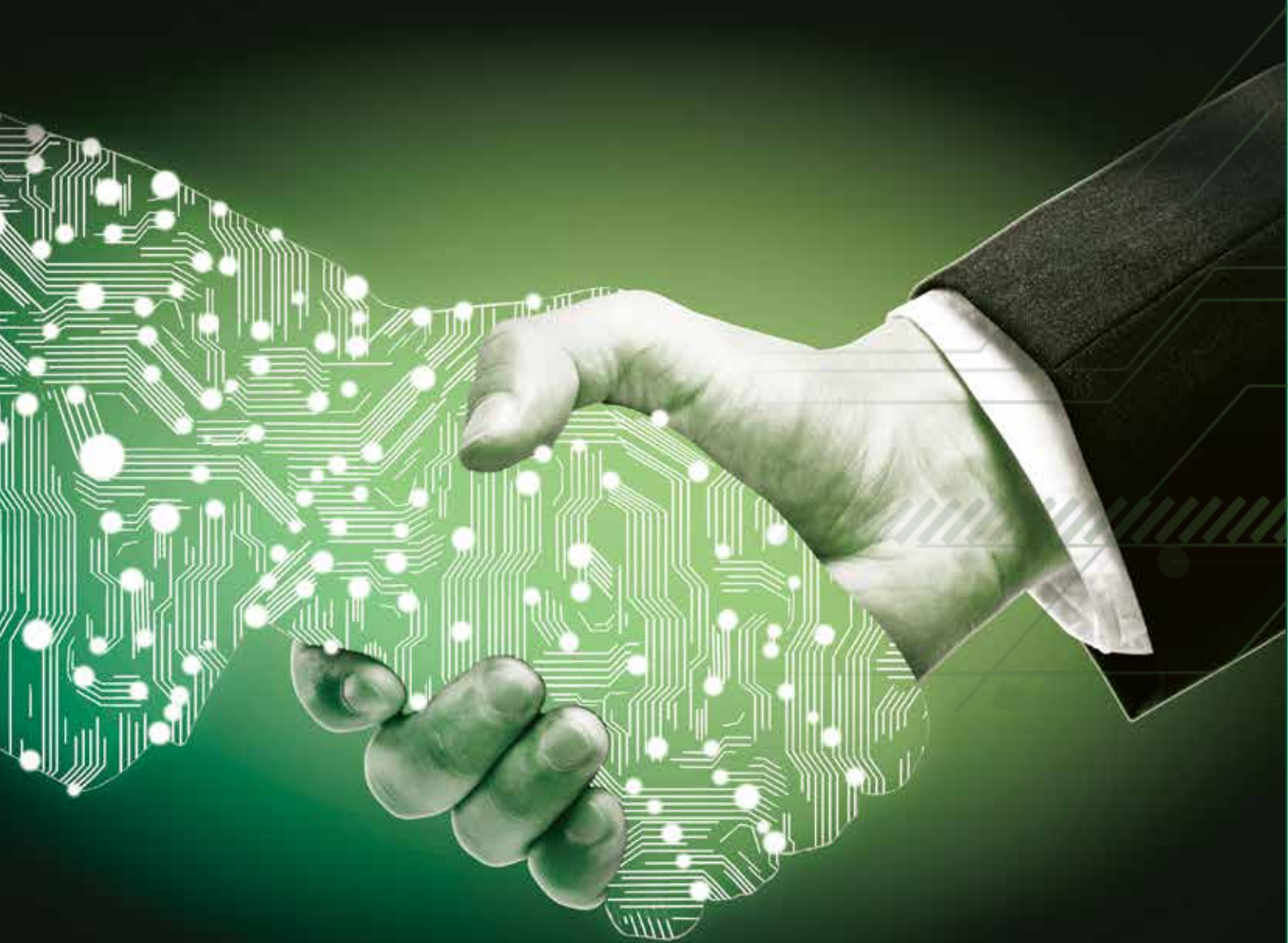
Bà **VŨ THỊ BÍCH VÂN**

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

- ▶ Thạc sỹ Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân
- ▶ Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng

TIẾP BƯỚC THÀNH CÔNG



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị Công ty
Quản trị rủi ro
Mạng lưới hoạt động

102-109
110-115
116-121

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	49.025	0,00136%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014. Thành viên không điều hành
2	Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	3.281	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
3	Eiji Sasaki	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017.
4	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành
5	Nguyễn Mỹ Hòa	Ủy viên HĐQT	7.012	0,00019%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành
6	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	2.270	0,00006%	Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. Thành viên không điều hành
7	Trương Gia Bình	Ủy viên HĐQT	0	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018. Thành viên độc lập
8	Hồng Quang	Ủy viên HĐQT	2	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) đã tổ chức họp 59 phiên họp (trong đó có 14 phiên toàn thể HĐQT) và 21 trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp trên cơ sở lấy phiếu ý kiến	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham họp
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	27/11/2014	59/59	21/21	100%	
2	Phạm Quang Dũng	TV HĐQT, TGD	01/11/2014	59/59	21/21	100%	
3	Eiji Sasaki	TV HĐQT, PTGD	28/04/2017	14/14	06/06	100%	(1)
4	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	26/12/2014	59/59	21/21	100%	
5	Phạm Anh Tuấn	TV HĐQT	28/04/2017	59/59	21/21	100%	
6	Nguyễn Mỹ Hòa	TV HĐQT	28/04/2017	59/59	21/21	100%	
7	Hồng Quang	TV HĐQT	27/04/2018	34/34	14/14	100%	(2)
8	Nguyễn Thị Dũng	TV HĐQT độc lập	25/04/2013	5/5	01/01	100%	(2)
9	Trương Gia Bình	TV HĐQT độc lập	27/04/2018	9/9	05/05	100%	(2)

Ghi chú:

1: Ông Eiji Sasaki là TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể; Ngoài ra, căn cứ tính chất từng vụ việc cụ thể, thành viên HĐQT Eiji Sasaki có thể được mời tham dự các phiên họp khác nhưng không thống kê tại bảng nêu trên;

2: Bà Nguyễn Thị Dũng miễn nhiệm chức vụ TV HĐQT từ ngày 27/04/2018 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia họp từ T1/2018 đến hết 27/04/2018. Ông Hồng Quang, và Ông Trương Gia Bình được bầu làm TV HĐQT từ ngày 27/04/2018 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia từ ngày 27/04/2018 đến ngày 31/12/2018.

QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu các Ủy ban

► Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt các chính sách và định hướng phù hợp trong từng thời kỳ liên quan đến các loại rủi ro (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động...), bao gồm cả việc xác định các tỷ lệ, giới hạn/hạn chế và mức độ chấp nhận rủi ro của Ngân hàng.

Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro gồm có:

1. Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**, thành viên HĐQT – **Trưởng ban**
2. Ông **Trương Gia Bình**, thành viên độc lập của HĐQT – **Thành viên**
3. Ông **Phạm Anh Tuấn**, thành viên HĐQT – **Thành viên**
4. Ông **Nguyễn Mỹ Hòa**, thành viên HĐQT – **Thành viên**
5. Ông **Eiji Sasaki**, thành viên HĐQT – **Thành viên**
6. Bà **Đinh Thị Thái**, Phó Tổng Giám đốc – **Thành viên**
7. Bà **Nguyễn Thị Kim Oanh**, Phó Tổng Giám đốc – **Thành viên**
8. Ông **Nguyễn Thanh Tùng**, Giám đốc Khối Bán buôn – **Thành viên**
9. Ông **Thomas William Tobin**, Giám đốc Khối Bán lẻ – **Thành viên**

Trong năm 2018, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ, qua đó kiến nghị, tham mưu với HĐQT nhằm nâng cao cơ cấu, mô hình tổ chức quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trên nhiều mặt hoạt động. Ủy ban cũng đóng vai trò tích cực trong việc xúc tiến triển khai các sáng kiến thuộc chương trình Basel II, giúp VCB đạt được mục tiêu là Ngân hàng đầu tiên áp dụng Thông tư 41 - NHNN trước 1 năm so với thời hạn yêu cầu của Thông tư.

► Ủy ban Nhân sự

Ủy ban nhân sự là ủy ban có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của VCB.

Thành viên Ủy ban Nhân sự gồm có:

1. Ông **Nghiêm Xuân Thành**, Chủ tịch HĐQT – **Trưởng ban**
2. Ông **Phạm Quang Dũng**, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc – **Thành viên**
3. Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**, Ủy viên HĐQT – **Thành viên**
4. Ông **Hồng Quang**, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Khối Nhân sự – **Thành viên**
5. Ông **Đặng Bình Nguyên**, Trưởng Ban Quản lý nhân sự – **Thành viên**

Sau khi các quy chế về quản lý cán bộ được ban hành đồng bộ, UBNS đã tích cực, chủ động trong việc tham mưu đánh giá, đề xuất quy hoạch bổ nhiệm quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền. Trong thời gian qua, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức vụ lãnh đạo thuộc Trụ Sở chính và các đơn vị kinh doanh đều được thông qua bởi UBNS, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng trong việc quản lý cán bộ.

Các thành viên Hội đồng Quản trị đều đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 11 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 27/04/2018 đã thông qua danh sách Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 gồm 04 thành viên (số lượng và danh sách các thành viên Ban Kiểm soát không thay đổi so với thời điểm 31/12/2017).

Thông tin hoạt động của các Thành viên Ban Kiểm soát như sau:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng BKS	Tháng 6/2008	5/5	100%	-
2	Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	Tháng 6/2008	5/5	100%	-
3	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	Tháng 6/2008	5/5	100%	-
4	Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên BKS	Tháng 4/2011	5/5	100%	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

▶ Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BĐH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2018 của VCB được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành. Nhìn chung, trong năm 2018, HĐQT và BĐH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng mục tiêu, các chỉ tiêu kinh doanh đạt kết quả tốt so với kế hoạch đề ra; HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định của Luật TCTD và Điều lệ Ngân hàng trong quản trị, điều hành.

Thực hiện theo quy định của Luật TCTD, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, TV HĐQT, TV BKS, TGD và người có liên quan của TV HĐQT, TV BKS, TGD và cập nhật thông tin định kỳ. Trong năm 2018, trong số các đối tượng này, đã phát sinh 01 giao dịch mua cổ phiếu VCB, giao dịch được thực hiện đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

▶ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ VCB, BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ của HĐQT/thường trực HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BĐH. BKS cũng được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm soát của BKS. Các thành viên BKS được tham gia các khóa học, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành ngân hàng.

Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BĐH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng và hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh năm 2018 của VCB.

▶ Hoạt động khác của BKS

Trong năm 2018, BKS đã hoàn thành việc lập báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và báo cáo đánh giá hệ thống KSNB năm 2017, thực hiện công tác thẩm định BCTC năm 2017 và BCTC 6 tháng đầu năm 2018, tổ chức thực hiện 19 cuộc kiểm toán theo kế hoạch, nội dung kiểm toán tập trung vào đánh giá các khung quản trị rủi ro của ngân hàng, đánh giá các hoạt động trọng yếu hoặc tiềm ẩn rủi ro trên quy mô toàn hàng, kiểm định các mô hình lượng hóa rủi ro; thực hiện giám sát các mảng hoạt động của ngân hàng và hoạt động của các công ty con, theo dõi việc tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn,...

Năm 2018, BKS tiếp tục triển khai hai dự án: Giai đoạn 2 của dự án Nâng cao năng lực Kiểm toán nội bộ (đã hoàn thành cuối năm 2018) và dự án đầu tư phần mềm quản lý hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ VCB; cử cán bộ tham gia các dự án và sáng kiến khác trong Chương trình Basel II.

Trong nửa cuối năm 2018, các đơn vị thuộc BKS đã làm đầu mối triển khai Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 về hệ thống kiểm soát nội bộ, đến 31/12/2018 các yêu cầu cần triển khai theo Thông tư 13 tại VCB đều đã được hoàn thành đúng kế hoạch.



106

107

Báo cáo thường niên 2018

Danh sách và nội dung các phiên họp thường kỳ của Ban Kiểm soát

Ngày	Số lượng TV BKS dự họp	Nội dung cuộc họp
26/01/2018	4/4	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kết hoạt động năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của BKS. Thông qua dự thảo sửa đổi quy chế tổ chức hoạt động của BKS
16/04/2018	4/4	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả thẩm định BCTC năm 2017 của NHNT Thông qua nội dung báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2018
27/04/2018	4/4	<ul style="list-style-type: none"> Bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023
27/04/2018	4/4	<ul style="list-style-type: none"> Phân công nhiệm vụ trong BKS
14/09/2018	4/4	<ul style="list-style-type: none"> Định hướng công việc các tháng cuối năm 2018 của BKS

QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

GAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu trước giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	39.025	0,00108	49.025	0,00136	Mua
2	Ông Lê Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	2.000	0,00005559	10000	0,00028	Mua
3	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	PTGD	2.829	0,00007863	0	0	Bán
4	Ông Phạm Mạnh Thắng	PTGD	27.197	0,00756	37.197	0,001034	Mua

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2018 tiếp tục được đẩy mạnh và chú trọng. Vietcombank tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới cộng đồng các nhà đầu tư. Đồng thời, Vietcombank tích cực tăng cường chất lượng công tác thông tin, tiếp xúc với cổ đông và nhà đầu tư thông qua các cuộc trao đổi trực tiếp tại trụ sở, tham dự các hội nghị đầu tư trong và ngoài nước, cập nhật thường xuyên và đăng tải rộng rãi tài liệu giới thiệu về Vietcombank và kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý.



TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ

Tổ chức 70 cuộc tiếp xúc và làm việc tại Vietcombank với hàng trăm nhà đầu tư cá nhân/tổ chức, các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong, ngoài nước.

Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm tìm hiểu về Vietcombank đến từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó nhiều nhất là các quỹ đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tiếp sau đó là các nhà đầu tư đến từ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Châu Âu...

Qua tiếp xúc, các nhà đầu tư đã được cập nhật kịp thời về những diễn biến kinh tế vĩ mô và ngành ngân hàng, về tình hình hoạt động cũng như triển vọng phát triển của Vietcombank. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt cùng hiệu quả công tác quan hệ nhà đầu tư tiếp tục hỗ trợ nâng cao vị thế cổ phiếu Vietcombank trên thị trường chứng khoán, đặc biệt trong tương quan so sánh với các ngân hàng niêm yết.



THAM DỰ CÁC HỘI NGHỊ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Là công ty đại chúng lớn, có tầm ảnh hưởng, đồng thời với đội ngũ IR được đánh giá cao về tính chuyên nghiệp, hàng năm Vietcombank được mời tham gia nhiều sự kiện đầu tư trong và ngoài nước. Năm 2018, Vietcombank đã lựa chọn tham gia một số sự kiện tiêu biểu sau:

- ▶ **Chuỗi sự kiện đầu tư do Daiwa Capital Markets (Nhật Bản) tổ chức tại các trung tâm tài chính lớn của thế giới:** Nhật Bản (03/2018), Hoa Kỳ (05/2018), Singapore (08/2018), Hong Kong (11/2018).
- ▶ **Các sự kiện đầu tư do các tổ chức tài chính uy tín khác tổ chức tại nước ngoài:** UBS tổ chức tại Bangkok (11/2018).
- ▶ **Các sự kiện đầu tư trong nước do các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam tổ chức:** Vietnam Access Day của VCSC (03/2018), Frontier Asia Investor Conference in Dubai (02/2018) và Samsung Global Investor Conference (09/2017) của HSC...

Việc liên tục được chọn mời tham dự tất cả các sự kiện đầu tư quan trọng nhất tổ chức trong nước và một trong số ít các doanh nghiệp Việt Nam liên tục được mời tham gia các sự kiện quốc tế đã khẳng định vị thế của Vietcombank trong mắt cộng đồng đầu tư. Thông qua các sự kiện này, bộ phận IR đã cung cấp thông tin đầy đủ, thường xuyên đến nhà đầu tư, tăng cường kết nối với hàng trăm tổ chức tài chính, quỹ đầu tư uy tín trong và ngoài nước.

Năm 2018, hoạt động quan hệ nhà đầu tư còn đặc biệt quan trọng trong quá trình phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài. Vietcombank đã chủ động thực hiện các cuộc tiếp xúc với các nhà đầu tư tiềm năng tại hai thị trường tài chính lớn tại châu Á là Singapore và Hongkong để giới thiệu, quảng bá hình ảnh Vietcombank, cung cấp những thông tin hữu ích cho nhà đầu tư. Hoạt động IR tiếp tục được đẩy mạnh sẽ góp phần tạo điều kiện triển khai các phương án tăng vốn của Vietcombank trong thời gian sắp tới.

QUẢN TRỊ RỦI RO



Với mục tiêu là ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam, Vietcombank đã luôn chủ động và tiên phong trong nghiên cứu, áp dụng các mô hình, phương thức quản trị rủi ro tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế, định hướng của Ngân hàng Nhà nước, cũng như nhu cầu quản trị nội bộ.

Về cơ cấu tổ chức và quản trị rủi ro, Vietcombank thường xuyên rà soát, kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro phù hợp với nguyên tắc ba tuyến bảo vệ: (i) tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro; (ii) tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật và (iii) tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ. Đồng thời, tăng cường, nâng cao vai trò, hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng, Bộ phận trong công tác quản lý rủi ro, như: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro, Bộ phận quản lý rủi ro, Bộ phận Tuân thủ, Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Qua đó giúp nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, song vẫn đảm bảo sự cân bằng với hoạt động kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

Các văn bản, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro cũng được Vietcombank định kỳ rà soát, cập nhật; nhiều văn bản được ban hành mới nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu, định hướng của Ngân hàng Nhà nước, cũng như thực trạng hoạt động của Vietcombank.

Vietcombank cũng chú trọng trong đầu tư xây dựng các công cụ, phương pháp, mô hình đo lường rủi ro. Các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cũng thường xuyên được nâng cấp nhằm có thể đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu quản trị.

Xác định nhiệm vụ chuyển đổi, nâng cao năng lực quản trị rủi ro hướng tới các thông lệ, chuẩn mực quốc tế là nhiệm vụ quan trọng, Vietcombank đã sớm ưu tiên triển khai Hiệp ước vốn Basel II từ những năm 2012. Đến năm 2014, Vietcombank đã chủ động đề xuất và được NHNN lựa chọn là 1 trong 10 ngân hàng thí điểm triển khai Basel II tại Việt Nam. Trải qua quá trình triển khai bài bản và thận trọng cùng với sự hỗ trợ của các đơn vị tư vấn hàng đầu và uy tín trên thế giới, vào ngày 28/11/2018, Vietcombank chính thức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận áp dụng Thông tư 41 về tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II sớm 01 năm so với thời hạn hiệu lực. Với sự kiện này, Vietcombank là ngân hàng đầu tiên đáp ứng chuẩn mực Basel II tại Việt Nam.

Cụ thể công tác quản lý các loại rủi ro chính tại Vietcombank như sau:



RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng bao gồm: (i) Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với VCB; (ii) Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

Khung quản lý rủi ro tín dụng của Vietcombank bao gồm cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng, hạn mức và báo cáo rủi ro tín dụng. Một số kết quả quản lý rủi ro tín dụng chính trong thời gian vừa qua có thể kể đến như sau:

- ▶ Chuyển đổi mô hình tín dụng bán buôn phù hợp với thông lệ quốc tế, điều kiện thị trường Việt Nam và chiến lược phát triển của Vietcombank. Thành công của quá trình chuyển đổi mô hình là bước thay đổi lớn trong hoạt động tín dụng của Vietcombank trên tất cả các khía cạnh – mô hình tổ chức, quản trị, con người và hệ thống công nghệ.
- ▶ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm đối với khách hàng doanh nghiệp. Hệ thống cảnh báo sớm là một công cụ hiệu quả nhằm phát hiện sớm các khách hàng tiềm ẩn rủi ro, hỗ trợ các bộ phận phê duyệt tín dụng, quản lý rủi ro, kiểm tra, kiểm toán nội bộ cập nhật, quản lý danh mục tín dụng của ngân hàng từ xa, từ sớm. Để tối đa hóa hiệu quả hệ thống này, Vietcombank cũng đã xây dựng khung chính sách về cảnh báo sớm trong đó xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, quy trình thực hiện và cơ chế vận hành, đảm bảo sự trao đổi, cập nhật thường xuyên giữa các bộ phận nghiệp vụ về dấu hiệu rủi ro, các thuật toán phù hợp với tình hình thực tế biến đổi liên tục và phức tạp.

- ▶ Xây dựng các mô hình lượng hóa "Tổn thất khi vỡ nợ" (LGD) và "Dự nợ tại thời điểm vỡ nợ" (EAD) đối với danh mục khách hàng bán lẻ cùng với mô hình "Xác suất vỡ nợ". Ba mô hình lượng hóa ba tham số rủi ro chủ chốt gồm (PD, LGD và EAD) là nền tảng quan trọng để Vietcombank hướng tới áp dụng phương pháp xếp hạng nội bộ nâng cao – phương pháp đo lường rủi ro tiên tiến nhất theo Basel II. Mô hình được xây dựng theo chuẩn mực của thông lệ quốc tế và được phát triển cho các phân khúc sản phẩm cho vay cá nhân sản xuất kinh doanh, cho vay bất động sản cá nhân và cho vay tiêu dùng, với mức độ bao phủ hầu hết danh mục tín dụng bán lẻ của Vietcombank.



QUẢN TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hoá trên thị trường đối với giá trị danh mục tài sản tài chính của VCB. Được xác định là một trong các rủi ro trọng yếu của Ngân hàng, rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro lãi suất, rủi ro giá cổ phiếu trên Sở kinh doanh và rủi ro ngoại hối, rủi ro giá hàng hóa trên Sở kinh doanh và Sở ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro thị trường của VCB là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình, hạn mức và báo cáo rủi ro thị trường, được xây dựng theo các tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới. Việc quản lý rủi ro thị trường được thực hiện chi tiết đến từng đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ trên cơ sở xác định từng hồ sơ rủi ro nói riêng và khẩu vị rủi ro của VCB nói chung. Khung quản lý rủi ro thị trường vững chắc góp phần đưa VCB hoàn thành mục tiêu trở thành ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất với tầm nhìn chiến lược đến năm 2020 trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, nằm trong danh sách 300 tập đoàn tài chính lớn nhất khu vực.

Nghiệp vụ kinh doanh vốn tiếp tục là một trong những trọng tâm kinh doanh của VCB, theo đó công tác quản trị rủi ro thị trường tiếp tục được chú trọng nhằm đảm bảo chất lượng tăng trưởng, an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững của VCB. Năm 2018, VCB tiếp tục hoàn thiện khung quản lý rủi ro thị trường thông qua các sáng kiến về chính sách quy trình và mô hình, qua đó

tuân thủ sớm các quy định của NHNN như Thông tư 13 – về hệ thống kiểm soát nội bộ, Thông tư 41 – về đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn và các thông lệ quốc tế.

Dựa trên khung quản lý rủi ro thị trường đồng bộ, VCB có thể chủ động phòng ngừa rủi ro để hạn chế các tác động của biến động thị trường. Ngoài ra, VCB đang triển khai dự án nâng cấp hệ thống quản lý kinh doanh vốn và quản lý rủi ro thị trường qua đó nâng cao khả năng nhận diện, đo lường, quản lý hạn mức và báo cáo cũng như quản trị dữ liệu rủi ro thị trường.



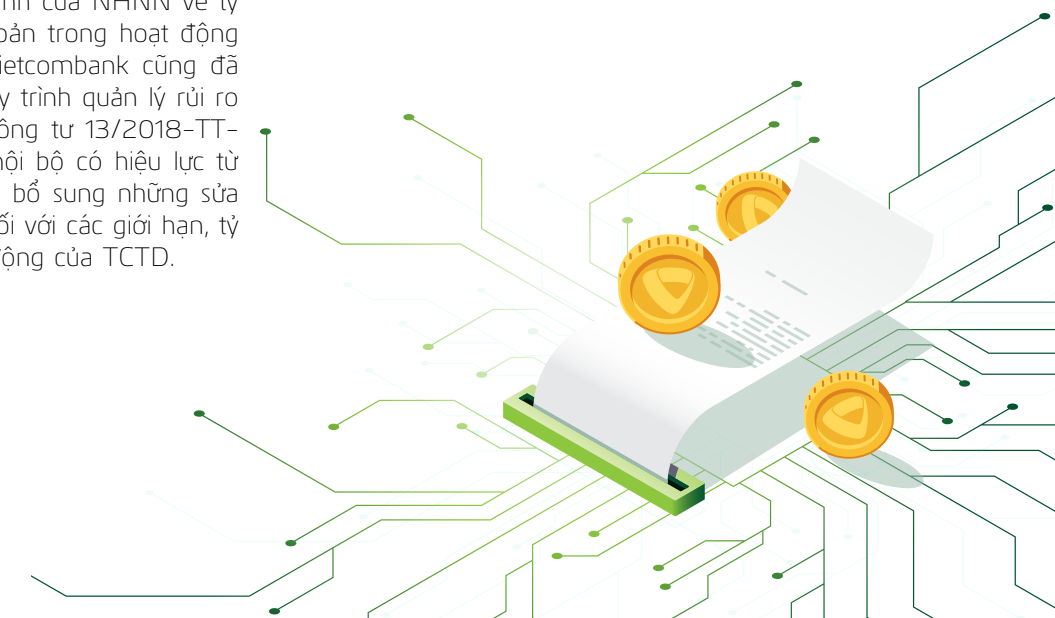
RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh do:

- ▶ Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc
- ▶ Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của VCB.

Khung quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank đã được thiết lập đầy đủ bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế, các tiêu chuẩn tiên tiến của Basel, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Trong năm 2018, Vietcombank cũng đã hoàn thiện khung chính sách, quy trình quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đáp ứng Thông tư 13/2018-TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực từ 01/01/2019; đồng thời cập nhật, bổ sung những sửa đổi trong quy định của NHNN đối với các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD.

Ngoài ra, song song với việc hoàn thiện các công cụ quản lý rủi ro thanh khoản sẵn có (như dấu hiệu cảnh báo sớm, kiểm tra căng thẳng thanh khoản theo các kịch bản và xây dựng kế hoạch dự phòng tương ứng...), năm 2018, Vietcombank còn đưa vào thử nghiệm các công cụ mới như hạn mức thời gian sống sót tối thiểu, ngưỡng theo dõi tỷ lệ tập trung nguồn vốn... trên cơ sở ứng dụng kết quả đầu ra của các dự án chuyển đổi. Đồng thời, Vietcombank đang trong quá trình triển khai dự án hệ thống phần mềm ALM/FTP nhằm nâng cao mức độ tự động hóa cũng như hiệu quả quản trị rủi ro thanh khoản tại ngân hàng.



QUẢN TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)



RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỔ NGÂN HÀNG

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng: Là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của VCB, phát sinh do:

- ▶ Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;
- ▶ Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;
- ▶ Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- ▶ Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế, Basel và tuân thủ các quy định của NHNN.

Theo đó năm 2018, Vietcombank đã trở thành một trong các ngân hàng đầu tiên áp dụng các công cụ, hạn mức quản lý rủi ro lãi suất vào hoạt động quản trị hàng ngày (quản lý chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất, độ nhạy thu nhập lãi thuần (độ nhạy NII) và độ nhạy giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (độ nhạy EVE). Vietcombank cũng sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất. Đồng thời, Vietcombank đang trong quá trình triển khai dự án hệ thống phần mềm ALM/FTP nhằm nâng cao mức độ tự động hóa cũng như hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả rủi ro pháp lý).

Công tác quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHD) của Vietcombank ngày càng được chú trọng và tăng cường, với mục tiêu bảo vệ Ngân hàng, cổ đông và khách hàng tránh được tổn thất rủi ro hoạt động.

Khung QLRRHD của Vietcombank, bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức, và các chính sách, quy trình QLRRHD đã được hoàn thiện theo tiêu chuẩn tiên tiến của Basel II và tuân thủ quy định của NHNN tại Thông tư 13. Trong khi công tác QLRRHD hàng ngày do các đơn vị kinh doanh và đơn vị hỗ trợ chịu trách nhiệm thực hiện, các công cụ QLRRHD được Vietcombank triển khai không chỉ theo chiều rộng mà còn theo chiều sâu trên toàn hàng nhằm giám sát và báo cáo về tình hình QLRRHD. Không chỉ sử dụng các công cụ kỹ thuật, VCB còn tập trung nâng cao văn hóa QLRRHD thông qua công tác đào tạo, bảo đảm tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, và xây dựng một môi trường lao động gắn kết để ngăn ngừa rủi ro.

Công tác quản lý rủi ro gian lận (QLRRGL) tiếp tục được chú trọng, với việc thực hiện nghiêm túc chính sách, quy trình và công cụ QLRRGL, cũng như triển khai cơ chế tố giác và các quy định liên quan về quản lý nhân sự nhằm phòng ngừa và phát hiện sớm rủi ro gian lận.

Với rất nhiều hoạt động và dịch vụ được thực hiện trên nền tảng công nghệ, Vietcombank cũng thực hiện chặt chẽ công tác quản lý rủi ro công nghệ thông tin và duy trì tính liên tục trong vận hành hệ thống CNTT.

Mọi chính sách, quy định, sản phẩm, dịch vụ mới, kể cả hoạt động thuê ngoài, đều được đánh giá để bảo đảm giảm thiểu rủi ro hoạt động trước khi triển khai. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro được thực hiện và giám sát chặt chẽ, và cảnh báo về rủi ro tiềm tàng được phổ biến kịp thời để phòng tránh rủi ro tương tự.

Bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, và giảm thiểu rủi ro hoạt động, Vietcombank cũng tiến hành chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua các gói bảo hiểm rủi ro hoạt động đối với tài sản của ngân hàng.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
An Giang	30-32 Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	02963.898999 02963.841075 02963.841816	02963.841591
Ba Đình	521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	024.37665318	024.37665313
Bắc Bình Dương	Lô D1-4-TT, Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0274.3697979	0274.3618787
Bắc Giang	Số 278 đường Hoàng Văn Thụ, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.	0204.3855576	0204.3855575
Bắc Hà Tĩnh	Số 52 Đường Trần Phú, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.6262555	0239.6269555
Bạc Liêu	Số 14-15 lô B đường Bà Triệu, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.	0291.3955055	0291.3955055
Bắc Ninh	Ngã 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	0222.3811880	0222.3811848
Bắc Gia Lai	Số 737 Phạm Văn Đồng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	02693 867927	02693 867929
Bắc Sài Gòn	Khu hành chính, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	028.37654666	028.37651327
Bến Tre	Số 55B3, đại lộ Đông Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	0275.6255888	0275.6253666
Biên Hoà	Số 22, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251.3991944	0251.3991947
Bình Định	66C đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256.3526666 0256.3526526	0256.3523181
Bình Dương	314 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	0274.3831227	0274.3838675
Bình Phước	Số 744 đường Phú Riêng Đỏ, phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	0271.3558888	0271.3867575
Bình Tây	129-129A Hậu Giang, phường 5, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh	028.39600477 028.39600478	028.39606217
Bình Thuận	Số 50 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Hưng Long, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	0252.3739064 0252.3739065	0252.3739290
Cà Mau	Số 07 đường An Dương Vương, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	0290.3575857 0290.3835207	0290.3833466
Cần Thơ	03-05-07 Hòa Bình, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	0292 3820445	0292 3817299
Châu Đốc	Số 20 Lê Lợi, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0296.3565603 0296.3561702	0296.3561703

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Chương Dương	562 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội	024.3652.3333	024. 36522949
Đà Nẵng	140-142 Lê Lợi, phường Hải Châu, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	0236.3822110	0236.3826062
Đắk Lắk	06 Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	02623.818444 0262.2240777 0262.3857899	02623.855038
Đồng Anh	Thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	024.38835999	02438835888
Đồng Bình Dương	Số 26 đường Lê Duẩn, khu 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	0274.3589999	0274.3582222
Đồng Nai	Số 53-55, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251.3823666	0251.3824191
Đồng Sài Gòn	22F-24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	028.38407924	028.38407925
Đồng Tháp	Số 66, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0277.3872110 0277.3872114	0277.3872119
Dung Quất	KCN Đông Dung Quất, KKT Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	0255.3632333 0255.3632212 0255.3632797	0255.3632336 0255.3610806 0255.3616688
Gia Định	Số 423-425 đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	028.37307799	028.37361199
Gia Lai	33 Quang trung, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	0269.3875566	0269.3828592
Hạ Long	166 Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203.3811808 0203.3811911	0203.3844746
Hà Nam	TTTM DV Hải Hà, đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam	0226.3616666	0226 361 6567
Hà Nội	Tầng 1 đến tầng 5, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	024.39746666	024.39747065
Hà Thành	Số 344 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	024.36503333	024.32252222
Hà Tĩnh	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.3857003 0239.3777886	0239.3857002
Hải Dương	Số 66 Nguyễn Lương Bằng, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	0220.3896545	0220.3891807
Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	0225.3842658	0225.3841117
Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	024.39335566	024.39335580

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Hoàng Mai	Tầng 1, 2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	024.38383383	024.32115555
Huế	78 Hùng Vương, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	0234.3811900	0234.3824631
Hùng Vương	664 Sư Vạn Hạnh, phường 12, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	028.38663983 028.38663984 028.38624810	028.38624804 028.38624806
Hung Yên	Thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	0221.3941886	0221.3941044
Khánh Hòa	17 Quang Trung, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0221.3589368	02583.815114
Kiên Giang	Số 89, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	02973862749	0297.3866243
Kon Tum	348 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0260.3703337	0260.3913516
Kỳ Đông	13-13 Bis Kỳ Đông, phường 9, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	028.39318968	028.39318953
Lâm Đồng	Số 33 Nguyễn Văn Cừ, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0263.3511811	0263.3533666
Lạng Sơn	Tầng 1, trung tâm thương mại Phú Lộc, khu dự án Phú Lộc IV, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	0205.3859859	0205.3866555
Lào Cai	Số 79 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	0214.3828396 0214.3828265	0214.3828261 0214.3828326
Long An	Số 2A, Phạm Văn Ngũ, khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0272.3633683	0272.3633687
Long Khánh	Số 165, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	02513.646151	02513.646157
Móng Cái	Số 05, đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	0203.3757575	0203.3881676 0203.3772886
Nam Bình Dương	Số 121 đường ĐT 743B, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0274.7307777	0274.3710725
Nam Đà Nẵng	Số 137 đường Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	0236.3932999	0236.3932009
Nam Định	Số 629 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	0228.3558666	0228.3558333
Nam Hà Nội	Tầng 1,2,3, Tòa nhà "Nhà ở cao tầng và dịch vụ Cầu Tiên", 1277 Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	024.38699696	024.36281000
Nam Hải Phòng	Số 11 Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	0225 3552299 0225 3841080	0225 3569611

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Nam Sài Gòn	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà V6, plot V, Khu đô thị mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	028.37701634	028.37701635
Nghệ An	Số 21 Đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.3842033 02388685678	0238.3842192
Nghi Sơn	Thôn Nam Yến, xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	0237 3613999	0237 3616869
Phú Nhuận	Số 285 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	028.38479966	028.38476226
Nha Trang	21 Lê Thành Phương, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0258.3826279 0258.829689	0258.3829682
Nhon Trạch	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, ấp Xóm Hố, xã Phú Nội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0251.3521888 0251.3561628	0251.3521999
Ninh Bình	1069 Trần Hưng Đạo, Phố 14, Phường Vân Giang, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	0229.3894444	0229.3894446
Ninh Thuận	số 47 đường 16/4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	0259.3922.755	0259.3922.756
Phố Hiến	Số 186 đường Chu Mạnh Trinh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	0221.3596666	0221.3796666
Phú Quốc	Số 1A, đường Hùng Vương, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	0297.3626264	0297.3626265
Phúc Yên	Tòa nhà Hoài Nam, số 06 tổ 8 đường Hai Bà Trưng, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	02113 636 666	02113 856 866
Quy Nhơn	433 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256.3541377	0256.3741007
Phú Thọ	1606A Đại Lộ Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	0210.3766666	0210.3766667
Phú Yên	Số 192-194-196 Hùng Vương, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	0257.3811709	0257.3818186
Quảng Bình	Số 03 Lý Thường Kiệt, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	0232.3840380	0232.3828347
Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	0235.3813062	0235.3813235
Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	0255.3828578	0255.3711482
Quảng Ninh	Đường 25/4, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203.3629215	0203.3827206
Quảng Trị	51 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	0233.3555727	0233.3555726

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Sài Gòn	69 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	028.38359323 028.38359262	028.38325041
Sài Thành	2D-2E Lý Thường Kiệt, P12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	028.39573378	028.39573380
Sở giao dịch	31-33 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	024.39368547	024.39363354 024.38241395
Sóc Sơn	Số nhà 51, đường Quốc Lộ 3, tổ 12, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	024.35950000	024.35950505
Sóc Trăng	Số 3 Trần Hưng Đạo, khóm 6, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	02993.883888 02993.883889	02993 610137
Tân Bình Dương	Số 16 đường Lê Trọng Tấn, Khu phố Bình Đường 2, Phường An Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	0274.3792158 028.37241627	0274.3790134 028.37241498
Tân Bình	108 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	028.38157777	028.38106838
Tân Định	72 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	028.38208762	028.38206846
Tân Sơn Nhất	Số 366A33 đường Phan Văn Trị, phường 5, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	028.3985.6868	028.39856869
Tây Cần Thơ	Lô 30A7A, Khu công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	0292.3844272	0292. 3843056
Tây Hà Nội	Lô HH-03, Điểm tiểu thủ công nghiệp làng nghề Vạn Phúc, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	024.33554545	024.33554444
Tây Hồ	Số 565 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	024.37581111	024.37585399 024.37585388
Tây Ninh	Số 313, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	0276.3818996 0276.3818997 0276.3818992	0276.3818998
Tây Sài Gòn	Số 321-323-325 đường Phạm Hùng, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	028.37589297	028.37589298
Thái Bình	Nhà khách công vụ - Trụ sở 1 Công an tỉnh Thái Bình - đường Lê Quý Đôn, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	02273.839.724	02273.845.998
Thái Nguyên	Số 10 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0208.3658200	0208.3658219
Thành phố Hồ Chí Minh	Tòa nhà VBB, số 5 công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	028.38297245 028.39141777	028.38297228
Thăng Long	Tòa nhà PVOIL Phú Thọ, số 148 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	024.3755.7194	024.3756.9006
Thành Công	Lô 3 Ô 4.1cc Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	024.62578686	024.37761747

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Thanh Hóa	05 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0237.3728286	02373.728386
Thanh Xuân	448-450 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	024.35578589	024.35579138
Tuyên Quang	Tổ 14, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	0207.3999666	0207.3999555
Thủ Đức	Khu chế xuất Linh Trung I, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	028.38966806	028.38974176
Thủ Thiêm	Số 55-56 đường Song Hành, phường An Phú, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	028.73079668	028.73079530
Tiền Giang	152 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	0273.3976999	0273.3975878
Trà Vinh	Số 05 Lê Thánh Tôn, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	0294.3868780	0294.3868791
Vinh	Số 9, đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.8699567	0238.8699568
Vinh Long	Số 5C, Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long	0270.3888288	0270.836479
Vinh Phúc	Số 392A, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	0211.3720920	0211.3720921
Vũng Tàu	Số 27 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3852309 0254.3859874 0254.3859168	0254.3859859

VCB Leasing

Tầng 4, Tòa nhà 25T1 N05, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 9 289 289
[F] : (84.24) 39 289 150

VCBS

Tầng 12 - Tầng 17 VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 3936 6990
[F] : (84.24) 3936 0262

VCB Tower

Phòng 1406, Tầng 14, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 3934 0919
[F] : (84.24) 3934 0920

VINAFICO

Tầng 16, Tòa nhà Golden Star, 20 Lockhart Road, Hongkong
[T] : (852) 2865 3905 7
[F] : (852) 2865 3908

VCB Money

12112 Brookhurst Street, Suite 11, Garden Grove, CA 92840 United States
[T] : 1-714-979-1055
[F] : 1-714-979-1278

VPĐD TP.HCM

Tầng 33-34, Tòa nhà VBB 5 Công Trường Mê Linh P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM
[T] : (84.28) 3982 6468
[F] : (84.28) 3939 3948

VCB Bonday Bến Thành

Số 5 Công trường Mê Linh Tòa nhà VCB, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
[T] : (84.28) 3915 6789
[F] : (84.28) 3915 3354

CÔNG TY KIỀU HỐI VCB

13 - 13 Bis đường Kỳ Đồng, P. 9, Quận 3, Tp.HCM
[T] : (84.28) 3526 0888
[F] : (84.28) 3526 0808

VCB Bonday

35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
[T] : (84.24) 3936 4540
[F] : (84.44) 3936 4542

VPĐD Singapore

1 Raffles Place, #26-03 OUB Centre, Singapore 048616
[T] : +65 6323 7558
[F] : +65 6323 7559

VCLI

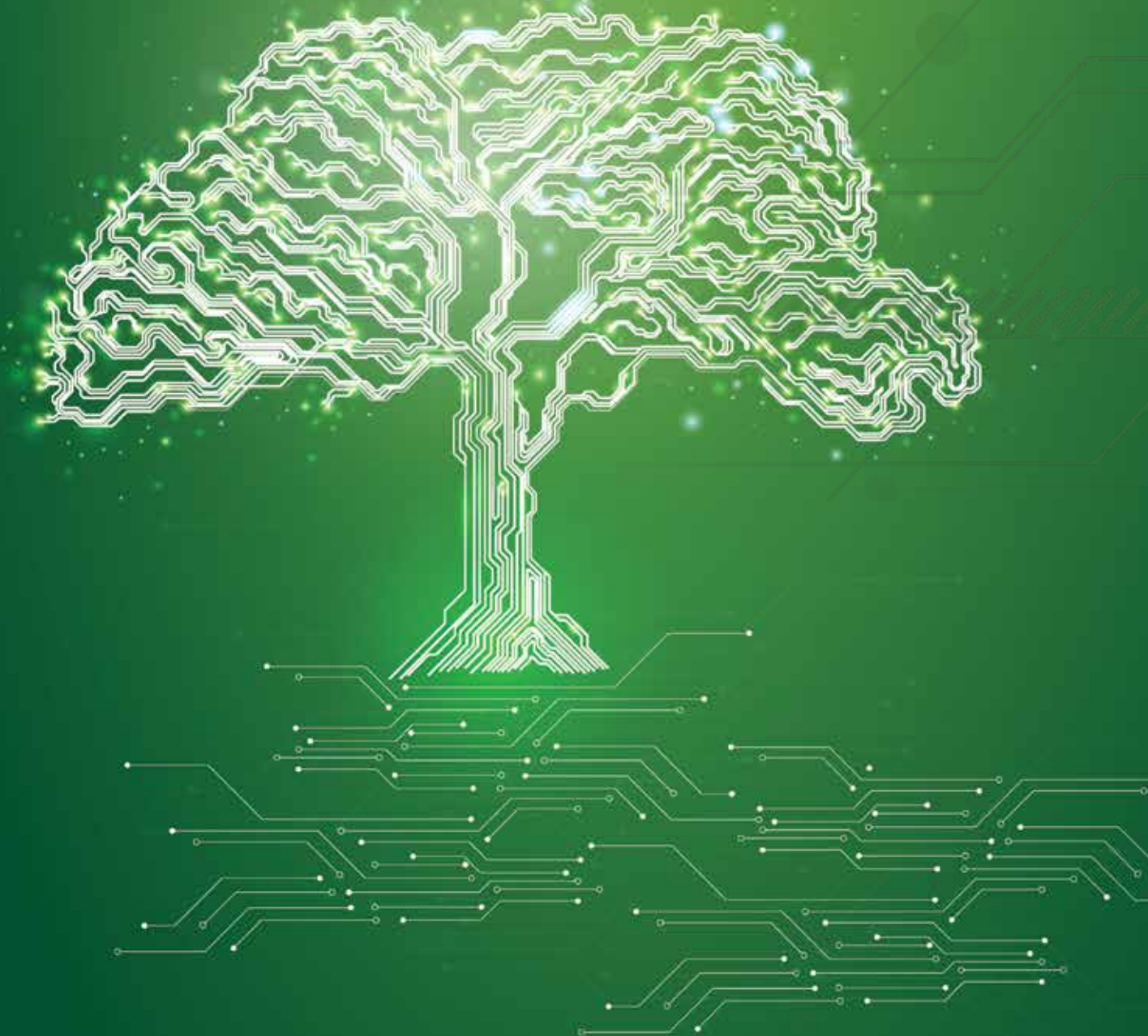
Tầng 11 Tháp Capital, 109 Trần Hưng Đạo, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 3936 8507

VCBF

Tầng 15, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 3936 4540
[F] : (84.44) 3936 4542

VCB Lào

Unit 15, Lanexang Avenue, Hatsady Village, Chanthabouly District, Vientiane Capital, Lao PDR
[T] : +85621253838



NHÂN RỘNG GIÁ TRỊ

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Hoạt động an sinh xã hội Vietcombank

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

911

(TỶ ĐỒNG)

**LÀ SỐ TIỀN VIETCOMBANK ĐÃ DÀNH CHO
HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2014-2018**

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK

VỚI MỤC TIÊU XUYÊN SUỐT LÀ HƯỚNG TỚI MỘT NGÂN HÀNG XANH, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÌ CỘNG ĐỒNG, HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI CỦA VIETCOMBANK KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC ĐẨY MẠNH VỚI NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH THIẾT THỰC, CÓ Ý NGHĨA, ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI.

CHUỖI HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI ĐƯỢC VIETCOMBANK TRIỂN KHAI SUỐT NHIỀU NĂM QUA VỚI SỰ THAM GIA TÍCH CỰC TỪ TRỤ SỞ CHÍNH ĐẾN CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC, MỤC TIÊU CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KHÔNG NẴM NGOÀI VIỆC CHIA SẺ KHÓ KHĂN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG DÂN NGHÈO TẠI NHỮNG ĐỊA PHƯƠNG CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN TRÊN CẢ NƯỚC.

NĂM 2018, VIETCOMBANK ĐÃ DÀNH GẦN 171 TỶ ĐỒNG CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI. TRONG GIAI ĐOẠN 2014-2018, SỐ TIỀN CHO HOẠT ĐỘNG NÀY LÀ GẦN 911 TỶ ĐỒNG.

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



VÌ MỘT VIỆT NAM XANH

"Vi một Việt Nam xanh" là Chương trình do Ban Bí thư Trung ương Đoàn kết hợp với Ban thường vụ các tỉnh/thành đoàn triển khai tại 63 tỉnh, thành trên toàn quốc với mục đích nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của cán bộ đoàn, đoàn viên, thanh thiếu nhi trong tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững đất nước; thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI trồng mới 30 triệu cây xanh.

Với ý nghĩa bảo vệ môi trường, thiết thực với cuộc sống, chương trình đã nhận được sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội và các bộ, ngành, địa phương cũng như các nghệ sĩ, diễn viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực đồng hành và tham gia vận động các tầng lớp nhân dân, người hâm mộ tích cực hưởng ứng chương trình.

Là ngân hàng thương mại có hiệu quả hoạt động dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam, với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, Vietcombank vinh dự đồng hành cùng chương trình **"Vi một Việt Nam xanh"** để góp phần hình thành nên 63 đường/vườn cây thanh niên tại 63 tỉnh/thành phố trong cả nước.



THÔNG ĐIỆP XANH TỪ LÒNG ĐẤT

Đây là chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh được Ban Chỉ đạo nhà nước triển khai theo Quyết định số 504/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mục tiêu mà chương trình đặt ra là huy động nguồn lực trong nước và quốc tế nhằm giảm thiểu và tiến tới khắc phục hoàn toàn ảnh hưởng của bom mìn, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an toàn cho nhân dân, giúp đỡ nạn nhân bom mìn hòa nhập đời sống xã hội. Vietcombank vinh dự được tham gia đồng hành cùng chương trình.



CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)
HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT

Giải thưởng **Nhân tài Đất Việt** do Hội Khuyến học Việt Nam cùng Báo Dân trí tổ chức thường niên, khởi đầu là khuyến khích và tôn vinh tài năng trong lĩnh vực CNTT - truyền thông. Qua các năm, Giải thưởng Nhân tài Đất Việt không ngừng mở rộng ra các lĩnh vực Khoa học công nghệ, Y dược, Môi trường và Khuyến tài.

Vietcombank đã đồng hành cùng Giải thưởng **Nhân tài Đất Việt** trong suốt 6 năm qua (2013-2018) với mong muốn được chung tay cùng Ban Tổ chức để khơi dậy sự sáng tạo từ cộng đồng, đặc biệt là những sáng kiến, nghiên cứu của các cá nhân, tập thể đem lại những giải pháp thiết thực cho cộng đồng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.

06 Năm

Đồng hành cùng giải thưởng **Nhân tài Đất Việt**



THẤP SÁNG ƯỚC MƠ THIẾU NHI VIỆT NAM

Chương trình **"Thấp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam"** là hoạt động thường niên (được tổ chức lần đầu tiên năm 2008) do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Hội đồng Đội Trung ương thực hiện, dành cho trẻ em nghèo hiếu học và trẻ em lang thang đường phố, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn. Qua 11 năm thực hiện và được tổ chức tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, chương trình đã nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ to lớn của các tổ chức, cá nhân với mục đích chung tay góp sức cùng cộng đồng, chia sẻ với các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho các em vươn lên trong cuộc sống. Vietcombank đã đồng hành trong 11 năm qua với vai trò đơn vị đồng tổ chức chương trình.

11 Năm

Đồng hành tổ chức chương trình **Thấp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam**



CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



MÀU XANH CHO CUỘC SỐNG

"Green for life – Màu xanh cho cuộc sống" là dự án hướng tới việc nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống xung quanh, được Vietcombank triển khai tại một số trường tiểu học trên địa bàn Hà Nội trong thời gian cuối năm 2016, đầu năm 2017. Mong muốn lớn nhất của những người làm dự án là phát triển ý thức trách nhiệm cộng đồng cho học sinh thông qua các hoạt động ý nghĩa.

Với nội dung gần gũi, đội ngũ tình nguyện viên của chương trình "Green for life" khéo léo truyền cảm hứng bảo vệ môi trường cho các bạn nhỏ Hà Nội thông qua những trò chơi tương tác vô cùng lý thú. Tham gia vào chương trình, các học sinh tiểu học không chỉ được hòa mình vào nhiều hoạt động thú vị mà còn được hướng dẫn cách để nhận biết những loại rác thải nào là rác vô cơ và loại rác thải nào là rác hữu cơ, bỏ vào các thùng đựng rác màu xanh đậm hoặc xanh nhạt do Vietcombank tài trợ.

Qua từng hoạt động cụ thể, các em học sinh đã dần hiểu rõ hơn về sự cần thiết của việc phân loại rác, những loại rác có thể phân hủy và những loại rác không thể phân hủy cần phải được xử lý đúng cách để có thể tái chế trước khi thải ra ngoài môi trường. Đây đều là những kiến thức thực tế rất bổ ích mà các bạn nhỏ cần phải ghi nhớ để vận dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, các em còn được tham gia các trò chơi như ghép tranh liên quan đến bảo vệ môi trường rất ý nghĩa.

Những trải nghiệm này đã mang đến cho các em học sinh những phút giây thật thoải mái khi được cùng chung tay lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp. Đây cũng là nỗ lực của Vietcombank trong việc không ngừng xây dựng hình ảnh một Ngân hàng Xanh phát triển bền vững vì cộng đồng.



TẶNG BÒ GIÚP ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI CÁC HUYỆN GIÁP TÂY NGUYÊN THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG

Năm 2015 – 2016, Vietcombank đã triển khai chương trình tài trợ bò cho đồng bào nghèo với hàng nghìn con bò được tài trợ cho các huyện miền núi khu vực Tây Nguyên và các huyện giáp Tây Nguyên. Chương trình đã được Trường Ban chỉ đạo Tây Nguyên đánh giá rất cao về tính thiết thực, hiệu quả trong việc cải thiện đời sống kinh tế đồng bào miền núi khu vực Tây Nguyên, giáp Tây Nguyên, nhằm giúp các hộ phát triển kinh tế và thoát nghèo bền vững.



HƯỚNG VỀ BIỂN ĐÀO QUÊ HƯƠNG

Nhận thức được tầm quan trọng chiến lược trong việc gìn giữ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ đồng hành cùng lịch sử đấu tranh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế – xã hội đất nước, với tấm lòng luôn hướng về biển đảo Tổ quốc, Vietcombank đã có nhiều hoạt động thiết thực như: Phát động cuộc vận động "Vi Trường Sa thân yêu" với việc quyên góp từ CBNV số tiền 5 tỷ đồng trong tổng số 50 tỷ đồng của toàn ngành ngân hàng để góp phần cải thiện đời sống người dân cũng như cán bộ, chiến sỹ đảo Trường Sa, tiếp thêm sức mạnh và ý chí cho quân, dân huyện đảo trong việc quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; Quyên góp ủng hộ các chương trình "Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa"; "Góp đá xây Trường Sa"; Tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra đảo Cô Tô; Tặng hệ thống loa truyền thanh đặc biệt trị giá 3 tỷ đồng cho lực lượng cảnh sát biển Việt Nam. Trao tặng Bộ Tư lệnh Hải quân 03 xuống cứu hộ CQ trị giá 10,5 tỷ đồng.



CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO) HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)

BÊN CẠNH ĐÓ, CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG NHƯ TÂY BẮC, TÂY NGUYÊN, TÂY NAM BỘ; PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC Y TẾ; GIÁO DỤC; HỖ TRỢ XÂY NHÀ TÌNH NGHĨA; HỖ TRỢ QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI MIỀN TRUNG VÀ NHIỀU LĨNH VỰC KHÁC NHƯ: CHĂM LO CHO CÁC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH; HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO, NGƯỜI TÀN TẬT, TRẺ EM NGHÈO VÀ NGƯỜI GIÀ CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT LUÔN ĐƯỢC VIETCOMBANK QUAN TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VỚI NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH THIẾT THỰC, CÓ Ý NGHĨA.

Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.

ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng tin học hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao... tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank hết sức quan tâm thông qua việc tặng hơn 10 nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng nhiều xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học...

Hàng năm, Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc... Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thắp lên niềm tin cho những em nhỏ có điều kiện chưa may mắn, thắp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.



Báo cáo thường niên 2018

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO) HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)

ĐỐI VỚI LĨNH VỰC Y TẾ

Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh... Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ suất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương.

Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank cũng luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.



CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)

Vietcombank
Chung niềm tin
Vững tương lai



Số tiền tài trợ cho
hoạt động An sinh
xã hội trong năm 2018

170.841
(Triệu đồng)

Luôn xác định an toàn, hiệu quả trong kinh doanh là mục tiêu hàng đầu, Vietcombank cũng luôn đề cao tính “Nhân văn” bởi đó là giá trị cốt lõi của văn hoá Vietcombank, quan tâm và dành một nguồn lực không nhỏ cho công tác an sinh xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng được Vietcombank đề ra hàng năm. Bởi vậy nếu trong kinh doanh, Vietcombank luôn coi chữ “Tín” là kim chỉ nam thì với hoạt động xã hội, Vietcombank luôn lấy chữ “Tâm” làm gốc, luôn nỗ lực để đem lại những giá trị thiết thực, lâu dài trong các lĩnh vực phát triển, chăm sóc cộng đồng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo. Đó chính là thông điệp và cũng là cam kết “Chung niềm tin vững tương lai” mà Vietcombank muốn gửi gắm tới tất cả khách hàng cùng mọi người dân Việt.

BẢNG SỐ LIỆU AN SINH XÃ HỘI

Tổng số liệu ASXH

TT	NỘI DUNG	NĂM (ĐVT: Triệu đồng)	
		2018	Giai đoạn 5 năm (2014 – 2018)
1	Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank	170.841	910.812

Khu vực

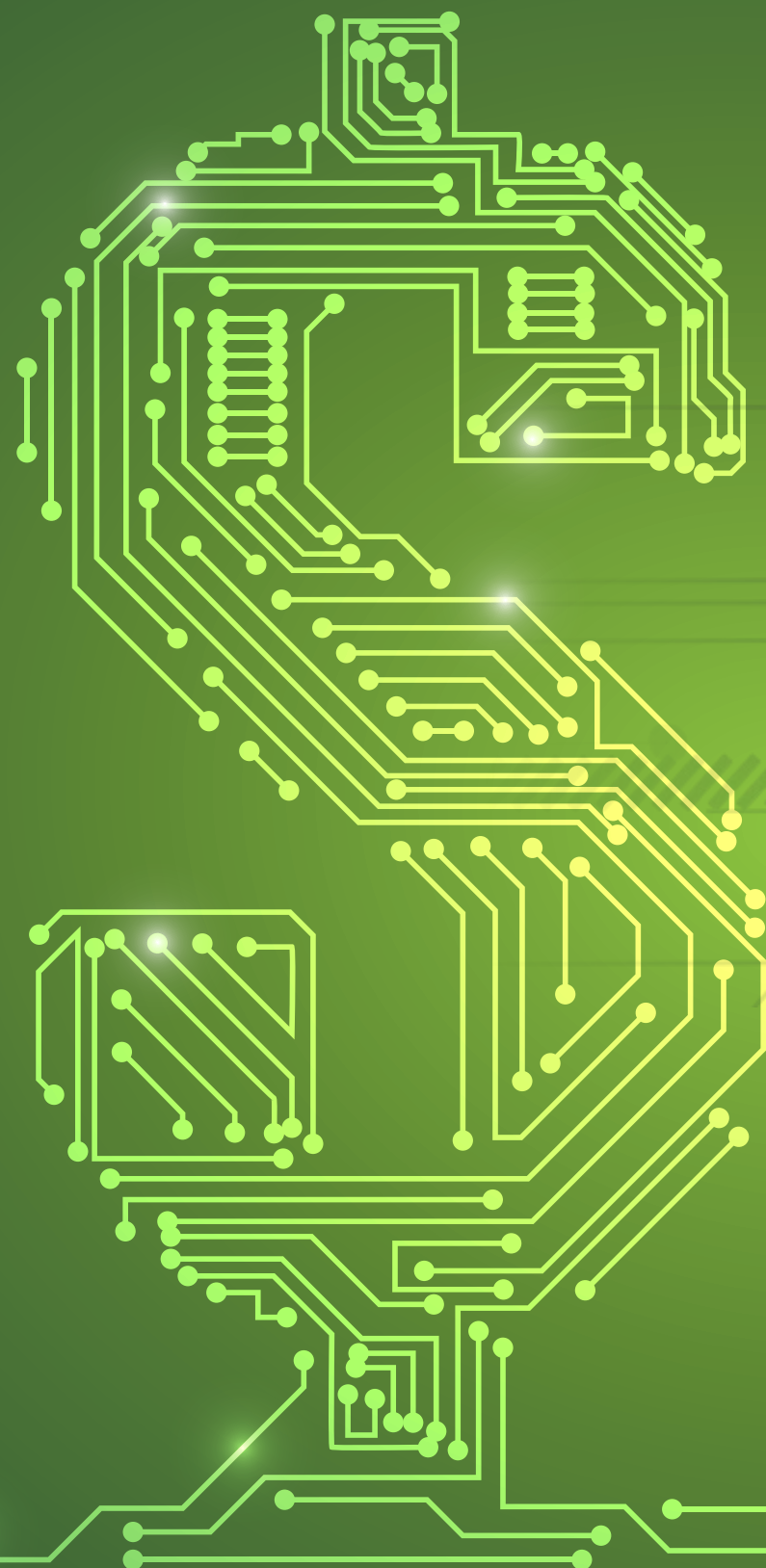
TT	Khu vực	Năm 2018 (ĐVT: Triệu đồng)
1	Khu vực Tây Bắc	29.694
2	Khu vực Tây Nguyên	9.137
3	Khu vực Tây Nam Bộ	69.567
4	Các tỉnh/thành phố khác	62.443

Các lĩnh vực

TT	Mục đích tài trợ	Giá trị thực hiện năm 2018 (ĐVT: Triệu đồng)
1	Giáo dục	105.672
2	Y tế	22.089
3	Xây dựng nhà cho người nghèo/nhà đại đoàn kết	15.750
4	Khắc phục hậu quả thiên tai	9.456
5	Lĩnh vực khác	17.873

Một số chương trình/công trình an sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai trong năm 2018

Tên chương trình	Số tiền
Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	8 tỷ đồng
Xây dựng Trường Mầm non Hòa Chánh, xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	3 tỷ đồng
Xây dựng Trường Mầm non xã Thanh Mỹ, Thanh Chương, Nghệ An	5 tỷ đồng
Tài trợ xây dựng BVKD huyện Trần Đề giai đoạn II tỉnh Sóc Trăng	12.5 tỷ đồng



PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về Ngân hàng	141-142
Báo cáo của Ban Điều hành	143
Báo cáo kiểm toán độc lập	144-145
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	146-148
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	149-150
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	151-152
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	153-218

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mục lục	Trang
Thông tin về Ngân hàng	141-142
Báo cáo của Ban Điều hành	143
Báo cáo kiểm toán độc lập	144-145
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	146-148
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	149-150
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	151-152
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	153-218

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG**GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG**

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 và Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 1 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Eiji Sasaki	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trương Gia Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Phạm Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Đào Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 10 tháng 3 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Eiji Sasaki	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Đào Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 8 năm 2015 Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 9 năm 2018
Bà Trương Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Kéo dài thời gian giữ chức vụ từ ngày 1 tháng 12 năm 2017 Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 11 năm 2018

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)

BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Lê Hoàng Tùng

Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014

Ông Nghiêm Xuân Thành

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(theo Giấy Ủy quyền số
01/UQ-VCB-CSTCKT
ngày 8 tháng 1 năm 2018)

Từ ngày 8 tháng 1 năm 2018

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Chức danh: Phó Tổng Giám đốc

TRỤ SỞ CHÍNH

198 Trần Quang Khải

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 146 đến trang 218.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng và các công ty con, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-00545-19-4



Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2019-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	12.792.045	10.102.861
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	5	10.845.701	93.615.618
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	250.228.037	232.973.403
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		187.352.500	159.043.345
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		63.875.537	73.930.058
3	Dự phòng rủi ro		(1.000.000)	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	2.654.806	9.669.033
1	Chứng khoán kinh doanh		2.725.051	9.750.244
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(70.245)	(81.211)
V	Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	8	275.983	832.354
VI	Cho vay khách hàng		621.573.249	535.321.404
1	Cho vay khách hàng	9	631.866.758	543.434.460
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(10.293.509)	(8.113.056)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	149.296.430	129.952.272
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		35.321.259	34.688.298
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		114.251.030	95.404.021
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(275.859)	(140.047)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn		2.476.067	3.552.828
2	Vốn góp liên doanh	12(a)	897.308	861.567
3	Đầu tư vào công ty liên kết	12(b)	10.339	10.434
4	Đầu tư dài hạn khác	12(c)	1.635.418	2.705.966
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12(c)	(66.998)	(25.139)
X	Tài sản cố định		6.527.466	6.162.361
1	Tài sản cố định hữu hình	13	4.459.292	4.198.053
a	Nguyên giá tài sản cố định		10.534.068	9.701.927
b	Hao mòn tài sản cố định		(6.074.776)	(5.503.874)
3	Tài sản cố định vô hình	14	2.068.174	1.964.308
a	Nguyên giá tài sản cố định		2.772.517	2.606.775
b	Hao mòn tài sản cố định		(704.343)	(642.467)
XII	Tài sản Có khác		17.356.776	13.111.149
1	Các khoản phải thu	15(a)	4.065.268	4.505.735
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15(b)	7.409.149	6.025.653
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		6.740	5.548
4	Tài sản Có khác	15(c)	5.879.141	2.576.228
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(3.522)	(2.015)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		1.074.026.560	1.035.293.283

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	90.685.315	171.385.068
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	76.524.079	66.942.203
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		75.245.679	55.803.878
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		1.278.400	11.138.325
III	Tiền gửi của khách hàng	18	801.929.115	708.519.717
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	25.803	23.153
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	21.461.132	18.214.504
VII	Các khoản nợ khác		21.221.737	17.650.679
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	8.717.540	8.467.337
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		19.295	20.052
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21(b)	12.484.902	9.163.290
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.011.847.181	982.735.324
VIII	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn của tổ chức tín dụng		36.322.343	36.321.931
a	Vốn điều lệ		35.977.686	35.977.686
g	Vốn khác		344.657	344.245
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		9.445.732	7.253.682
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		84.450	94.485
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		119.178	83.285
5	Lợi nhuận chưa phân phối		16.138.687	8.715.252
a	Lợi nhuận để lại năm trước		5.383.568	2.476.000
b	Lợi nhuận để lại năm nay		10.755.119	6.239.252
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		68.989	89.324
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22(a)	62.179.379	52.557.959
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.074.026.560	1.035.293.283

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1	Bảo lãnh vay vốn		276.512	265.179
2	Cam kết giao dịch hối đoái		61.831.282	74.729.089
	Cam kết mua ngoại tệ		12.471.111	8.223.247
	Cam kết bán ngoại tệ		49.360.171	66.505.842
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		57.703.713	45.239.213
5	Bảo lãnh khác		54.250.031	51.953.402
6	Các cam kết khác		295.856	284.135

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến



Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	55.863.951	46.158.768
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(27.455.435)	(24.221.222)
I	Thu nhập lãi thuần		28.408.516	21.937.546
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		7.022.155	5.378.176
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(3.619.663)	(2.839.967)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	3.402.492	2.538.209
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	2.266.429	2.042.417
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	250.462	476.400
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	-	(19.742)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		3.515.904	2.355.831
6	Chi phí hoạt động khác		(281.539)	(256.301)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	3.234.365	2.099.530
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	1.716.169	331.761
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		39.278.433	29.406.121
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(13.611.094)	(11.866.345)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		25.667.339	17.539.776
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(7.398.113)	(6.198.415)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (MANG SANG TRANG SAU)		18.269.226	11.341.361

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (MANG SANG TỪ TRANG TRƯỚC)		18.269.226	11.341.361
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(3.648.356)	(2.234.378)
8	Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.192	3.605
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.647.164)	(2.230.773)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		14.622.062	9.110.588
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(16.484)	(19.518)
XVI	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		14.605.578	9.091.070
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (Trình bày lại)	35	3.584	1.994

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến



Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		54.473.260	45.928.055
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(27.395.363)	(22.219.679)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được		3.402.492	2.538.209
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán		3.203.390	2.502.513
05	Chi phí khác đã trả		(42.957)	(90.716)
06	Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro		3.272.247	2.185.100
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(12.787.284)	(10.478.516)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm		(2.585.774)	(2.082.461)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động (Tăng)/giảm về tài sản hoạt động		21.540.011	18.282.505
09	Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		2.306.008	(11.802.549)
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán		(14.454.777)	(1.619.967)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		556.371	(601.696)
12	Các khoản cho vay khách hàng		(88.432.298)	(82.626.020)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay		(4.083.722)	(6.212.835)
14	Tài sản hoạt động khác		(2.666.699)	(2.109.501)
	Tăng/(giảm) về nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(80.699.753)	117.233.655
16	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		9.581.876	(5.296.202)
17	Tiền gửi của khách hàng		93.409.398	118.068.373
18	Phát hành giấy tờ có giá		3.246.793	7.928.128
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		2.650	23.153
21	Nợ hoạt động khác		824.980	1.480.116
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(1.365.175)	(1.141.469)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(60.234.337)	151.605.691

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01	Mua sắm tài sản cố định		(1.133.639)	(1.139.976)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		6.767	7.542
03	Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(1.692)	(2.396)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		2.628.038	265.688
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		129.753	129.685
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.629.227	(739.457)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
04	Cổ tức đã trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(2.914.981)	(2.896.942)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.914.981)	(2.896.942)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(61.520.091)	147.969.292
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		305.534.247	157.564.955
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	36	244.014.156	305.534.247

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến


Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán


Kế toán Trưởng



Phó Tổng Giám đốc


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO**(a) Thành lập và hoạt động**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 1 năm 2019.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 và Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019 sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngân, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật; hoạt động mua nợ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNNVN quy định.

(b) Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 12 vào ngày 16 tháng 12 năm 2016 và nội dung sửa đổi Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017 của NHNNVN, vốn điều lệ của Ngân hàng là 35.977.685.750.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2018		31/12/2017	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	2.774.353.387	77,10%	2.774.353.387	77,10%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	539.668.502	15,00%	539.668.502	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	283.746.686	7,90%	283.746.686	7,90%
	3.597.768.575	100%	3.597.768.575	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(c) Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trung tâm Đào tạo, một (1) Trung tâm xử lý tiền mặt và một trăm linh sáu (106) chi nhánh trên toàn quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, ba (3) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Mỹ, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trung tâm Đào tạo, một (1) Trung tâm xử lý tiền mặt và một trăm linh một (101) chi nhánh trên toàn quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh).

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là "Vietcombank".

(d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của NHNNVN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002 được sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép số 63/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN")	Chứng khoán	100%
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 7 tháng 3 năm 1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 3 tháng 11 năm 1992 và bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19 tháng 9 năm 1995	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền kiểu hối	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và sửa đổi lần cuối ngày 11 tháng 9 năm 2017 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70%
Công ty TNHH Một thành viên Kiểu hối Vietcombank	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 09 năm 2017	Nhận tiền kiểu hối	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25 tháng 5 năm 2018 do Ngân hàng Nhà nước Lào cấp	Ngân hàng	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Giấy phép đầu tư số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và hai Giấy phép điều chỉnh số 2458/GCNĐC1/41/1 ngày 26 tháng 10 năm 2011 và số 2458/GCNĐC2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005; sửa đổi lần gần đây nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2018	Quản lý quỹ đầu tư	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Giấy phép đầu tư số 55/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC1/KDBH ngày 28 tháng 12 năm 2018	Bảo hiểm nhân thọ	45%

Công ty liên kết

Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank - Bonday	Giấy phép số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991; sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC4 ngày 4 tháng 3 năm 2002	Cho thuê văn phòng	16%

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Vietcombank có 17.215 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 16.227 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(a) Mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 1(d). Ngân hàng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại thông tư này, Ngân hàng cũng đã lập báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (“Báo cáo tài chính riêng”) phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2019.

(b) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Vietcombank, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hoạt động kinh doanh ngoại tệ trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VND theo các tỷ giá giao dịch áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng trong kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Ngân hàng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các doanh nghiệp này và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Ngân hàng không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và cho vay các TCTD khác đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi hoặc cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(g) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09"). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(h) Cho vay khách hàng

(i) Dư nợ cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên số dư và kết quả phân loại nợ của các khoản cho vay của từng khách hàng tại ngày làm việc cuối cùng của quý. Riêng đối với quý cuối cùng, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên số dư và kết quả phân loại nợ của các khoản cho vay tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ngân hàng đã được NHNNVN chấp thuận thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005. Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Ngân hàng phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 02. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 02 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Ngân hàng phải sử dụng kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ gốc sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được chiết khấu:

	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Ngân hàng trích lập khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của quý. Riêng đối với quý cuối cùng, dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập bằng 0,75% tổng số dư nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- » Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- » Các khoản nợ được phân loại vào Nhóm 5.

(i) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Vietcombank và Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng thành viên/Hội đồng Quản trị/ban điều hành.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được. Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sau khi phân bổ và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Ngoài ra, theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) cũng được Vietcombank phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

(iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng thành viên/Hội đồng Quản trị/ban điều hành nhưng Vietcombank không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập nếu tổ chức kinh tế ("TCKT") mà Vietcombank đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại TCKT và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Vietcombank so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại TCKT tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị trường của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(j) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(k) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến tại địa điểm đặt tài sản.

Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- » Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- » Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- » Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-----------|
| » Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| » Máy móc, thiết bị | 3 – 5 năm |
| » Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 năm |
| » Tài sản cố định hữu hình khác | 4 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(l) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- » Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật Đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không được trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

(ii) Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong vòng 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(m) Tài sản Có khác

Ngoại trừ các khoản phải thu về doanh thu mà không thu được như trình bày tại Thuyết minh 2(t)(iv), đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, các tài sản Có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các tài sản có chưa đến hạn thanh toán nhưng TCKT lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

(n) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

(o) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(p) Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(q) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Vietcombank từ 12 tháng trở lên ("người lao động đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó. Trước năm 2012, dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Vietcombank.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC ("Thông tư 180") hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Vietcombank đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(r) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận là khoản mục nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được Ngân hàng sử dụng theo mục đích quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 ("Nghị định 93").

(s) Vốn và các quỹ

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi Vietcombank mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi căn trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

(iv) Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank ("VCBL") dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL.
- » Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế. Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 ("Nghị định 57"), mức tối đa của quỹ dự phòng tài chính là 25% vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL. Theo Nghị định 93 thay thế Nghị định 57, thì không có quy định về mức tối đa này.
- » Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng Thành viên và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận chưa phân phối của Vietcombank.

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS") trích lập các quỹ dự trữ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của VCBS.
- » Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của VCBS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(v) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của các công ty con ở nước ngoài sang Đồng Việt Nam cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(t) Doanh thu và chi phí

(i) Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn được trình bày tại Thuyết minh 2(h). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập cổ tức

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán theo phương pháp dự thu. Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác lập.

(iii) Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư 200, các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

(iv) Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2018, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán năm và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(u) Thuê tài sản

(i) *Đi thuê*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) *Cho thuê*

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản cho vay khách hàng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản dư nợ gốc cho vay khách hàng và thu nhập từ các khoản mục này được ghi nhận là các khoản "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự". Vietcombank phân bổ thu nhập từ cho thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê và số dư thuần cho thuê tài chính. Việc phân loại nợ cho các khoản cho thuê tài chính được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

(v) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(w) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- » Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của Vietcombank;
- » Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;
- » Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;
- » Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Vietcombank;
- » Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Vietcombank;
- » Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Vietcombank.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Vietcombank. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên liên quan của Vietcombank.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các khoản mục ngoại bảng

(i) *Các hợp đồng ngoại hối*

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng cho mục đích quản lý (Thuyết minh 2(h)).

(z) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

(aa) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Vietcombank (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

3. TRÌNH BÀY CÔNG CỤ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- » Tiền;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước;
- » Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác;
- » Chứng khoán kinh doanh;
- » Cho vay khách hàng;
- » Chứng khoán đầu tư;
- » Góp vốn, đầu tư dài hạn;
- » Các tài sản phái sinh; và
- » Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- » Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- » Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- » Tiền gửi của khách hàng;
- » Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro;
- » Phát hành giấy tờ có giá;
- » Các khoản nợ phải trả phái sinh; và
- » Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

(a) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Chỉ riêng cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210").

Đối với tài sản tài chính, phân loại thành:

- » Tài sản tài chính kinh doanh;
- » Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- » Các khoản cho vay và phải thu; và
- » Tài sản sẵn sàng để bán.

Đối với nợ phải trả tài chính, phân loại thành:

- » Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và
- » Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(b) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 43(b).

Việc lập và trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày tại Thuyết minh 43(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi có một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

4. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	9.761.340	8.185.268
Tiền mặt bằng ngoại tệ	3.030.243	1.917.103
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	462	490
	12.792.045	10.102.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	10.152.565	93.615.618
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	693.136	-
	10.845.701	93.615.618

(i) Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc và số dư tiền gửi thanh toán.

Số dư bình quân tài khoản thanh toán của Ngân hàng tại NHNNVN không thấp hơn tiền dự trữ bắt buộc trong tháng. Dự trữ bắt buộc cho tháng duy trì dự trữ bắt buộc được tính bằng cách lấy số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc của Ngân hàng trong tháng xác định dự trữ bắt buộc nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc quy định cho Ngân hàng và cho từng loại tiền gửi tương ứng trong từng thời kỳ.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2018	31/12/2017
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất thực tế của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2018	31/12/2017
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	1,2%/năm	1,2%/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0%/năm	0%/năm
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0%/năm	0%/năm
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%/năm	0,05%/năm

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kíp Lào ("LAK") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập công ty con của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và tiền gửi ký quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2018	31/12/2017
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	5%	-
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	5%	-
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	10%	-
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	10%	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	101.265	136.596
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	42.122.160	44.995.386
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	71.666.407	58.303.507
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	73.462.668	55.607.856
	187.352.500	159.043.345
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Cho vay bằng VND	56.765.202	71.438.839
Cho vay bằng ngoại tệ	7.110.335	2.491.219
	63.875.537	73.930.058
Dự phòng rủi ro	(1.000.000)	-
	250.228.037	232.973.403

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	207.957.674	187.841.421
Nợ cần chú ý	46.938	-
Nợ có khả năng mất vốn	1.000.000	-
	209.004.612	187.841.421

Biến động dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn và cho vay tại các TCTD khác trong năm như sau:

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	1.000.000	-
Số dư cuối năm	1.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	1.181.914	6.753.281
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	935.301	2.267.809
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	250.400	283.298
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	10	2.962
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	357.426	442.894
	2.725.051	9.750.244
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(70.245)	(81.211)
	2.654.806	9.669.033

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	2.117.216	9.021.090
Chưa niêm yết	250.399	283.298
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	251.143	344.264
Chưa niêm yết	106.293	101.592
	2.725.051	9.750.244

Biến động trong năm của dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh như sau:

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Số dư đầu năm	81.211	37.833
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng (Thuyết minh 28)	(10.966)	43.378
Số dư cuối năm	70.245	81.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	49.068.305	245.703	59.934.601	785.882
Hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	15.228.880	30.280	6.863.062	46.472
	64.297.185	275.983	66.797.663	832.354

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	624.073.743	536.742.491
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	3.930.917	3.109.627
Cho thuê tài chính	3.855.993	3.576.815
Các khoản trả thay khách hàng	1.000	432
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	5.105	5.095
	631.866.758	543.434.460

Phân tích dư nợ theo chất lượng nợ cho vay như sau:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	621.862.679	532.442.513
Nợ cần chú ý	3.781.086	4.783.258
Nợ dưới tiêu chuẩn	291.788	684.223
Nợ nghi ngờ	1.160.507	3.584.263
Nợ có khả năng mất vốn	4.770.698	1.940.203
	631.866.758	543.434.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	342.212.900	303.366.942
Nợ trung hạn	53.310.111	56.529.525
Nợ dài hạn	236.343.747	183.537.993
	631.866.758	543.434.460

Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Doanh nghiệp nhà nước	68.153.883	83.310.960
Công ty trách nhiệm hữu hạn	128.333.629	109.118.330
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	38.567.007	38.357.370
Hợp tác xã và công ty tư nhân	2.487.292	5.250.845
Cá nhân	235.884.022	177.778.008
Khác	158.440.925	129.618.947
	631.866.758	543.434.460

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Sản xuất và gia công chế biến	163.734.487	147.736.460
Thương mại, dịch vụ	120.238.625	118.528.188
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	29.340.404	26.547.170
Xây dựng	28.873.357	32.115.297
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	23.352.261	23.016.953
Khai khoáng	15.476.351	16.311.491
Nông, lâm, thủy hải sản	14.499.324	11.296.702
Nhà hàng, khách sạn	11.362.643	9.441.003
Khác	224.989.306	158.441.196
	631.866.758	543.434.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Dự phòng chung	4.695.445	4.116.920
Dự phòng cụ thể	5.598.064	3.996.136
	10.293.509	8.113.056

Biến động trong năm của dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Số dư đầu năm	4.116.920	3.374.674
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	578.524	742.246
Chênh lệch tỷ giá	1	-
Số dư cuối năm	4.695.445	4.116.920

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Số dư đầu năm	3.996.136	4.712.079
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	5.683.777	5.496.249
Xử lý các khoản cho vay khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(4.083.722)	(6.212.835)
Chênh lệch tỷ giá	1.873	643
Số dư cuối năm	5.598.064	3.996.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (a)	35.233.134	34.671.798
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (b)	114.063.296	95.280.474
	149.296.430	129.952.272

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu Chính phủ	22.120.565	25.153.866
Tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNNVN	-	2.000.000
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	13.192.504	7.426.242
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	-	100.000
<i>Chứng khoán vốn</i>		
Chứng khoán vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	8.190	8.190
	35.321.259	34.688.298
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(88.125)	(16.500)
Tổng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	35.233.134	34.671.798

(i) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	88.125	16.500

Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) như sau:

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Số dư đầu năm	16.500	17.250
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	71.625	(750)
Số dư cuối năm	88.125	16.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu Chính phủ	83.967.301	73.423.370
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	22.601.979	7.647.900
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	7.681.750	14.332.751
	114.251.030	95.404.021
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(187.734)	(123.547)
Tổng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	114.063.296	95.280.474

(ii) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	187.734	123.547
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	-
	187.734	123.547

Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) như sau:

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Số dư đầu năm	123.547	113.536
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	64.187	10.011
Số dư cuối năm	187.734	123.547

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	49.341
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	-	(49.341)
Số dư cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(iii) Phân tích chất lượng chứng khoán chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	38.080.751	22.432.752

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

(a) Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành (i)	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	492.807
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	145.031
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	259.470
			815.515	897.308

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành (i)	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	452.854
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	136.665
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	272.048
			815.515	861.567

(i) Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành và 51% vốn góp của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank. Điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty con”.

(ii) Ngân hàng sở hữu 45% vốn góp của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif. Điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	10.339

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	10.434

Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc tham gia vào Hội đồng Thành viên nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác”.

(c) Đầu tư dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất – Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,50%	319.907
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,50%	802.269
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tin dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tin dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,21%	353.180
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
			1.635.418
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(66.998)
			1.568.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất – Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	6,97%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	3,97%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Thông tin tin dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tin dụng	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,83%	499.602
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
			2.705.966
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(25.139)
			2.680.827

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Số dư đầu năm	25.139	14.347
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	41.859	10.792
Số dư cuối năm	66.998	25.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc, thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn Triệu VND	Tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.864.100	3.802.470	829.683	1.205.674	9.701.927
Tăng trong năm	484.101	332.043	64.410	133.911	1.014.465
- Mua mới	443.947	332.043	64.410	129.951	970.351
- Tăng khác	40.154	-	-	3.960	44.114
Giảm trong năm	(5.765)	(148.437)	(12.060)	(16.062)	(182.324)
- Thanh lý, nhượng bán	(5.765)	(89.343)	(12.060)	(15.620)	(122.788)
- Giảm khác	-	(59.094)	-	(442)	(59.536)
Số dư cuối năm	4.342.436	3.986.076	882.033	1.323.523	10.534.068
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	933.728	3.301.508	543.417	725.221	5.503.874
Tăng trong năm	191.746	290.730	76.915	184.351	743.742
- Khấu hao	186.385	290.730	76.915	184.351	738.381
- Tăng khác	5.361	-	-	-	5.361
Giảm trong năm	(6.265)	(138.328)	(12.061)	(16.186)	(172.840)
- Thanh lý, nhượng bán	(5.437)	(88.191)	(12.061)	(16.096)	(121.785)
- Giảm khác	(828)	(50.137)	-	(90)	(51.055)
Số dư cuối năm	1.119.209	3.453.910	608.271	893.386	6.074.776
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.930.372	500.962	286.266	480.453	4.198.053
Số dư cuối năm	3.223.227	532.166	273.762	430.137	4.459.292

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 3.885.159 triệu VND (31/12/2017: 3.609.533 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Bản quyền và bằng sáng chế Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.915.710	590.462	100.603	2.606.775
Tăng trong năm	153.826	11.882	60	165.768
- Mua mới	153.406	9.822	60	163.288
- Tăng khác	420	2.060	-	2.480
Giảm khác trong năm	-	(26)	-	(26)
Số dư cuối năm	2.069.536	602.318	100.663	2.772.517
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	56.123	506.182	80.162	642.467
Tăng trong năm	16.156	40.493	5.230	61.879
- Khấu hao	14.771	39.169	5.230	59.170
- Tăng khác	1.385	1.324	-	2.709
Giảm khác trong năm	-	(3)	-	(3)
Số dư cuối năm	72.279	546.672	85.392	704.343
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.859.587	84.280	20.441	1.964.308
Số dư cuối năm	1.997.257	55.646	15.271	2.068.174

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 562.477 triệu VND (31/12/2017: 539.560 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	1.361.701	942.915
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	2.703.567	3.562.820
	4.065.268	4.505.735

(i) Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	927.569	436.817
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	290.225	252.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	80	134
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	19.743	18.425
Tạm ứng thuế khác	2	2
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	492.249	428.340
Các khoản phải thu khác	973.699	2.426.305
	2.703.567	3.562.820

(*) Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Xây dựng cơ bản dở dang	492.249	428.340
<i>Trong đó, những dự án lớn:</i>	<i>384.496</i>	<i>227.172</i>
Dự án trụ sở Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	102.005	3.253
Dự án trụ sở Chi nhánh Thành Công	92.113	58
Dự án trụ sở Chi nhánh Ninh Bình	60.000	60.000
Dự án trụ sở Chi nhánh Kon Tum	49.133	20.785
Dự án trụ sở Chi nhánh Thủ Đức	28.831	1.547
Dự án trụ sở Chi nhánh Bắc Sài Gòn	22.832	1.010
Dự án trụ sở Chi nhánh Phú Yên	18.421	1.248
Dự án trụ sở Chi nhánh Bắc Ninh	6.775	127
Dự án trụ sở Chi nhánh Tiền Giang	4.386	5.644
Dự án trụ sở Chi nhánh Nam Định	-	133.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(b) Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Từ cho vay khách hàng	2.971.363	2.343.515
Từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	365.801	458.793
Từ các khoản chứng khoán đầu tư	4.017.845	3.205.653
Từ các giao dịch phái sinh	51.938	15.969
Phí phải thu	2.202	1.723
	7.409.149	6.025.653

(c) Tài sản Có khác

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	626.509	698.732
Vật liệu	123.944	107.908
Tạm ứng thanh toán thẻ	4.082.720	954.952
Tiền thuê đất trả tiền trước một lần	467.016	383.423
Tài sản Có khác	578.952	431.213
	5.879.141	2.576.228
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(3.522)	(2.015)
	5.875.619	2.574.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.580.863	4.158.664
Vay theo hồ sơ tín dụng	2.787.812	3.400.693
Vay khác	793.051	757.971
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	87.095.730	165.081.565
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	21.407.768	155.836.670
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	9.687.962	9.244.895
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	56.000.000	-
Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	8.722	2.144.839
	90.685.315	171.385.068

17. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	75.245.679	55.803.878
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	14.859.745	12.085.649
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	46.498.477	39.883.554
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	8.490.250	-
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.397.207	3.834.675
Vay các tổ chức tín dụng khác	1.278.400	11.138.325
Vay bằng VND	1.278.400	3.401.700
Vay bằng ngoại tệ	-	7.736.625
	76.524.079	66.942.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	226.842.211	201.004.132
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	170.439.488	149.797.322
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	56.402.723	51.206.810
Tiền gửi có kỳ hạn	558.786.377	495.438.508
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	471.896.716	417.756.992
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	86.889.661	77.681.516
Tiền gửi vốn chuyên dùng	14.948.566	10.951.390
Tiền gửi ký quỹ	1.351.961	1.125.687
	801.929.115	708.519.717

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	380.422.106	316.488.540
Cá nhân	421.507.009	392.031.177
	801.929.115	708.519.717

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	25.803	23.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi		
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	-	170
Trung hạn bằng VND	325	325
Trung hạn bằng ngoại tệ	994	2.298
Kỳ phiếu, trái phiếu		
Ngắn hạn bằng VND	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	30	30
Trung hạn bằng VND	10.630.839	7.211.622
Trung hạn bằng ngoại tệ	12	12
Dài hạn bằng VND	10.828.885	11.000.000
	21.461.132	18.214.504

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Lãi tiền gửi của khách hàng	8.210.463	7.851.033
Lãi tiền gửi và vay các TCTD khác	32.613	307.489
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	376.975	268.081
Lãi phải trả giao dịch phái sinh	91.193	34.403
Phí ủy thác đầu tư	6.296	6.331
	8.717.540	8.467.337

(b) Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ (i)	2.809.792	2.811.953
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	7.076.700	4.500.523
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.598.410	1.850.814
	12.484.902	9.163.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(i) Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	2.473.336	2.447.077
Các khoản phải trả khác	336.456	364.876
	2.809.792	2.811.953

(ii) Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Thuế phải trả (Thuyết minh 38)	1.610.091	484.827
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	1.342.984	276.569
- Thuế giá trị gia tăng chờ nộp ngân sách	50.938	37.539
- Các thuế khác phải trả	216.169	170.719
Lãi nhận trước chờ phân bổ	87.535	36.021
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	347.802	357.244
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	220.120	161.561
Các khoản khác phải trả khách hàng	1.524.150	532.487
Các khoản chờ thanh toán khác	269.602	355.780
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Vay Bộ Tài chính	1.001.583	702.162
Phải trả khác	1.951.289	1.805.913
	7.076.700	4.500.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Vốn khác	Quỹ của tổ chức tín dụng				Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
			Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng					
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	35.977.686	344.245	2.381.774	4.801.247	70.661	7.253.682	94.485	83.285	8.715.252	89.324	52.557.959
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	14.605.578	16.484	14.622.062
Tạm trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm 2018	-	-	722.733	1.445.467	-	2.168.200	-	-	(2.168.200)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2018	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.670.475)	-	(1.670.475)
Điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	-	412	2.218	4.435	-	6.653	-	-	(399.414)	-	(392.349)
Trả cổ tức cổ đông năm 2017 (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.878.215)	-	(2.878.215)
Sử dụng trong năm	-	-	-	(13.081)	-	(13.081)	-	-	-	-	(13.081)
Trả cổ tức của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(36.766)	(36.766)
Trích các quỹ của các công ty con	-	-	13.060	17.218	-	30.278	-	-	(70.521)	(513)	(40.756)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	(10.035)	-	-	503	(9.532)
Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	35.893	-	-	35.893
Điều chỉnh công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	6.721	-	6.721
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.039)	(43)	(2.082)
Số dư tại ngày 31/12/2018	35.977.686	344.657	3.119.785	6.255.286	70.661	9.445.732	84.450	119.178	16.138.687	68.989	62.179.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(b) Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Cổ phiếu phổ thông		
Nhà nước	27.743.534	27.743.534
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	5.396.685	5.396.685
Các cổ đông khác	2.837.467	2.837.467
	35.977.686	35.977.686

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2018		31/12/2017	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần theo giấy phép	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

23. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết số 11/TN2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng đã quyết định mức chia cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt là 8% mệnh giá, tương đương với số tiền là 2.878.215 triệu VND. Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cổ tức năm 2017 cho các cổ đông vào ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Nghị quyết số 373/NQ-VCB-HĐQT ngày 4 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng	43.756.805	36.165.352
Thu nhập từ lãi tiền gửi	2.880.373	1.974.911
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ:	8.304.634	7.197.869
- từ chứng khoán đầu tư	8.164.621	6.936.567
- từ chứng khoán kinh doanh	140.013	261.302
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	287.078	253.228
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	411.962	390.347
Thu khác từ hoạt động tín dụng	223.099	177.061
	55.863.951	46.158.768

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	25.365.310	22.348.284
Chi phí lãi tiền vay	544.079	773.985
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.516.041	1.067.368
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	30.005	31.585
	27.455.435	24.221.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

26. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	4.590.636	3.451.048
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	245.694	243.295
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	6.321	30.477
Thu khác	2.179.504	1.653.356
	7.022.155	5.378.176
Chi phí từ hoạt động dịch vụ		
Chi về dịch vụ thanh toán	(2.907.563)	(2.190.939)
Chi về dịch vụ ngân quỹ	(69.372)	(59.688)
Chi về dịch vụ viễn thông	(100.790)	(94.812)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(746)	(7.093)
Chi khác	(541.192)	(487.435)
	(3.619.663)	(2.839.967)
	3.402.492	2.538.209

27. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	4.449.872	3.033.367
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	363.485	333.649
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	325.992	921
Lãi đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	87.041	86.975
	5.226.390	3.454.912
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(865.920)	(681.035)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(983.543)	(573.197)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(466.445)	(37.520)
Lỗ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	(644.053)	(120.743)
	(2.959.961)	(1.412.495)
	2.266.429	2.042.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

28. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	539.389	598.033
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(299.893)	(78.255)
Hoàn nhập/(trích lập) chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	10.966	(43.378)
	250.462	476.400

29. LỖ THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	338
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	-	(20.080)
	-	(19.742)

30. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	3.272.247	2.185.100
Thu nhập khác	243.657	170.731
	3.515.904	2.355.831
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(9.117)	(85.028)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(159)	-
Chi công tác xã hội	(150.034)	(106.832)
Chi phí khác	(122.229)	(64.441)
	(281.539)	(256.301)
	3.234.365	2.099.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần (Thuyết minh 34)	129.753	129.685
- Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận	122.636	116.966
- Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận	7.117	12.719
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	1.557.490	142.236
Hạch toán lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 34)	28.926	59.840
	1.716.169	331.761

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	253.632	229.392
Chi phí cho nhân viên	7.677.596	6.733.373
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp (Thuyết minh 37)	6.920.065	6.289.709
- Các khoản chi đóng góp theo lương	608.943	308.610
- Chi trợ cấp	3.977	3.539
Chi về tài sản	2.340.006	2.051.907
- Khấu hao tài sản cố định	797.551	711.474
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.728.089	2.358.518
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	526.591	444.889
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(c))	41.859	10.792
Chi phí hoạt động khác	43.321	37.474
	13.611.094	11.866.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

33. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 6)	1.000.000	-
Dự phòng chung cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	578.524	742.246
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	5.683.777	5.496.249
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	135.812	9.261
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11(a))	71.625	(750)
Trích lập dự phòng cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11(b))	64.187	10.011
Dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết		
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 11(b))	-	(49.341)
	7.398.113	6.198.415

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	18.269.226	11.341.361
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(436.375)	(302.354)
Cổ tức thu được trong năm (Thuyết minh 31)	(129.753)	(129.685)
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 31)	(28.926)	(59.840)
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	104.032	(7.935)
Chi phí từ các hoạt động không chịu thuế TNDN	29.601	19.081
Thu nhập chịu thuế	17.807.805	10.860.628
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của Ngân hàng (thuế suất: 20%)	3.561.561	2.172.126
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 20%)	84.024	60.201
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 16,5%)	2.771	2.051
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	3.648.356	2.234.378

(b) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 16,5%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần	14.605.578	9.091.070
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.710.718)	(1.916.083)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	12.894.860	7.174.987

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập vào thời điểm cuối năm. Do đó, lợi nhuận thuần dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tương ứng.

(b) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2018	2017
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	3.597.768.575	3.597.768.575
Ảnh hưởng trong năm	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	3.597.768.575	3.597.768.575

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018	2017 (trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.584	1.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	12.792.045	10.102.861
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	10.845.701	93.615.618
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	220.376.410	199.815.768
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	-	2.000.000
	244.014.156	305.534.247

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2018	2017
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	17.215	16.227
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VND) (Thuyết minh 32)	6.920.065	6.289.709
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)	33,50	32,30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư tại ngày 1/1/2018		Phát sinh trong năm		Số dư tại ngày 31/12/2018		Tổng cộng
	Triệu VND	Số phải nộp	Triệu VND	Số đã nộp	Triệu VND	Phải trả	
Thuế giá trị gia tăng	19.114	521.397	521.397	(509.316)	50.938	(19.743)	31.195
Thuế TNDN hiện hành	276.435	3.652.243	3.652.243	(2.585.774)	1.342.984	(80)	1.342.904
Trong đó:							
- Thuế TNDN của Vietcombank	276.569	3.648.356	3.648.356	(2.581.941)	1.342.984	-	1.342.984
- Điều chỉnh thuế các năm trước	(78)	3.889	3.889	(3.833)	-	(22)	(22)
- Nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafico	(56)	(2)	(2)	-	-	(58)	(58)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	20.052	(757)	(757)	-	19.295	-	19.295
Các loại thuế khác	170.717	1.091.535	1.091.535	(1.046.085)	216.169	(2)	216.167
	486.318	5.264.418	5.264.418	(4.141.175)	1.629.386	(19.825)	1.609.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

39. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Tiền gửi	91.140.187	68.674.401
Giấy tờ có giá	91.307.623	108.914.574
Bất động sản	622.702.902	453.798.437
Tài sản bảo đảm khác	241.787.741	208.494.777
	1.046.938.453	839.882.189

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Vietcombank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

41. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Mối liên hệ	2018 Triệu VND Thu nhập/ (chi phí)	2017 Triệu VND Thu nhập/ (chi phí)
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Đại diện chủ sở hữu		
Thu nhập từ lãi tiền gửi	216.309	134.601
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay	(152.162)	(173.156)
Bộ Tài chính		
Bên liên quan của chủ sở hữu		
Chi phí lãi tiền gửi	(1.287.656)	(565.023)
Chi phí lãi tiền vay	(31.792)	(28.991)

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã chi không vượt quá 0,35% lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Nghị quyết số 11/TN2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông.

Thu nhập của Ban Điều hành đã chi theo Quy chế Tiền lương trong hệ thống Vietcombank.

(b) Số dư với các bên liên quan

Mối liên hệ	31/12/2018 Triệu VND Phải thu/ (phải trả)	31/12/2017 Triệu VND Phải thu/ (phải trả)
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Đại diện chủ sở hữu		
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNNVN	10.152.565	93.615.296
Tiền gửi và tiền vay của NHNNVN tại Vietcombank	(3.589.585)	(6.303.503)
Bộ Tài chính		
Bên liên quan của chủ sở hữu		
Tiền gửi tại Ngân hàng	(87.095.730)	(165.081.565)
Vay Bộ Tài chính	(1.001.583)	(702.162)
Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản		
Cổ đông chiến lược		
Tiền gửi của Ngân hàng tại Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	1.767.477	5.994.987
Tiền gửi của Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản tại Ngân hàng	(3.667.092)	(3.190.241)
Vay Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	-	(448.500)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung và Tây Nguyên Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	77.780.799	13.535.869	38.109.601	76.387	(73.638.705)	55.863.951
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(65.901.975)	(9.365.838)	(25.807.910)	(27.596)	73.647.884	(27.455.435)
I Thu nhập lãi thuần	11.878.824	4.170.031	12.301.691	48.791	9.179	28.408.516
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.791.323	684.271	2.643.475	49.173	(146.087)	7.022.155
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	(3.522.035)	(23.077)	(91.587)	(14.836)	31.872	(3.619.663)
II Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	269.288	661.194	2.551.888	34.337	(114.215)	3.402.492
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.653.084	93.355	519.822	168	-	2.266.429
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	259.621	-	-	-	(9.159)	250.462
5 Thu nhập từ hoạt động khác	1.545.368	473.740	1.490.320	6.476	-	3.515.904
6 Chi phí hoạt động khác	(146.582)	(42.005)	(92.002)	(950)	-	(281.539)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	1.398.786	4.317.35	1.398.318	5.526	-	3.234.365
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1.716.169	-	-	-	-	1.716.169
VIII Tổng thu nhập hoạt động	17.175.772	5.356.315	16.771.719	88.822	(114.195)	39.278.433
IX Chi phí hoạt động	(8.594.431)	(1.297.009)	(3.558.651)	(67.114)	(93.889)	(13.611.094)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8.581.341	4.059.306	13.213.068	21.708	(208.084)	25.667.339
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.256.620)	(864.555)	(276.940)	2	-	(7.398.113)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	2.324.721	3.194.751	12.936.128	21.710	(208.084)	18.269.226
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	(416.406)	(639.744)	(2.589.435)	(2.771)	-	(3.648.356)
8 Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	1192	-	-	-	-	1.192
XII Chi phí thuế TNDN	(415.214)	(639.744)	(2.589.435)	(2.771)	-	(3.647.164)
XIII Lợi nhuận sau thuế	1.909.507	2.555.007	10.346.693	18.939	(208.084)	14.622.062

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:	Dịch vụ tài chính ngân hàng		Dịch vụ tài chính phi ngân hàng		Chứng khoán	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND				
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	128.839.344	419.178	224.047	20.087	(73.638.705)	55.863.951		
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(100.804.581)	(209.238)	(89.500)	-	73.647.884	(27.455.435)		
I Thu nhập lãi thuần	28.034.763	209.940	134.547	20.087	9.179	28.408.516		
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.717.553	35.665	251.265	163.759	(146.087)	7.022.155		
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	(3.536.517)	(1.052)	(46.240)	(67.726)	31.872	(3.619.663)		
II Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	3.181.036	34.613	205.025	96.033	(114.215)	3.402.492		
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.263.253	3.176	-	-	-	2.266.429		
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	187.868	-	71.753	-	(9.159)	250.462		
5 Thu nhập từ hoạt động khác	3.504.619	5.540	312	5.433	-	3.515.904		
6 Chi phí hoạt động khác	(277.435)	(14)	(23)	(4.067)	-	(281.539)		
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	3.227.184	5.526	289	1.366	-	3.234.365		
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1.709.052	-	7.117	-	-	1.716.169		
Tổng thu nhập hoạt động	38.603.156	253.255	418.731	117.486	(114.195)	39.278.433		
VIII Chi phí hoạt động	(13.140.407)	(131.038)	(195.678)	(50.082)	(93.889)	(13.611.094)		
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	25.462.749	122.217	223.053	67.404	(208.084)	25.667.339		
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(7.399.506)	1.393	-	-	-	(7.398.113)		
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	18.063.243	123.610	223.053	67.404	(208.084)	18.269.226		
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	(3.561.561)	(23.557)	(49.500)	(13.738)	-	(3.648.356)		
8 Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	-	-	1.192	-	-	1.192		
XII Chi phí thuế TNDN	(3.561.561)	(23.557)	(48.308)	(13.738)	-	(3.647.164)		
XIII Lợi nhuận sau thuế	14.501.682	100.053	174.745	53.666	(208.084)	14.622.062		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Thuyết minh về tài sản bảo đảm

Vietcombank không nắm giữ tài sản bảo đảm mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018		Giá trị ghi sổ – gộp				Giá trị hợp lý hợp lý Triệu VND
	Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Tài sản tài chính						
I	-	-	12.792.045	-	-	12.792.045
II	-	-	10.845.701	-	-	10.845.701
III	-	-	251.228.037	-	-	251.228.037
IV	2.725.051	-	-	-	-	2.725.051
V	275.983	-	-	-	-	275.983
VI	-	-	631.866.758	-	-	631.866.758
VIII	-	114.251.030	-	35.321.259	-	149.572.289
IX	-	-	-	1.635.418	-	1.635.418
XII	-	-	14.198.286	-	-	14.198.286
	3.001.034	114.251.030	920.930.827	36.956.677	-	1.075.139.568
Nợ phải trả tài chính						
I	-	-	-	-	167.209.394	167.209.394
II	-	-	-	-	801.929.115	801.929.115
IV	-	-	-	-	25.803	25.803
V	-	-	-	-	21.461.132	21.461.132
VI	-	-	-	-	11.797.523	11.797.523
	-	-	-	-	1.002.422.967	1.002.422.967

(*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý các loại hình rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có ("ALCO") là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập. Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

(i) **Rủi ro tín dụng**

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, cam kết ngoại bảng, các khoản ủy thác cho vay, ủy thác và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 02 và Thông tư 09 (Thuyết minh 2(h)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không tính đến tài sản bảo đảm hay hỗ trợ tín dụng:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi tại NHNN	10.845.701	-	-	10.845.701
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	250.181.099	-	1.046.938	251.228.037
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	187.352.500	-	-	187.352.500
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	62.828.599	-	1.046.938	63.875.537
Chứng khoán kinh doanh	2.367.615	-	-	2.367.615
Cho vay khách hàng – gộp	619.118.418	2.744.261	10.004.079	631.866.758
Chứng khoán đầu tư – gộp	149.564.099	-	-	149.564.099
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	35.313.069	-	-	35.313.069
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	114.251.030	-	-	114.251.030
Tài sản Có khác	14.198.286	-	-	14.198.286
	1.046.275.218	2.744.261	11.051.017	1.060.070.496

Thông tin thêm về giá trị ghi sổ của tài sản bảo đảm Vietcombank nắm giữ tại ngày báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 39.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- » Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và các tài sản có khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi;
- » Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xếp vào khoản mục đến 1 tháng;
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và các khoản nợ khác được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của các giấy tờ có giá đã phát hành được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Vietcombank đối với từng đợt phát hành.

Bảng dưới đây trình bày kỳ định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản									
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	12.792.045	-	-	-	-	-	12.792.045
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	10.845.701	-	-	-	-	10.845.701
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	185.303.975	43.885.299	4.523.846	17.514.917	-	251.228.037
IV	Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	357.436	2.367.615	-	-	-	-	2.725.051
V	Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	-	275.983	-	-	-	-	-	275.983
VI	Cho vay khách hàng - gộp	9.216.639	-	148.132.669	225.296.445	155.142.744	57.996.128	35.456.910	631.866.758
VII	Chứng khoán đầu tư - gộp	-	8.190	571.376	5.971.107	2.824.650	9.553.973	92.191.178	149.572.289
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	2.543.065	-	-	-	-	-	2.543.065
IX	Tài sản cố định	-	6.527.466	-	-	-	-	-	6.527.466
X	Tài sản Có khác - gộp	-	17.360.298	-	-	-	-	-	17.360.298
	Tổng tài sản	9.216.639	39.864.483	347.221.336	275.152.851	162.491.240	85.065.018	127.648.088	1.085.736.693
Nợ phải trả									
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	159.835.849	4.040.452	2.168.912	1.164.181	-	167.209.394
II	Tiền gửi của khách hàng	-	39.771	434.735.960	127.545.490	115.361.025	121.752.038	2.490.151	801.929.115
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	1.235	18.481	25.803
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	214.636	-	-	5.153.400	14.899.211	21.461.132
VI	Các khoản nợ phải trả khác	-	20.220.154	1.001.583	-	-	-	-	21.221.737
	Tổng nợ phải trả	-	20.259.925	595.788.028	131.585.942	117.529.937	128.070.854	17.407.843	1.011.847.181
	Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	9.216.639	19.604.558	(248.566.692)	143.566.909	44.961.303	(43.005.836)	110.240.245	73.889.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Vietcombank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VND, USD và EUR. Một số tài sản khác của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VND, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Vietcombank áp dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2018	31/12/2017
USD/VND	23.200	22.425
EUR/VND	26.757	26.696

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	VND		USD		EUR		Tiền tệ khác		Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản										
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	9.761.340	2.256.509	382.899	391.297	12.792.045					
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.697.288	3.455.277	-	693.136	10.845.701					
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - góp	128.555.420	93.092.824	15.969.022	13.610.771	251.228.037					
IV Chứng khoán kinh doanh - góp	2.725.051	-	-	-	2.725.051					
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	52.883.329	(52.589.913)	24.157	(41.590)	275.983					
VI Cho vay khách hàng - góp	546.317.853	85.326.240	205.318	17.347	631.866.758					
VII Chứng khoán đầu tư - góp	91.572.289	58.000.000	-	-	149.572.289					
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	2.543.065	-	-	-	2.543.065					
IX Tài sản cố định	6.480.883	31.629	-	14.954	6.527.466					
X Tài sản Có khác - góp	15.675.239	1.446.272	13.406	225.381	17.360.298					
Tổng tài sản	863.211.757	191.018.838	16.594.802	14.911.296	1.085.736.693					
Nợ phải trả										
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	105.617.026	39.478.270	12.642.279	9.471.819	167.209.394					
II Tiền gửi của khách hàng	650.088.165	143.798.570	4.845.694	3.196.686	801.929.115					
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	25.803	-	-	-	25.803					
V Phát hành giấy tờ có giá	21.460.097	1.035	-	-	21.461.132					
VI Các khoản nợ phải trả khác	19.170.514	1.820.716	110.713	119.794	21.221.737					
Tổng nợ phải trả	796.361.605	185.098.591	17.598.686	12.788.299	1.011.847.181					
Trạng thái tiền tệ nội bảng	66.850.152	5.920.247	(1.003.884)	2.122.997	73.889.512					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) *Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

Rủi ro thanh khoản là tình huống Vietcombank không thể thực hiện các cam kết tài chính đã thỏa thuận đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy động đủ vốn hoặc không thanh khoản được tài sản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xem như tiền gửi thanh toán, bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được coi là dưới 1 tháng do các chứng khoán này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) *Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

- » Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đáo hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định; và
- » Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay, tiền gửi và giấy tờ có giá này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ tài khoản tiền gửi thanh toán của các TCTD khác tại Vietcombank và tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại các TCTD khác dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng được xếp loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay và tiền gửi này có thể được tái tục và duy trì trong thời gian lâu hơn.

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2018:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)**43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Tài sản								
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	12.792.045	-	-	-	-	12.792.045
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	10.845.701	-	-	-	-	10.845.701
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	183.930.855	44.204.611	20.672.851	2.419.720	-	251.228.037
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	2.725.051	-	-	-	-	2.725.051
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	275.983	-	-	-	275.983
VI Cho vay khách hàng - gộp	1.220.622	7.996.017	68.381.315	135.802.466	187.697.004	94.389.752	136.379.582	631.866.758
VII Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	308.566	3.925.107	9.180.365	94.310.436	41.847.815	149.572.289
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	2.543.065	2.543.065
IX Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	6.527.466	6.527.466
X Tài sản Có khác - gộp	-	-	-	17.360.298	-	-	-	17.360.298
Tổng tài sản	1.220.622	7.996.017	278.983.533	201.568.465	217.550.220	191.119.908	187.297.928	1.085.736.693
Nợ phải trả								
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	157.989.395	4.042.454	1.986.286	2.638.950	552.309	167.209.394
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	221.046.119	136.025.313	254.608.181	35.298.485	154.951.017	801.929.115
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	1.235	18.481	6.087	25.803
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	215.705	-	-	7.998.438	13.246.989	21.461.132
VI Các khoản nợ phải trả khác	-	-	-	20.220.154	-	-	1.001.583	21.221.737
Tổng nợ phải trả	-	-	379.251.219	160.287.921	256.595.702	45.954.354	169.757.985	1.011.847.181
Mức chênh thanh khoản ròng	1.220.622	7.996.017	(100.267.686)	41.280.544	(39.045.482)	145.165.554	17.539.943	73.889.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

44. CÁC SỰ KIỆN XẢY RA SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 4 tháng 1 năm 2019, Ngân hàng đã hoàn thành việc chào bán riêng lẻ 111.108.873 cổ phiếu cho hai (02) nhà đầu tư. Tổng số tiền thuần thu được từ việc phát hành cổ phiếu này là 6.106.488.918.731 VND. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mới được thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 1 năm 2019, mức vốn điều lệ của Ngân hàng sau chào bán là 37.088.774.480.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Vietcombank và cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm kết thúc cùng ngày.

45. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2019.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến



Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

[📍] : 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

[☎] : (+84) 24 3934 3137

[📠] : (+84) 24 3826 9067

[🌐] : Swift: BFTV VNVX

[🌐] : www.vietcombank.com.vn

